

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH HÀ GIANG
BAN QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG PHONG QUANG

ĐỀ ÁN
DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
TRONG KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG
GIAI ĐOẠN 2024 - 2030



Hà Giang, năm 2024

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT TỈNH HÀ GIANG
BAN QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG PHONG QUANG

ĐỀ ÁN

DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG
GIAI ĐOẠN 2024 - 2030

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

CHỦ ĐẦU TƯ
BQL RỪNG ĐẶC DỤNG
PHONG QUANG

CHỦ NHIỆM

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

GIAM ĐỐC



Nguyễn Thế Hưởng

Bùi Thế Đồi

Lương Triệu Vũ

Hà Giang, năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	vi
DANH MỤC CÁC HÌNH	vii
DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT	viii
TÓM TẮT ĐỀ ÁN	1
1. Mục tiêu của đề án bao gồm:	1
2. Điểm, tuyến du lịch:.....	2
3. Dự kiến tổng mức đầu tư:.....	3
4. Các nhóm giải pháp:	3
PHẦN MỞ ĐẦU	4
1. Sự cần thiết của đề án	4
2. Nguyên tắc phát triển du lịch.....	6
II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ KHOA HỌC CỦA ĐỀ ÁN.....	7
1. Cơ sở pháp lý	7
1.1. Các văn bản của Trung ương	7
1.2. Các văn bản Luật.....	7
1.3. Các văn bản của Chính phủ	7
1.4. Các Quyết định của Thủ tướng Chính Phủ, Bộ VHTT&DL và các thông tư liên quan	8
2. Văn bản của địa phương.....	9
3. Cơ sở khoa học của Đề án	10
4. Căn cứ thực tiễn.....	11
PHẦN II.....	13
NỘI DUNG ĐỀ ÁN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG,	13
GIAI ĐOẠN 2024-2030.....	13
Chương 1	13
ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHU BTTN PHONG QUANG	13
1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên	13
1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới, và diện tích.....	13
1.1.1.1. Vị trí địa lý	13
1.1.1.2. Diện tích.....	13
1.1.2. Địa hình, địa chất, thổ nhưỡng	13
1.1.3. Khí hậu và mùa du lịch.....	14
1.1.4. Thủy văn	15
1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất	16
1.1.6. Diện tích rừng.....	19
1.1.6.1. Tổng diện tích rừng và diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho Khu BTTN Phong Quang	19
1.1.7. Đa dạng sinh học	27
1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên.....	31
1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa.....	35

1.2.1. Dân số, dân tộc, lao động	35
1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội	36
1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa.....	41
1.3. Giao thông.....	43
1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch.....	43
1.4.1. Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực	43
1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch	44
1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch	46
1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến và chương trình du lịch	47
1.4.5. Đầu tư du lịch.....	47
1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch.....	48
1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá	48
1.4.8. Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng	48
1.4.9. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch.....	49
1.4.10. Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch.....	49
1.4.11. Kết quả các hoạt động kinh doanh	49
1.4.12. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn	50
CHƯƠNG 2.....	51
NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU	
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG,.....	51
GIAI ĐOẠN 2024-2030.....	51
2.1. Định hướng phát triển	51
2.2. Định hướng phát triển loại hình, sản phẩm du lịch, thị trường khách du lịch	53
2.2.1 Định hướng phát triển loại hình du lịch	53
2.2.2 Định hướng phát triển sản phẩm du lịch	55
2.2.3 Định hướng khai thác thị trường khách du lịch.....	57
2.2.4. Mục tiêu.....	59
2.2.5. Các chỉ tiêu	60
2.3. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	
giai đoạn 2024-2030	60
2.3.1. Từ chính sách	60
2.3.2. Từ các cộng đồng và các công ty du lịch	60
2.3.3. Từ nội tại Khu BTTN Phong Quang.....	61
2.3.4. Từ các yếu tố khác	61
2.4. Nội dung phát triển các địa điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí	
giai đoạn 2024 - 2030	62
2.4.1. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch.....	62
2.4.2. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch	89
2.4.3. Phương thức tổ chức khai thác, quản lý và giám sát du lịch	99
2.4.4. Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện	101
2.4.4.1. Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư và phương án huy động vốn	101
2.4.4.2. Các dự án ưu tiên	101
CHƯƠNG 3.....	105
GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU	
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG.....	105

3.1. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường du lịch, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.....	105
3.1.1. Giải pháp bảo vệ môi trường du lịch	105
3.1.2. Về bảo vệ rừng, phát triển rừng.....	105
3.1.3. Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học.....	108
3.2. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý	109
3.3. Nhóm các giải pháp về nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch	109
3.4. Nhóm giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch..	110
3.5. Nhóm giải pháp về phát triển loại hình, sản phẩm du lịch	111
3.6. Nhóm giải pháp về đầu tư du lịch	111
3.7. Nhóm giải pháp về liên kết phát triển du lịch.....	112
3.8. Nhóm giải pháp về xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch.....	112
3.9. Nhóm giải pháp về phát triển cộng đồng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa	113
3.10. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục.....	113
3.11. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch	114
3.12. Nhóm giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh.....	115
3.13. Nhóm giải pháp về vốn và nguồn lực đầu tư.....	115
3.14. Nhóm giải pháp về phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	115
3.15. Nhóm giải pháp về giá cho thuê môi trường rừng theo quy định.....	116
CHƯƠNG 4.....	117
TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN.....	117
4.1. Tổ chức thực hiện	117
4.1.1. Các cơ quan cấp trên trực tiếp.....	117
4.1.2. Ban quản lý Khu BTTN Phong Quang	119
4.1.3. Các cơ quan ban, ngành địa phương liên quan	120
4.1.4. Trách nhiệm của cộng đồng địa phương	120
4.1.5. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển DLST	121
4.2. Tổ chức giám sát, đánh giá	121
4.2.1. Về mặt tổ chức	121
4.2.2. Nội dung giám sát đánh giá	121
4.2.3. Hệ thống chỉ số giám sát, đánh giá	122
4.2.4. Giám sát đảm bảo an toàn môi trường - xã hội	122
4.2.5. Phương án đánh giá.....	122
4.3. Hiệu quả của đề án.....	123
4.3.1. Hiệu quả kinh tế.....	123
4.3.2. Hiệu quả văn hóa xã hội	123
4.3.3. Hiệu quả bảo vệ môi trường.....	124
4.3.4. Hiệu quả an ninh quốc phòng.....	125
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	126
1. Kết luận.....	126
2. Kiến nghị	126

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất Khu BTTN Phong Quang theo loại đất và đơn vị hành chính	17
Bảng 2. Hiện trạng các loại rừng của Ban quản lý	19
Bảng 3. Hiện trạng loại đất, loại rừng phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt.....	21
Bảng 4. Hiện trạng loại đất, loại rừng phân khu Phục hồi sinh thái	23
Bảng 5. Diện tích phân khu Dịch vụ, hành chính	24
Bảng 6. Hiện trạng sử dụng đất vùng đệm trong	26
Bảng 7. Thành phần thực vật Khu bảo tồn.....	28
Bảng 8. Thành phần loài động vật có xương sống Khu bảo tồn.....	29
Bảng 9. Những loài động/thực vật quý hiếm, đặc trưng.....	29
Bảng 10: Hiện trạng nhân sự khu BTTN Phong Quang	43
Bảng 11. Thống kê hiện trạng cơ sở và trang thiết bị	46
Ban Quản lý Rừng đặc dụng Phong Quang dự kiến đầu tư mới.....	46
Bảng 12: Thị trường khách du lịch nội địa	57
Bảng 13: Thị trường khách du lịch quốc tế.....	58
Bảng 14. Tổng hợp các điểm du lịch ưu tiên phát triển	65
Bảng 15. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái hang Khỉ	68
Bảng 16. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Phìn Săng.....	69
Bảng 17. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn.....	71
Bảng 18. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Hang suối Cụt.....	73
Bảng 19. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả	75
Bảng 20. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Lùng Giàng	78
Bảng 21. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy.....	80
Bảng 22. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang ..	82
Bảng 23. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Hang Tham Luồng....	85
Bảng 24. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Hang Pắc Tà.....	87
Bảng 25. Thuyết minh tuyến 1	90
Bảng 26. Thuyết minh Tuyến 2.....	93
Bảng 27. Thuyết minh Tuyến 3.....	96
Bảng 28. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện.....	102
giai đoạn 2024 - 2030.....	102

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Trạm Kiểm lâm Tân Sơn và Trạm Kiểm lâm Phong Quang.....	25
Hình 2. Hệ sinh thái rừng Khu BTTN Phong Quang	32
Hình 3. Hang Tham Luồng, xã Minh Tân tỉnh Hà Giang	32
Hình 4. Điểm tham quan Hang Tham Luồng xã Minh Tân	32
Hình 5. Hình ảnh hang Pắc Tà, xã Minh Tân.....	33
Hình 7. Đài tưởng niệm AHLS, thôn xã Thanh Thủy.....	34
Hình 8. Lễ hội hội Hoa Dã Quỳ, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên	34
Hình 9. Cơ cấu tổ chức BQL Khu BTTN Phong Quang.....	44

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Diễn giải
1	BQL	Ban quản lý
2	BNN	Bộ nông nghiệp
3	BNN&PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
4	BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
5	BV&PTR	Bảo vệ và Phát triển rừng
6	BVHTT&DL	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch
7	BXD	Bộ Xây dựng
8	CCKL	Chi cục Kiểm lâm
9	CNQSD	Chứng nhận quyền sử dụng
10	ĐDSH	Đa dạng sinh học
11	DLST	Du lịch sinh thái
12	DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
13	ĐTR	Điều tra rừng
14	DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
15	GCNQSDĐ	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
16	HT	Hiện trạng
17	KBT	Khu bảo tồn
18	KBTTN	Khu bảo tồn thiên nhiên
19	KT-XH	Kinh tế- xã hội
20	NĐ-CP	Nghị định-Chính phủ
21	NN	Đất có cây nông nghiệp núi đất
22	NQ/TU	Nghị quyết/Tỉnh uỷ
23	NSNN	Ngân sách Nhà nước
24	PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
25	PKBVNN	Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt
26	PTNT	Phát triển nông thôn
27	QĐ	Quyết định
28	QĐ-TTg	Quyết định-Thủ tướng
29	QH	Quy hoạch
30	QHSDĐ	Quy hoạch sử dụng đất
31	QLBV	Quản lý bảo vệ
32	QLRBV	Quản lý rừng bền vững
33	SXD	Sở Xây dựng
34	CLN	Cây lâu năm
35	TT	Thông tư
36	TXDK	Rừng lá rộng thường xanh nghèo kiệt núi đá
37	TXDN	Rừng lá rộng thường xanh nghèo núi đá
38	TXP	Rừng lá rộng thường xanh phục hồi

TT	Chữ viết tắt	Diễn giải
39	XTDT	Xúc tiến đầu tư
40	UBND	Ủy ban nhân dân
41	GSDG	Giám sát đánh giá

TÓM TẮT ĐỀ ÁN

Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang (sau đây viết tắt là Khu BTTN Phong Quang) có giá trị về đa dạng sinh học, cảnh quan, môi trường thuộc hệ sinh thái điển hình núi đá vôi nhiệt đới vùng phía bắc Việt Nam. Theo nhiều nghiên cứu trước đây đã ghi nhận có trên 1.133 loài thực vật trong đó có 132 loài nằm trong Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, 31 loài trong sách danh lục Đỏ IUCN năm 2021, đây là nguồn gen quý hiếm cần được bảo vệ cho thế hệ sau. Ngoài ra rừng đóng vai trò quan trọng điều hòa tiểu khí hậu, điều hòa nguồn nước để cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn; thanh lọc không khí, giảm thiểu ô nhiễm từ các hoạt động công nghiệp, giao thông, sinh hoạt,... Với địa hình hiểm trở là những dãy núi cao hùng vĩ, những bản làng người Mông, người Dao trù phú nằm trong các thung lũng hoang sơ, bên cạnh những con đường quanh co uốn lượn tạo nên bức tranh thiên nhiên huyền bí, làm nao lòng cho những du khách lần đầu đặt chân tới Khu BTTN Phong Quang. Đây là điểm khám phá tuyệt vời dành cho những du khách yêu thiên nhiên khi đến Khu BTTN Phong Quang. Việc xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu BTTN Phong Quang, giai đoạn 2024 - 2030 là cơ sở tiến hành cho thuê môi trường rừng kinh doanh dưới tán rừng theo quy định của pháp luật. Từ đó khai thác tối đa tiềm năng môi trường rừng, tạo sản phẩm cho xã hội cũng như tạo nguồn thu nhập cho Khu BTTN Phong Quang, góp phần bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học cũng như phát triển kinh tế của địa phương, tạo thêm việc làm và thu nhập cho người dân.

1. Mục tiêu của đề án bao gồm:

- Định hướng được các sản phẩm du lịch, các tuyến du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí phù hợp với Phương án Quản lý rừng bền vững Khu BTTN Phong Quang giai đoạn 2024-2030. Tạo nguồn lực để thực hiện có hiệu quả việc bảo vệ, phát triển rừng; bảo tồn và phát triển hệ sinh thái rừng; và các giá trị cảnh quan thiên nhiên trong Khu BTTN Phong Quang;

- Khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên cho phát triển du lịch sinh thái và quản lý theo hướng bền vững, đúng quy định của pháp luật, có trọng tâm, trọng điểm; bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa, phong tục tập quán và bảo vệ môi trường.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật; thiết lập các tuyến du lịch, tạo dựng sản phẩm du lịch đặc trưng làm cơ sở đưa Khu BTTN Phong Quang trở thành điểm du lịch hấp dẫn, từng bước thiết lập mối liên kết không gian giữa các tuyến, điểm du lịch trong khu vực.

- Thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thông qua hình thức cho thuê dịch vụ môi trường rừng, thực hiện xã hội hóa nghề rừng, nâng cao thu nhập cho Chủ rừng, người dân sống gần rừng.

- Phát triển du lịch sinh thái ở khu vực Khu BTTN Phong Quang nhằm góp phần phát triển kinh tế địa phương, tạo các hoạt động sinh kế thông qua việc khai thác cơ hội từ hoạt động du lịch sinh thái cho cư dân địa phương.

* Đề án đã xác định được 03 tuyến và 10 điểm du lịch có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu BTTN Phong Quang. Ngoài ra, các tuyến còn kết hợp với các tour du lịch trong và ngoài tỉnh phục vụ du khách muốn khám phá các giá trị của thiên nhiên, hang động kỳ thú...

2. Điểm, tuyến du lịch:

Điểm du lịch

- (i) Điểm du lịch sinh thái Hang Khi
- (ii) Điểm du lịch sinh thái Phìn Săng
- (iii) Điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn
- (iv) Điểm du lịch sinh thái Hang Suối Cụt
- (v) Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả
- (vi) Điểm du lịch sinh thái Lùng Giàng
- (vii) Điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy
- (viii) Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang
- (ix) Điểm du lịch sinh thái hang Tham Luồng
- (x) Điểm du lịch sinh thái hang Pắc Tà

Tuyến du lịch

(i) Tuyến số 1: Khám phá cảnh đẹp thiên nhiên; Trải nghiệm văn hóa bản địa thôn Lùng Thiềng; cảnh quan rừng tự nhiên, đa dạng sinh học trên tuyến; Khám phá hang Pắc Tà, Lũng chuối 1, 2; Thăm quan chụp ảnh check in, rừng nghìn cổ thụ; hang Suối Cụt;

(ii) Tuyến số 2: Khám phá cảnh đẹp thiên nhiên và cảnh đẹp rẫy núi Răng cưa; Trải nghiệm văn hóa thôn Lùng Giàng B, thôn Hoàng Lý Pả; ngắm cảnh, thư giãn tại điểm nghỉ dưỡng thôn Hoàng Lý Pả; Tìm hiểu văn hóa đồng bào người Dao, Mông; Tham gia các hoạt động trải nghiệm về các hoạt động nông nghiệp của người Mông; Thưởng thức món ăn dân dã; Cắm trại, nghỉ ngơi tổ chức các trò chơi tại trung tâm thôn Hoàng Lý Pả.

(iii) Tuyến số 3: Khám phá cảnh đẹp thiên nhiên núi rừng dọc tuyến đường đi; Thăm quan khu du lịch sinh thái Hang Tham Luồng; Nghỉ ngơi, tắm suối, cắm trại tại suối; Khám phá các khu rừng nghìn nguyên sinh, Chụp ảnh cây nghìn cổ thụ; Khám phá Hang Khi; trải nghiệm văn hóa của đồng bào người Dao, Mông tại thôn Tà Lèng; trải nghiệm về các hoạt động nông nghiệp của người Mông; Thưởng thức ẩm thực của người dân bản địa.

Các tuyến du lịch trên sẽ được kết nối với các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh theo đường thủy hay đường bộ như: Thăm thủy điện Nho Quế, Thủy điện Sông Miện 5... hay Nhà Vua, Núi đôi Quán Bạ... Đây là những địa điểm du lịch hấp dẫn, đang thu hút nhiều khách tham quan trong và ngoài nước đến thưởng ngoạn.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư, phân kỳ của Đề án: Thể hiện chi tiết trong dự án du lịch sinh thái, được xây dựng sau khi đề án được phê duyệt.

- Phương án huy động vốn:

+ Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa): Chủ yếu từ hình thức cho thuê môi trường rừng, hợp tác liên kết để phát triển DLST. Đây là phương thức huy động chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển DLST Khu BTTN Phong Quang giai đoạn 2024 - 2030;

- Sau khi đề án được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt BQL Rừng đặc dụng Phong Quang xây dựng hồ sơ tiêu chí để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, hợp tác liên kết đảm bảo công bằng, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật hiện hành; Tổng vốn của các phân khu được tạm xác định theo quy hoạch tổng mặt bằng bố trí công trình. Trong quá trình triển khai từng dự án cụ thể nhà đầu tư có thể nâng hoặc giảm tổng mức theo kế hoạch kinh doanh của công ty để đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất. Nhà đầu tư được điều chỉnh giá trị vốn đầu tư nhưng không được xây dựng vượt quá các chỉ tiêu diện tích xây dựng đã phê duyệt trong đề án.

- Đề án xác định tối ưu nguồn lực kêu gọi đầu tư bằng hình thức cho thuê môi trường và hợp tác liên kết để phát triển DLST trong Khu BTTN Phong Quang giai đoạn 2024 - 2030 nhằm đạt được mục tiêu chung của đề án và hiệu quả kinh tế cao nhất.

4. Các nhóm giải pháp:

Đề án đưa ra 15 nhóm giải pháp thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu đề ra. Cụ thể bao gồm các giải pháp:

(1) Nhóm giải pháp bảo vệ môi trường du lịch, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

(2) Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý;

(3) Nhóm các giải pháp nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch;

(4) Nhóm giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch;

(5) Nhóm giải pháp phát triển loại hình, sản phẩm du lịch;

(6) Nhóm giải pháp đầu tư du lịch

(7) Nhóm giải pháp liên kết phát triển du lịch;

(8) Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch;

(9) Nhóm giải pháp phát triển cộng đồng và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa;

(10) Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục;

(11) Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch;

(12) Nhóm giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh;

(13) Nhóm giải pháp về vốn và nguồn lực đầu tư;

(14) Nhóm giải pháp về phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

(15) Nhóm giải pháp về giá cho thuê môi trường rừng theo quy định.

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề án

Khu BTTN Phong Quang được thành lập theo Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh Hà Giang trên cơ sở sáp nhập BQL Khu BTTN Phong Quang và hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Phong Quang thành BQL rừng đặc dụng Phong Quang trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Giang. Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang nằm trên địa bàn 07 xã, phường: xã Minh Tân, Phong Quang, Thuận Hòa, Thanh Thủy huyện Vị Xuyên; xã Tả Ván, Tùng Vài huyện Quản Bạ; phường Quang Trung thành phố Hà Giang, có diện tích 8.557,1 ha. Là khu bảo tồn có hệ sinh thái rừng tự nhiên trên núi đá vôi lớn nhất của tỉnh Hà Giang.

KBTTN Phong Quang là khu rừng đặc dụng có hệ sinh thái đa dạng với nhiều loài động thực vật quý hiếm, là nơi có giá trị cao về mặt sinh học, nghiên cứu khoa học, và bảo tồn đa dạng sinh học, nơi lưu giữ 1.133 loài thực vật bậc cao có mạch trên cạn, thuộc 686 chi, 175 họ của 6 ngành thực vật khác nhau và 197 loài động vật 84 họ, 26 bộ là thú, chim, bò sát. Trong đó, có nhiều loài thực vật, động vật quý hiếm. Về thực vật có các loài: Mun, Trầm, Nghiến...; Động vật có các loài: Khỉ mặt đỏ, khỉ vàng, Gà lôi trắng, Hồng hoàng; Rồng đất, Tắc ke.... Việc lập Đề án du lịch sinh thái sẽ giúp bảo vệ và duy trì các giá trị này thông qua việc kiểm soát và quản lý các hoạt động du lịch một cách bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên.

Đề án sẽ tạo ra các cơ chế bảo vệ cụ thể cho khu vực rừng, đồng thời sử dụng các nguồn lực từ du lịch để hỗ trợ công tác bảo tồn, phục hồi môi trường sinh thái và phát triển bền vững; từ đó tạo ra những tác động tích cực tới KBTTN Phong Quang và cộng đồng các dân tộc và người dân địa phương. Cụ thể:

Tạo ra các cơ hội việc làm mới và tăng thu nhập cho người dân địa phương thông qua việc cung cấp các dịch vụ du lịch, lưu trú, hướng dẫn viên, và bán hàng thủ công mỹ nghệ.

Tăng cường nguồn thu cho địa phương thông qua các loại thuế, phí dịch vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các ngành kinh tế phụ trợ khác như giao thông vận tải, thương mại và dịch vụ ăn uống

Giáo dục và nâng cao nhận thức cho cộng đồng và du khách về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học là một trong những lợi ích quan trọng của du lịch sinh thái. Đề án sẽ tạo ra các chương trình giáo dục môi trường và các hoạt động nâng cao nhận thức cho du khách và cộng đồng địa phương.

Khuyến khích sự tham gia tích cực của cộng đồng trong các hoạt động bảo vệ rừng, thông qua việc phối hợp với các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế và các chương trình nghiên cứu, nhằm nâng cao trách nhiệm và hành động bảo vệ môi trường.

Du lịch bền vững là xu hướng phát triển tất yếu nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và bảo tồn văn hóa. Đề án du lịch sinh thái

nghi dưỡng sẽ hướng tới việc xây dựng các sản phẩm du lịch có giá trị bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa địa phương.

Việc phát triển du lịch sinh thái theo cách này sẽ giúp KBTTN Phong Quang khai thác tài nguyên du lịch một cách hiệu quả, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế ngắn hạn mà còn đảm bảo giá trị lâu dài cho thế hệ tương lai.

Xu hướng du lịch sinh thái và nhu cầu trải nghiệm thiên nhiên, văn hóa bản địa của du khách trong và ngoài nước ngày càng tăng. Việc lập Đề án sẽ giúp KBTTN Phong Quang tận dụng cơ hội này để phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo và hấp dẫn, thu hút lượng khách du lịch lớn hơn và tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành du lịch.

Phát triển các sản phẩm du lịch phù hợp với xu hướng du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm, góp phần nâng cao hình ảnh và thương hiệu du lịch của Hà Giang trên bản đồ du lịch quốc gia và quốc tế.

Huy động đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, các quỹ bảo tồn và phát triển du lịch bền vững, giúp tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực cho phát triển du lịch sinh thái tại Khu BTTN Phong Quang.

Tăng cường năng lực quản lý và điều hành cho các cơ quan, tổ chức liên quan, đảm bảo các hoạt động du lịch diễn ra theo đúng quy định, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và xã hội.

Văn hóa bản địa là một phần quan trọng trong các sản phẩm du lịch sinh thái. Đề án sẽ tạo điều kiện để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc thiểu số tại Hà Giang, đồng thời mang đến cho du khách những trải nghiệm độc đáo và sâu sắc về văn hóa địa phương.

Tạo cơ hội cho các cộng đồng địa phương giao lưu văn hóa với du khách, thúc đẩy sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, góp phần xây dựng một môi trường du lịch văn minh, thân thiện.

Phòng chống các hoạt động xâm phạm và khai thác tài nguyên trái phép như săn bắn động vật hoang dã, chặt phá rừng, hay khai thác khoáng sản trái phép thông qua việc giám sát và quản lý chặt chẽ trong khu vực rừng đặc dụng.

Đề án sẽ giúp xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa và ứng phó với các rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu, bảo vệ an toàn cho du khách và bảo tồn tài nguyên tự nhiên.

Từ những phân tích thực trạng nêu trên, việc lập “Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Phong Quang, giai đoạn 2024-2030” là cơ sở để BQL Rừng đặc dụng thực hiện việc cho thuê môi trường rừng, thu hút các tổ chức cá nhân đầu tư lập dự án phát triển DLST, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu BTTN Phong Quang. Với ý nghĩa sâu sắc đó, năm 2020 UBND tỉnh Hà Giang đã có Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 phê duyệt Đề án phát triển du lịch sinh thái Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Quang tại xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên. Tuy nhiên, đến tại thời điểm hiện nay không còn phù hợp với những quy định mới, cần phải

xây dựng lại.

Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang, giai đoạn 2024-2030 nhằm cụ thể hóa phương án quản lý rừng bền vững Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang giai đoạn 2024-2030, phát huy có hiệu quả tiềm năng thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và du lịch, dịch vụ, từng bước tự chủ về tài chính, góp phần nâng cao đời sống của người dân vùng đệm, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên của Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang là rất cần thiết.

2. Nguyên tắc phát triển du lịch

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, phù hợp với các chính sách, định hướng, chiến lược quốc gia, ngành và địa phương về phát triển du lịch, lâm nghiệp, đa dạng sinh học và phát triển kinh tế xã hội.

- Góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan và khuyến khích các bên liên quan tham gia vào các hoạt động bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ cảnh quan và các loài động, thực vật hoang dã đồng thời góp phần bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học ở Khu BTTN Phong Quang.

- Góp phần vào việc gìn giữ văn hóa địa phương và giúp phát triển kinh tế và tạo việc làm cho cộng đồng sống trong rừng và ở vùng đệm từ các hoạt động du lịch sinh thái để khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động bảo tồn thiên nhiên, phát triển rừng.

- Mang lại thu nhập bền vững và bình đẳng cho cộng đồng địa phương và các bên tham gia khác. Mang lại nguồn tài chính phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển các điểm đến du lịch.

- Giáo dục nâng cao nhận thức và hiểu biết, khả năng hưởng thụ của du khách và tăng cường sự tham gia của họ vào công tác bảo tồn. Tạo điều kiện cho các bên tham gia một cách công bằng và có trách nhiệm vào phát triển du lịch sinh thái bền vững.

- Có hệ thống giám sát, biện pháp ứng phó và giảm thiểu với các tác động của du lịch về môi trường thiên nhiên, sự tồn tại và phát triển của các loài động, thực vật hoang dã và giúp ngăn chặn sự phát triển của các loài ngoại lai xâm hại.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ KHOA HỌC CỦA ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

1.1. Các văn bản của Trung ương

- Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị quyết 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững;

1.2. Các văn bản Luật

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật đa dạng sinh học hợp nhất số 32/VBHN-VPQH được Quốc hội thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2018;
- Luật Di sản văn hoá năm 2001, Luật số 28/2001/QH10 của được Quốc hội thông qua 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12, ngày 18 tháng 06 năm 2009;
- Luật Xây dựng năm 2014, Luật số 50/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Quy hoạch năm 2017, Luật số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch năm 2018 số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Luật Đầu tư năm 2020, Luật số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, Luật số 72/2020/ được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;

1.3. Các văn bản của Chính phủ

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật phòng cháy, chữa cháy
- Nghị định số 98/2010/NĐ-CP, ngày 21 ngày 09 tháng 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa;

- Nghị định số 166/2018/NĐ-CP, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Đa dạng sinh học;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/1/2019 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;
- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/05/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững.

1.4. Các Quyết định của Thủ tướng Chính Phủ, Bộ VH TT & DL và các thông tư liên quan

- Quyết định số 201/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”;
- Quyết định số 2714/QĐ-BVHTTDL ngày 03/08/2016 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về Chiến lược phát triển sản phẩm du lịch Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định 2057/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Khu du lịch Quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1339/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030”;

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1250/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31 tháng 7 năm 2013 phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01 tháng 4 năm 2021 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045

- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

- Văn bản số 1183/TCLN-ĐDPH ngày 31/8/2021 của Tổng cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn xây dựng Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

2. Văn bản của địa phương

- Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 02/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về phát triển du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 10/10/2021 của Tỉnh ủy Hà Giang về phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang về bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cáo nguyên đá Đồng Văn giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 10/9/2013 của UBND tỉnh Hà Giang sáp nhập BQL Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Quang và hạt Kiểm lâm Rừng đặc dụng Phong Quang thành BQL Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Quang thuộc

Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Giang;

- Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của UBND tỉnh Hà Giang sáp nhập BQL Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Quang và hạt Kiểm lâm Rừng đặc dụng Phong Quang thành BQL Rừng đặc dụng Phong Quang trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Giang;

- Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh Hà Giang Phê duyệt Đề án chuyển giao Hạt Kiểm lâm từ trực thuộc Ban Quản lý Rừng đặc dụng Phong Quang sang trực thuộc Chi cục Kiểm lâm Hà Giang;

- Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Quang, tỉnh Hà Giang đến năm 2020;

- Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Hà Giang về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Hà Giang Phê duyệt Đề án phát triển du lịch sinh thái Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Quang tại xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên;

- Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Khu Bảo tồn Thiên nhiên Phong Quang, giai đoạn 2022-2030;

- Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Hà Giang về phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh về phát triển sản phẩm du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

3. Cơ sở khoa học của Đề án

Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Phong Quang được xây dựng trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, các giá trị văn hóa, lịch sử; đặc biệt là những đặc trưng về đa dạng sinh học nổi trội, tạo ra loại hình du lịch sinh thái, khám phá và trải nghiệm, nhằm:

- Bảo tồn đa dạng sinh học:

Khu BTTN Phong Quang có hệ sinh thái phong phú với nhiều loài động thực vật quý hiếm, có ý nghĩa quan trọng về mặt sinh học và bảo tồn. Việc phát triển du lịch sinh thái cần dựa trên nguyên tắc bảo tồn đa dạng sinh học, tránh xâm phạm và phá hủy môi trường tự nhiên.

Các nghiên cứu về hệ sinh thái địa phương cần được thực hiện để hiểu rõ về sự phân bố và sinh trưởng của các loài, từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ hợp lý trong quá trình phát triển du lịch.

- Phát triển bền vững:

Du lịch sinh thái nên được thiết kế để góp phần vào sự phát triển bền vững của khu vực. Điều này bao gồm việc sử dụng nguồn lực tự nhiên một cách hợp lý, bảo vệ môi trường và đảm bảo lợi ích lâu dài cho cộng đồng địa phương.

Các nghiên cứu khoa học về tác động môi trường và xã hội của các hoạt động du lịch là cần thiết để phát triển các kế hoạch quản lý hiệu quả, hạn chế tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và văn hóa bản địa.

- Khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu:

Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu lên hệ sinh thái rừng và các dịch vụ du lịch. Đề xuất các biện pháp thích ứng nhằm giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu như lũ lụt, sạt lở đất, khô hạn.

Sử dụng công nghệ hiện đại để giám sát, cảnh báo sớm các hiện tượng khí hậu cực đoan và có phương án ứng phó kịp thời.

- Nghiên cứu về tiềm năng phát triển du lịch sinh thái

Đánh giá tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, văn hóa, lịch sử của rừng đặc dụng Phong Quang để phát triển các loại hình du lịch như: trekking, khám phá thiên nhiên, trải nghiệm văn hóa bản địa.

Khảo sát nhu cầu và xu hướng của khách du lịch để thiết kế các sản phẩm du lịch hấp dẫn và phù hợp với thị hiếu.

- Giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng

Nghiên cứu về vai trò của cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ và phát triển bền vững khu rừng đặc dụng. Đề xuất các chương trình giáo dục và nâng cao nhận thức cho người dân và khách du lịch về bảo tồn thiên nhiên.

Tạo cơ hội việc làm và đào tạo cho cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch sinh thái, từ đó nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và phát triển du lịch

Sử dụng công nghệ GIS (Hệ thống thông tin địa lý) để quản lý tài nguyên rừng, theo dõi và giám sát các hoạt động du lịch.

Ứng dụng công nghệ xanh, các giải pháp tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường trong xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch như nhà nghỉ sinh thái, đường mòn khám phá thiên nhiên.

4. Căn cứ thực tiễn

Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Phong Quang được xây dựng dựa trên các phân tích, đánh giá thực tiễn về:

- Tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên:

Khu BTTN Phong Quang là một khu rừng có giá trị sinh thái cao với hệ động thực vật phong phú và đa dạng, bao gồm nhiều loài quý hiếm và đặc hữu. Điều này tạo ra một tiềm năng lớn để phát triển các loại hình du lịch sinh thái như: trekking, quan sát động vật hoang dã, tham quan cảnh quan tự nhiên, và nghiên cứu khoa học.

Phong cảnh thiên nhiên độc đáo với các dãy núi, hang động, và thảm thực vật đa dạng là những yếu tố thu hút du khách yêu thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên.

- Tiềm năng về văn hóa và con người:

Sự phong phú văn hóa của các dân tộc thiểu số tại Hà Giang như Mông, Tày, Dao, và Nùng, với các phong tục, lễ hội, kiến trúc, và ẩm thực đặc sắc, tạo cơ hội phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, góp phần đa dạng hóa các loại hình du lịch và nâng cao giá trị trải nghiệm cho du khách.

- Cộng đồng địa phương có thể tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch, cung cấp các dịch vụ như hướng dẫn viên du lịch, homestay, và các hoạt động văn hóa, từ đó cải thiện thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Nhu cầu thị trường và xu hướng du lịch:

Xu hướng du lịch sinh thái và bền vững đang ngày càng phổ biến, đặc biệt trong giới trẻ và các nhóm du khách quốc tế, những người có ý thức cao về bảo vệ môi trường và mong muốn trải nghiệm thiên nhiên hoang dã. Điều này cho thấy tiềm năng lớn cho Đề án trong việc thu hút khách du lịch.

Nhu cầu ngày càng tăng đối với các trải nghiệm du lịch kết hợp giữa khám phá thiên nhiên và tìm hiểu văn hóa bản địa sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển của loại hình du lịch sinh thái nghỉ dưỡng tại Phong Quang.

- Khả năng huy động vốn và nguồn lực:

Khả năng thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước thông qua các chính sách ưu đãi của địa phương, cũng như các chương trình hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ và quốc tế cho phát triển du lịch bền vững.

Sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ rừng, phát triển du lịch cộng đồng, và quảng bá văn hóa, góp phần tăng cường tính khả thi cho Đề án.

Với nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa phong phú, cùng với sự hỗ trợ từ chính quyền và nhu cầu thị trường cao, Đề án có tiềm năng thu hút lượng lớn du khách, mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương.

Các hoạt động du lịch sinh thái, nếu được quản lý và giám sát chặt chẽ, sẽ không gây tổn hại đến môi trường. Việc áp dụng các biện pháp bảo vệ và khôi phục môi trường rừng sẽ giúp duy trì và nâng cao giá trị sinh thái của khu vực.

Đề án sẽ tạo ra nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương, đồng thời nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và giá trị văn hóa.

PHẦN II
NỘI DUNG ĐỀ ÁN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG, GIAI ĐOẠN 2024-2030

Chương 1

ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU
LỊCH TẠI KHU BTTN PHONG QUANG

1.1. Điều kiện tự nhiên và tiềm năng du lịch tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý, ranh giới, và diện tích

1.1.1.1. Vị trí địa lý

Khu BTTN Phong Quang thuộc vùng biên giới phía bắc tỉnh Hà Giang nằm trên địa bàn 04 xã của huyện Vị Xuyên (Phong Quang, Minh Tân, Thanh Thủy, Thuận Hòa); 02 xã của huyện Quản Bạ (xã Tùng Vài, Tả Ván) và phường Quang Trung thành phố Hà Giang. Có tọa độ địa lý như sau:

Từ 22⁰ 51' 08'' đến 23⁰ 01' 54'' vĩ độ Bắc.

Từ 104⁰ 50' 57'' đến 105⁰ 00' 48'' kinh độ Đông.

Có ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Vị Xuyên;
- Phía Đông giáp các xã Minh Tân, Thuận Hòa và P. Quang Trung, Tp Hà Giang;
- Phía Nam giáp Tp. Hà Giang;
- Phía Tây giáp xã Thanh Thủy huyện Vị Xuyên và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

1.1.1.2. Diện tích

Theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và 3 loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2025, diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang là 8.557,1 ha. Trong đó:

(1) Đất nông nghiệp: 8.037,9 ha, bao gồm:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 404,32 ha;
- Đất lâm nghiệp: 7.633,58 ha, bao gồm:
 - + Đất rừng sản xuất: 219,9 ha;
 - + Đất rừng phòng hộ: 29,85 ha;
 - + Đất rừng đặc dụng: 7.383,83 ha.

(2) Đất phi nông nghiệp: 38,96 ha.

(3) Đất chưa sử dụng: 480,24 ha.

1.1.2. Địa hình, địa chất, thổ nhưỡng

1.1.2.1. Địa hình

Khu BTTN Phong Quang nằm ở cửa ngõ của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng văn, có 3 kiểu địa hình chính: Kiểu địa hình núi trung bình, kiểu địa hình đồi cao và kiểu địa hình thung lũng.

- Kiểu địa hình núi trung bình là kiểu địa hình phổ biến nhất, chiếm hầu hết diện tích Khu BTTN (82%), được hình thành chủ yếu bởi khối núi đá lớn, chiều dài trên 20 km. Đây là vùng núi đá có địa hình hiểm trở, với các đỉnh nhọn liên

tiếp hình răng cưa có độ cao từ 700 đến 1.076m, là nơi còn giữ được hệ sinh thái rừng tự nhiên với hệ động, thực vật hết sức phong phú.

- Kiểu địa hình đồi cao: Kiểu này chiếm 14%, phân bố ở thôn Bản Hình và Pìn Sảng B, xã Minh Tân với các đỉnh cao dưới 450m; nơi có những cánh ruộng bậc thang tạo nên những hình ảnh lung linh vào mùa lúa chín hay mùa nước đổ;

- Kiểu địa hình thung lũng: Chiếm phần nhỏ (4%) diện tích trong Khu BTTN, được tạo bởi giữa các dãy núi đá. Hầu hết các thung lũng nhỏ này là nơi có các bản làng tập trung với những ngôi nhà sàn truyền thống, những tập quán mang đậm bản sắc dân tộc cùng các món ăn đặc trưng cho mỗi dân tộc.

Địa hình đa dạng đã tạo nên cảnh quan núi non hùng vĩ, trùng điệp thu hút được du khách thích khám phá, ưa mạo hiểm.

1.1.2.2. Địa chất, thổ nhưỡng

(1) Địa chất

Khu BTTN Phong Quang có lịch sử kiến tạo địa chất vào kỷ Đệ Tam, nền vật chất chính là đá vôi (chiếm khoảng 70%), ngoài ra còn có các loại đá mẹ khác như: Đá biến chất, phiến thạch sét, đá Pinit, đá Gnai... phân bố rải rác trong KBT với diện tích nhỏ.

(2) Thổ nhưỡng

Theo bản đồ thổ nhưỡng tỉnh Hà Giang, đất đai Khu BTTN Phong Quang được hình thành từ sản phẩm phong hóa của một số nhóm đá chính gồm: Đá vôi, đá biến chất, phiến thạch sét, đá Pinit, đá Gnai, với 03 nhóm đất chính sau:

- Nhóm đất Feralit mùn vàng nhạt: Nhóm đất này phân bố ở vùng núi trung bình, độ cao trên 700 m, phát triển trên các loại đá mẹ: Đá vôi, đá Pinit, đá Gnai,... Tầng đất trung bình từ 50-120 cm, tỷ lệ mùn từ 3-5%. Thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng; là nơi phân bố của hệ sinh thái rừng núi đá, núi đất của khu bảo tồn.

- Nhóm đất Feralit vùng đồi: Nhóm đất này phân bố ở vùng núi thấp, độ cao dưới 700 m, phát triển trên các loại đá mẹ: Phiến thạch sét, Đá Biến chất, đá cát. Thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng, độ dày tầng đất từ 30-80 cm. Hàm lượng mùn thấp từ 1-2%; phù hợp với việc trồng cây ăn quả, cây dược liệu, các loài hoa phục vụ du lịch.

- Nhóm đất thung lũng: Nhóm đất này hình thành do sự sụt võng giữa các dạng địa hình, tầng đất dày, tương đối màu mỡ, thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến nặng; nơi tập trung những diện tích ruộng bậc thang, tạo nên bức tranh sinh động mang nét đặc trưng của miền núi Hà Giang.

1.1.3. Khí hậu và mùa du lịch

1.1.3.1. Khí hậu

Khu BTTN Phong Quang nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, kết hợp với khí hậu á nhiệt đới, có mùa đông lạnh kéo dài, lạnh nhất từ tháng 12 đến tháng 1 năm sau. Mùa hè nóng, mưa nhiều, nóng nhất vào tháng 7 và tháng 8. Hàng năm chia hai mùa rõ rệt; mùa nóng, ẩm từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô

lạnh từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Theo tài liệu thống kê nhiều năm tại trạm khí tượng Hà Giang, khí hậu khu vực có những đặc điểm sau:

- Chế độ nhiệt: Nhiệt độ trung bình năm 22,6⁰C, nhiệt độ tối thấp tuyệt đối 1,6⁰C vào tháng 1, nhiệt độ tối cao tuyệt đối: 39,5⁰C vào tháng 7.
- Ẩm độ không khí bình quân 82%, cao nhất 89%, thấp nhất 68%.
- Lượng mưa trung bình năm 2.361 mm, lượng mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9, tập trung vào các tháng 7,8,9 chiếm tới 80-90% lượng mưa cả năm.
- Chế độ gió: Khu BTTN chịu ảnh hưởng của hai loại gió thịnh hành: Gió mùa Đông Bắc: Bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, thời tiết giá lạnh, kèm theo sương muối và mưa phùn. Gió mùa Đông Nam: Từ tháng 4 đến tháng 9, thời tiết nóng ẩm, có mưa lớn kéo dài. Hàng năm ít chịu ảnh hưởng của các cơn bão.
- Một số yếu tố cực đoan cần lưu ý: Vào mùa mưa dễ gây lở, lũ quét, lũ ống, mưa đá làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sinh hoạt của nhân dân địa phương và khách du lịch.

1.1.3.2. Mùa du lịch

Từ tháng 9 đến tháng 11 là thời điểm thích hợp để tổ chức các chuyến du lịch tới Khu BTTN Phong Quang vì thời gian này có nhiệt độ thích hợp và mát mẻ hơn. Chúng ta có thể đến Khu BTTN Phong Quang vào những thời điểm sau:

*** Đối với Hà Giang**

- **Tháng 4, tháng 5 - Mùa nước đổ:** Vào mùa nước đổ, phần lớn diện tích ruộng lúa trên địa phận Hà Giang vào khoảng tháng 5 - 6. Du khách có thể ngắm nhìn những cánh đồng lúa mùa nước đổ đẹp như tranh vẽ: Núi đôi Quản Bạ hay những thửa ruộng nhỏ ven các con đường.

- **Tháng 10 đến tháng 12** - Là mùa hoa tam giác mạch đẹp nhất Hà Giang: Những bông hoa hình trái tim màu tím trải dài khắp các sườn đồi; vào mùa hoa tam giác mạch nở rộ đã có Lễ hội hoa tam giác mạch thường diễn ra vào giữa tháng 10.

*** Đối với Khu BTTN Phong Quang**

- **Tháng 1** - Là mùa hoa đào, mùa hoa mận, mùa hoa cải vàng: Khi mùa Xuân về khắp mọi nơi từ Quản Bạ (Quyết Tiến, Minh Tân), Yên Minh (Lao Va Chải, Na Khe, Bạch Đích).

- **Tháng 11** - Mùa hoa Dã Quỳ

Khoảng thời gian này, Phong Quang là mùa hoa Dã quỳ nở rộ, cả một vùng vàng rực bởi những thảm Dã quỳ khoe sắc, du khách thỏa mãn tận hưởng và chụp ảnh lưu niệm cho một chuyến đi khám phá. Du khách có cơ hội tham dự Lễ hội hoa Dã quỳ được tổ chức vào ngày 21-23/11 hàng năm.

1.1.4. Thủy văn

Lâm phận rừng của Ban quản lý Rừng đặc dụng Phong Quang chịu ảnh hưởng trực tiếp chế độ thủy văn sau:

1.1.4.1. Nguồn nước mặt, nước ngầm

Nguồn nước mặt chủ yếu là nước mưa, với diện tích bề mặt hứng nước toàn lưu vực Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn khoảng 2.356 km², diện tích Khu BTTN Phong Quang khoảng 85,6 km²; mặc dù lượng mưa hàng năm khá cao trên 2.000mm/năm, nhưng do địa hình Karster chia cắt mạnh nên thường không lưu trữ được nguồn nước mặt; bên cạnh đó nguồn nước ngầm khá thấp, gây nên tình trạng khan hiếm nước là khá phổ biến, đặc biệt về mùa lạnh tháng 11 đến tháng 1, 2 năm sau. Đây là nhân tố gây khó khăn cho cuộc sống người dân và sản xuất nông lâm nghiệp và ít nhiều tác động bất lợi tới du lịch.

1.1.4.2. Hệ thống sông, suối

Khu BTTN Phong Quang chịu sự chi phối của hai con sông lớn là sông Lô, sông Miện.

- Sông Lô bắt nguồn từ Trung Quốc, chảy theo hướng Tây Nam giáp ranh giới phía Tây của Khu BTTN, chiều dài khoảng 10 km, lòng sông nhỏ hẹp, nhiều ghềnh đá, độ dốc dòng chảy lớn, lưu lượng nước chảy đổi theo mùa, độ xâm thực lớn.

- Sông Miện, suối Bắc Sum, suối Bản Hình giáp ranh giới phía đông Khu BTTN chảy theo hướng Tây Nam dài trên 20 km, nhập với sông Lô tại thành phố Hà Giang. Sông suối trong khu vực có dòng chảy quanh co, nhỏ hẹp, độ dốc lớn. Do địa hình Karster nên các chi lưu đều chảy ngầm trong lòng đất nên lưu lượng nước nhỏ, độ xâm thực yếu, lượng phù sa trong nước ít.

Hệ thống sông suối và chế độ thủy văn của Khu BTTN Phong Quang mật độ thấp, trữ lượng nước ngầm hạn chế. Chỉ có thể áp dụng các giải pháp lưu giữ, khai thác sử dụng nguồn nước hợp lý hoặc dẫn nước từ đầu nguồn các khe suối trong hệ thống núi đất để đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt của nhân dân địa phương, nước phục vụ cho sản xuất nông lâm nghiệp. Đây cũng chính là một khó khăn chính cho quá trình phát triển du lịch DLST, nghỉ dưỡng, giải trí của Khu BTTN Phong Quang.

1.1.5. Hiện trạng sử dụng đất

1.1.5.1. Hiện trạng sử dụng đất của Ban quản lý

1.1.5.1.1. Diện tích

Theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang, Ban quản lý rừng đặc dụng Phong Quang đang quản lý, sử dụng 8.557,1 ha. Trong đó:

(1) Đất nông nghiệp: 8.037,9 ha, chiếm 93.93% bao gồm:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 404,32 ha;
- Đất lâm nghiệp: 7.633,58 ha, bao gồm:
 - + Đất rừng sản xuất: 219,9 ha;
 - + Đất rừng phòng hộ: 29,85 ha;
 - + Đất rừng đặc dụng: 7.383,83 ha.

(2) Đất phi nông nghiệp: 38,96 , chiếm 0,46%

(3) Đất chưa sử dụng: 480,24 , chiếm 5,61%

Chi tiết hiện trạng sử dụng đất của Ban quản lý thể hiện cụ thể ở bảng dưới đây.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất Khu BTTN Phong Quang theo loại đất và đơn vị hành chính

Đơn vị tính: ha

TT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích	Hiện trạng sử dụng đất của chủ rừng theo đơn vị hành chính cấp xã						
				P. Quang Trung	Tùng Vài	Tả Ván	Minh Tân	Thuận Hòa	Thanh Thủy	Phong Quang
I	Tổng diện tích đất của chủ rừng quản lý		8.557,10	301,32	27,52	131,10	5.148,69	1.197,80	514,74	1.235,93
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.037,90	282,41	23,47	122,34	4.732,35	1.190,56	496,37	1.190,40
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	404,32	4,19			203,75	9,16	14,39	172,83
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	369,86	3,88			194,54	9,16	13,88	148,40
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34,46	0,31			9,21		0,51	24,43
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	7.633,58	278,22	23,47	122,34	4.528,60	1.181,40	481,98	1.017,57
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	219,90	16,21	0,00	3,88	8,54	5,02	134,44	51,81
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	29,85	7,99	15,16	0,00	0,43	0,00	5,59	0,68
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	7.383,83	254,02	8,31	118,46	4.519,63	1.176,38	341,95	965,08
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	38,96	6,34			18,53		4,55	9,54
2.1	Đất ở	OCT	22,17	4,33			10,67		3,90	3,27
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	15,27	2,01			7,86		0,65	4,75
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,15	0,15						
2.2.2	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,48				0,48			
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,13	0,13						
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	14,51	1,73			7,38		0,65	4,75
2.3	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,52							1,52
3	Đất chưa sử dụng	CSD	480,24	12,57	4,05	8,76	397,81	7,24	13,82	35,99
II	Đất có mặt nước ven biển (quan sát)	MVB								

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang

1.1.5.1.2. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý sử dụng đất

Hiện trạng sử dụng đất của Khu BTTN Phong Quang có nhiều biến động qua các lần điều chỉnh quy hoạch. Cho đến năm 2018 tại Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh Điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và 3 loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2025 trong đó diện tích Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang là 8.557,1 ha. Tuy nhiên, việc điều chỉnh này cũng chỉ được thực hiện trên bản đồ, không giao và đóng cọc mốc ranh giới ngoài thực địa.

*** Nhận xét:**

- Thuận lợi:

+ Tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng: Khu BTTN Phong Quang sở hữu hệ sinh thái đa dạng, với nhiều loài động thực vật quý hiếm và cảnh quan thiên nhiên hoang sơ, hấp dẫn. Đây là cơ sở để phát triển các loại hình du lịch sinh thái như trekking, leo núi, quan sát động vật hoang dã, và thám hiểm hang động.

+ Khí hậu mát mẻ, trong lành: Với khí hậu ôn hòa và mát mẻ quanh năm, Khu BTTN Phong Quang là địa điểm lý tưởng cho du lịch nghỉ dưỡng, giúp du khách thư giãn và phục hồi sức khỏe trong môi trường tự nhiên trong lành.

+ Vị trí địa lý thuận lợi: Khu BTTN Phong Quang nằm gần trung tâm tỉnh Hà Giang, dễ dàng kết nối với các điểm du lịch nổi tiếng khác trong khu vực như Đồng Văn, Mèo Vạc, và Quản Bạ, tạo thuận lợi cho việc tổ chức các tour du lịch kết hợp.

- Khó khăn:

+ Địa hình núi đá vôi phức tạp và nhiều dốc đứng khiến việc di chuyển trong khu vực rừng đặc dụng Phong Quang trở nên khó khăn, đặc biệt là trong mùa mưa khi đường sá có thể bị sạt lở. Điều này gây cản trở cho việc tiếp cận của du khách và việc phát triển hạ tầng du lịch.

+ Khu vực núi cao thường xuyên phải đối mặt với các nguy cơ thiên tai như sạt lở đất, lũ quét, và mưa bão, đặc biệt trong mùa mưa. Những hiện tượng này không chỉ gây nguy hiểm cho du khách mà còn có thể làm hư hỏng cơ sở hạ tầng du lịch và ảnh hưởng đến các hoạt động du lịch.

+ Mặc dù có các suối ngầm, nhưng nguồn nước có thể bị hạn chế trong mùa khô, ảnh hưởng đến nhu cầu của du khách và hoạt động của các cơ sở lưu trú. Ngoài ra, việc phát triển du lịch không bền vững có thể dẫn đến các vấn đề ô nhiễm môi trường, đe dọa đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học của khu vực.

+ Việc phát triển du lịch phải được cân nhắc kỹ lưỡng để tránh tác động tiêu cực đến môi trường và hệ sinh thái. Sự gia tăng lượng khách du lịch có thể dẫn đến các vấn đề như rác thải, tiếng ồn, và xâm hại đến khu vực bảo tồn, đòi hỏi cần có các biện pháp quản lý chặt chẽ và bền vững.

1.1.6. Diện tích rừng

1.1.6.1. Tổng diện tích rừng và diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho Khu BTTN Phong Quang

Tổng diện tích được giao quản lý của Ban quản lý là 8.557,1 ha. Gồm toàn bộ là đất, rừng đặc dụng. Trong đó:

- Diện tích đất có rừng: 6.915,52 ha, được phân ra:
 - + Rừng tự nhiên: 6.709,2 ha;
 - + Rừng trồng: 206,32 ha.
- Diện tích đất chưa thành rừng: 1.641,58 ha, được phân ra:
 - + Diện tích đã trồng rừng nhưng chưa thành rừng: 220,0 ha;
 - + Diện tích khoan nuôi tái sinh: 460,07 ha;
 - + Diện tích đất khác (đất trống không có cây gỗ tái sinh, đất canh tác cây nông nghiệp, giao thông): 961,51 ha. Hiện trạng rừng thể hiện cụ thể qua bảng dưới đây.

Bảng 2. Hiện trạng các loại rừng của Ban quản lý

Đơn vị: ha

TT	Phân loại rừng	Mã	Tổng cộng	Rừng đặc dụng	
				Tổng	BTTN
I	Rừng phân theo nguồn gốc hình thành	1100	6.915,52	6.915,52	6.915,52
1	Rừng tự nhiên	1110	6.709,20	6.709,20	6.709,20
-	Rừng thứ sinh	1112	6.709,20	6.709,20	6.709,20
2	Rừng trồng	1120	206,32	206,32	206,32
-	Trồng mới trên đất chưa có rừng	1121	206,32	206,32	206,32
II	Rừng phân theo điều kiện lập địa	1200	6.915,52	6.915,52	6.915,52
1	Rừng trên núi đất	1210	1.629,43	1.629,43	1.629,43
2	Rừng trên núi đá	1220	5.286,09	5.286,09	5.286,09
III	Rừng phân theo loài cây	1300	6.709,20	6.709,20	6.709,20
1	Rừng gỗ tự nhiên	1310	6.596,52	6.596,52	6.596,52
-	Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nửa rụng lá	1311	6.596,52	6.596,52	6.596,52
2	Rừng tre nứa	1320			
3	Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	1330	112,68	112,68	112,68
-	Gỗ là chính	1331	16,76	16,76	16,76

TT	Phân loại rừng	Mã	Tổng cộng	Rừng đặc dụng	
				Tổng	BTTN
-	Tre nứa là chính	1332	95,92	95,92	95,92
4	Rừng cau dừa	1340			
IV	Rừng gỗ tự nhiên phân theo trữ lượng	1400	6.709,20	6.709,20	6.709,20
1	Rừng trung bình	1420	1.100,12	1.100,12	1.100,12
2	Rừng nghèo	1430	5.505,40	5.505,40	5.505,40
3	Rừng chưa có trữ lượng	1450	103,68	103,68	103,68
V	Diện tích chưa thành rừng	2000	1.641,58	1.641,58	1.641,58
1	Diện tích trồng chưa thành rừng	2010	220,00	220,00	220,00
2	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	2020	460,07	460,07	460,07
3	Diện tích khác	2030	961,51	961,51	961,51
VI	Diện tích đất quản lý		8.557,10	8.557,10	8.557,10

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023

của UBND tỉnh Hà Giang

1.1.6.1.1. Rừng tự nhiên

- Rừng tự nhiên có tổng diện tích là 6.709,20 ha, chiếm 78,41 % tổng diện tích của Khu bảo tồn. Trong đó:

(1). Rừng gỗ tự nhiên trên núi đất với diện tích 1.310,43 ha, chiếm 19,5% tổng diện tích rừng tự nhiên gồm:

- Rừng gỗ lá rộng, thường xanh trung bình (TXB): 333,41 ha, phân bố trên địa bàn xã Minh Tân huyện Vị Xuyên.

- Rừng gỗ lá rộng, thường xanh nghèo (TXN): 957,83 ha, phân bố trên địa bàn 06 xã (trừ xã Thuận Hòa) tập trung ở các xã Minh Tân, Phong Quang, Thanh Thủy huyện Vị Xuyên.

- Rừng gỗ lá rộng thường xanh phục hồi (TXP): 24,31 ha, phân bố tập trung tại xã Minh Tân huyện Vị Xuyên (21,52 ha), xã Tả Ván (2,79 ha). Đây là loại rừng mới phục hồi sau nương rẫy.

- Rừng hỗn giao gỗ - tre nứa và tre nứa gỗ núi đất: Loại rừng này có diện tích 112,68 ha, chiếm 1,7% tổng diện tích rừng tự nhiên, phân bố tại xã Phong Quang huyện Vị Xuyên.

(2) Rừng gỗ tự nhiên trên núi đá với diện tích 5.286,09 ha, chiếm 78,8% diện tích rừng tự nhiên. Đây là loại rừng chính của Khu bảo tồn, phát triển trên núi đá và bị tác động, nhưng đã có thời gian phục hồi, ở khu vực này xuất hiện nhiều loài cây đặc trưng của rừng núi đá. Bao gồm:

- Rừng gỗ lá rộng, thường xanh trung bình trên núi đá (TXDB): 766,71 ha. Phân bố tập trung trên hai xã Minh Tân (429,97 ha), Thuận Hòa (336,21 ha) huyện Vị Xuyên.

- Rừng gỗ lá rộng, thường xanh nghèo trên núi đá (TXDN): 4.181,82 ha. Phân bố tập trung trên 5 xã: Minh Tân (2.381,38 ha), Thuận Hòa (844,32 ha), Phong Quang (625,18), Thanh Thủy (218,63 ha) huyện Vị Xuyên và xã Tả Ván (112,31) huyện Quản Bạ.

- Rừng gỗ lá rộng, thường xanh chưa có trữ lượng trên núi đá (TXDP): 191,68 ha. Phân bố tập trung trên 3 xã: Tả Ván (112,31 ha) huyện Quản Bạ; Phong Quang (61,71 ha), Minh Tân (17,66 ha) huyện Vị Xuyên. Loại rừng này bị tác động mạnh của con người và đã trở thành đất trống hoặc làm nương rẫy một thời gian dài và đang phục hồi lại. Tầng tán đơn giản chỉ có 2 tầng đó là tầng tán chính và tầng cây bụi dây leo.

1.1.6.1.2. Rừng trồng

- Rừng trồng có diện tích là 206,32 ha ha, chiếm 3% diện tích Khu bảo tồn; phân bố tập trung ở các xã: Minh Tân (158,88 ha), Thanh Thủy (2,46 ha), Phong Quang (18,35 ha), Thuận Hòa (1,53 ha) huyện Vị Xuyên và phường Quang Trung (1,1 ha) thành phố Hà Giang. Loài cây chủ yếu Thông nhựa

1.1.6.2. Hiện trạng theo các phân khu chức năng

Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang được quy hoạch có diện tích tự nhiên là 8.557,1 ha (bao gồm 3 phân khu chức năng) và vùng đệm 23.653,9 ha (vùng đệm bên trong 391,39 ha và vùng đệm bên ngoài 23.262,51 ha). Các phân khu chức năng được quy hoạch cụ thể như sau:

1.1.6.2.1. Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt (BVNN)

a. Quy mô diện tích

Diện tích Phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt (BVNN) là 4.278,24 ha (bao gồm Phân khu BVNN 1: 701,91 ha và Phân khu BVNN 2: 3.576,33 ha), chiếm 50,0% diện tích Khu bảo tồn. Trong đó: rừng tự nhiên 4.030 ha; rừng trồng 9,56 ha; diện tích không có rừng rừng 238,3 ha. Cụ thể diện tích các loại đất, loại rừng được thể hiện trong bảng 03 dưới đây.

Bảng 3. Hiện trạng loại đất, loại rừng phân khu Bảo vệ nghiêm ngặt

TT	Trạng thái	Diện tích (ha)	Phân khu	
			BVNN1	BVNN2
	Tổng	4.278,24	701,91	3.576,33
A	Diện tích có rừng	4.039,94	618,36	3.421,58
I	Rừng tự nhiên	4.030,29	618,36	3.411,93
1	Rừng núi đất	528,60	505,17	23,43
a	Rừng gỗ	528,60	505,17	23,43
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX trung bình	318,12	318,12	

TT	Trạng thái	Diện tích (ha)	Phân khu	
			BVNN1	BVNN2
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo	188,96	174,09	14,87
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX chưa có trữ lượng	21,52	12,96	8,56
b	Rừng tre nửa tự nhiên			
c	Rừng hỗn giao			
-	Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất			
-	Rừng hỗn giao TN-TN tự nhiên núi đất			
2	Rừng núi đá	3.501,69	113,19	3.388,50
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX trung bình	765,86		765,86
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo	2.715,62	113,19	2.602,43
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX chưa có trữ lượng	20,21		20,21
II	Rừng trồng	9,65		9,65
-	Rừng gỗ trồng núi đất	9,65		9,65
B	Diện tích không có rừng	238,30	83,55	154,75
-	Rừng trồng nhưng chưa thành rừng	45,64	44,60	1,04
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	68,28	13,31	54,97
-	Diện tích trống cây bụi	110,40	21,79	88,61
-	Diện tích khác	13,98	3,85	10,13

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang

b. Vị trí

Nằm về phía Đông và kéo dài theo hướng Bắc Khu Bảo tồn, bao gồm một phần các Tiểu khu: 107E, 117, 117A, 117B, 117E, 118 và 131 và 117 E trên địa bàn các xã Minh Tân, Phong Quang, Thuận Hòa (huyện Vị Xuyên) và Tả Ván (huyện Quản Bạ), phường Quang Trung (1,1 ha) thành phố Hà Giang.

c. Chức năng

- Bảo vệ nghiêm ngặt, nguyên vẹn toàn bộ tài nguyên rừng và đất rừng, cảnh quan và các tài nguyên sinh học, đảm bảo diễn thế tự nhiên của các hệ sinh thái; đồng thời bảo vệ các giá trị tự nhiên và văn hóa khác.

- Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt cho phép tiến hành các hoạt động: nghiên cứu khoa học về rừng, về động thực vật, về địa lý, về thổ nhưỡng, về cảnh quan, khí hậu thủy văn theo các nội dung quản lý đã đề ra của khu rừng đặc dụng.

- Được phép tiến hành các hoạt động thực tập về rừng và sinh học của các viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên nghiệp.

+ Được phép mở các tuyến du lịch là các đường mòn hoặc đường dạo đi bộ ở các khu vực có các điểm tham quan như các cây cổ thụ, nơi có cảnh quan đẹp, hang động, ... và các tuyến du lịch mạo hiểm. Các tuyến này sẽ được thiết kế chi

tiết để đảm bảo không xâm phạm quá nhiều vào tính nguyên thủy của rừng.

1.1.6.2.2. Phân khu phục hồi sinh thái (gồm 5 phân khu)

a. Quy mô diện tích

Diện tích Phân khu Phục hồi sinh thái (PHST) là 4.278,51 ha, chiếm 50,0% diện tích Khu bảo tồn. Bao gồm 05 phân khu, từ PHST1 đến PHST5. Trong đó: rừng tự nhiên 2.678,91 ha; rừng trồng 196,67 ha; diện tích không có rừng 1.402,93 ha. Cụ thể như sau bảng dưới đây:

Bảng 4. Hiện trạng loại đất, loại rừng phân khu Phục hồi sinh thái

TT	Trạng thái	Diện tích (ha)	Phân khu				
			PHST1	PHST2	PHST3	PHST4	PHST5
	Tổng	4.278,51	86,85	1.099,80	166,40	2.129,26	796,20
A	Diện tích có rừng	2.875,58	15,84	655,51	139,09	1.393,74	671,40
I	Rừng tự nhiên	2.678,91	15,84	571,52	139,09	1.282,16	670,30
1	Rừng núi đất	894,51	15,84	512,12	2,79	191,22	172,54
a	Rừng gỗ	781,83	15,84	512,12	2,79	191,22	59,86
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX trung bình	15,29	-	15,29	-	-	-
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo	763,75	15,84	496,83	-	191,22	59,86
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX chưa có trữ lượng	2,79	-	-	2,79	-	-
b	Rừng tre nửa tự nhiên	-	-	-	-	-	-
c	Rừng hỗn giao	112,68	-	-	-	-	112,68
-	Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất	16,76	-	-	-	-	16,76
-	Rừng hỗn giao TN-TN tự nhiên núi đất	95,92	-	-	-	-	95,92
2	Rừng núi đá	1.784,40	-	59,40	136,30	1.090,94	497,76
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX trung bình	0,85	-	-	-	0,32	0,53
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo	1.724,39	-	59,40	136,3	1090,62	438,07
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX chưa có trữ lượng	59,16	-	-	-	-	59,16
II	Rừng trồng	196,67	-	83,99	-	111,58	1,10
-	Rừng gỗ trồng núi đất	196,67	-	83,99	-	111,58	1,1
B	Diện tích không có rừng	1.402,93	71,01	444,29	27,31	735,52	124,80
-	Rừng trồng nhưng chưa thành rừng	174,36	14,86	60,90	-	77,43	21,17
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	391,79	15,75	158,04	9,86	188,91	19,23
-	Diện tích trồng cây bụi	595,05	27,54	142,43	17,45	349,88	57,75
-	Diện tích khác	241,73	12,86	82,92	-	119,3	26,65

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang

b. Vị trí

Nằm phía Tây Bắc Khu Bảo tồn bao gồm một phần các Tiểu khu: 117, 117A, 117D, 117E, 118, 131, 131A và 131C trên địa bàn các xã Minh Tân, Phong Quang, Thanh Thủy (huyện Vị Xuyên), Tả Ván (huyện Quản Bạ) và

phường Quang Trung (thành phố Hà Giang).

c. Chức năng

- Chức năng: Phân khu PHST được xác lập để khôi phục các hệ sinh thái nhằm đáp ứng yêu cầu chủ yếu là phục hồi rừng và các hệ sinh thái tự nhiên. chức năng chủ yếu:

+ Bảo vệ toàn bộ tài nguyên rừng, đất rừng, cảnh quan, các tài nguyên sinh học, cảnh quan và giá trị tự nhiên, di tích lịch sử của phân khu, không khai thác tận thu cây gỗ đã chết, cây gãy đổ trong phân khu phục hồi sinh thái.

+ Phục hồi cấu trúc rừng tự nhiên; áp dụng biện pháp kết hợp tái sinh tự nhiên với làm giàu rừng, trồng loài cây bản địa trong phân khu phục hồi sinh thái. Tạo vùng đệm cho phân khu bảo vệ nghiêm ngặt ngăn ngừa những nguy cơ từ bên ngoài và tránh các khu vực được sử dụng đặc biệt.

+ Được tiến hành các hoạt động thực nghiệm, nghiên cứu về lâm sinh, động vật, thực vật, địa chất, thủy văn. Quản lý hoặc loại trừ các loài ngoại lai xâm hại; kiểm soát sinh cảnh nhằm đảm bảo tính phù hợp đối với các loài nguy cấp quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng; tái tạo hoặc thả lại các loài bản địa.

+ Tổ chức khoán bảo vệ và phát triển rừng hoặc hợp tác, liên kết với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại chỗ để bảo vệ và phát triển rừng.

+ Ban quản lý tự tổ chức, hợp tác, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng bảo đảm không làm ảnh hưởng đến bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và các chức năng khác của phân khu.

1.1.6.2.3. Phân khu dịch vụ, hành chính (DV-HC)

a. Quy mô diện tích, vị trí

Diện tích Phân khu Dịch vụ hành chính (DVHC) theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 là 0,35 ha (3.452 m²). Cụ thể như sau:

Bảng 5. Diện tích phân khu Dịch vụ, hành chính

TT	Hiện trạng	Diện tích (m²)
1	Ban Quản lý và Hạt Kiểm lâm	1.452,0
2	Trạm Kiểm lâm Hoàng Lý Pả	400,0
3	Trạm Kiểm lâm Lũng Giàng B	400,0
4	Trạm Kiểm lâm Tân Sơn	400,0
5	Trạm Kiểm lâm Km 17	400,0
6	Chốt Kiểm lâm Tà Lèng	400,0
	Tổng cộng	3.452,0

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang

Phân khu DVHC đồng thời là Trụ sở làm việc của Ban quản lý và Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Phong Quang - Tây Côn Lĩnh đã được xác lập nằm

ngoài ranh giới Khu bảo tồn.

Phân khu DVHC thực tế hiện đang sử dụng là 0,15 ha (1.452 m², bao gồm diện tích trụ sở của Ban quản lý và trụ sở của Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Phong Quang-Tây Côn Lĩnh).

Diện tích của các Trạm, Chốt Kiểm lâm là 2.000 m², được quy hoạch cho Khu bảo tồn nhưng hiện nay Hạt Kiểm lâm rừng đặc dụng Phong Quang - Tây Côn Lĩnh đang sử dụng.



Hình 1. Trạm Kiểm lâm Tân Sơn và Trạm Kiểm lâm Phong Quang

b. Chức năng

Chức năng của phân khu DVHC được quy định:

- Là trung tâm chỉ đạo về mặt hành chính và toàn bộ các hoạt động của Khu BTTN Phong Quang.
- Là đầu mối hệ thống quản lý bảo vệ rừng và phục hồi rừng chung cho toàn bộ khu rừng đặc dụng với sự tham gia của cộng đồng dân cư.
- Trung tâm đầu mối chỉ đạo của các hoạt động du lịch sinh thái, tham quan, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí của Khu bảo tồn.
- Trung tâm tuyên truyền giáo dục về bảo tồn thiên nhiên, trải nghiệm với tự nhiên và các hoạt động khác.
- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu về đa dạng sinh học, xây dựng cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn ngoại vi, cứu hộ sinh vật hoang dã...

1.1.6.2.4. Vùng Đệm

* Vùng đệm trong:

Theo Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018 diện tích giữ nguyên là 391,39 ha. Trong đó:

- Xã Minh Tân: Diện tích 362,08 ha: 03 thôn: Mã Hoàng Phìn, Hoàng Lý Pả, Phìn Sảng);
- Xã Phong Quang: Diện tích 29,31 ha (thôn Lũng Giàng B).

Theo điều tra, khảo sát 04 thôn có trên 270 hộ gia đình với trên 1.400 nhân khẩu, là đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương trong đó 100% là người Mông và người Dao.

Hiện trạng sử dụng đất vùng đệm trong thể hiện cụ thể qua bảng như sau:

Bảng 6. Hiện trạng sử dụng đất vùng đệm trong

TT	Trạng thái	Diện tích (ha)	Đệm trong	
			Minh Tân	Phong Quang
	Tổng	391,39	362,08	29,31
A	Diện tích có rừng	16,20	14,12	2,08
I	Rừng tự nhiên	10,13	8,05	2,08
1	Rừng núi đất	5,12	5,12	-
a	Rừng gỗ	5,12	5,12	-
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX trung bình	-	-	-
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo	5,12	5,12	-
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX chưa có trữ lượng	-	-	-
b	Rừng tre nứa tự nhiên	-	-	-
c	Rừng hỗn giao	-	-	-
-	Rừng hỗn giao G-TN tự nhiên núi đất	-	-	-
-	Rừng hỗn giao TN-TN tự nhiên núi đất	-	-	-
2	Rừng núi đá	5,01	2,93	2,08
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX trung bình	-	-	-
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo	5,01	2,93	2,08
-	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX chưa có trữ lượng	-	-	-
II	Rừng trồng	6,07	6,07	0,00
-	Rừng gỗ trồng núi đất	6,07	6,07	-
B	Diện tích không có rừng	375,19	347,96	27,23
-	Rừng trồng nhưng chưa thành rừng	0,08	-	0,08
-	Diện tích có cây gỗ tái sinh	11,34	10,79	0,55
-	Diện tích trống cây bụi	25,94	24,41	1,53
-	Diện tích khác	337,83	312,76	25,07

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang

b. Vùng đệm bên ngoài:

Vùng đệm ngoài là 23.262,51 ha nằm trên địa bàn 05 xã: Minh Tân, Thuận Hòa, Thanh Thủy, Phong Quang huyện Vị Xuyên; xã Tả Ván huyện Quản Bạ và phường Quang Trung thành phố Hà Giang.

c. Chức năng của vùng đệm ngoài

- Giảm nguy cơ đối với tính toàn vẹn và giá trị của bảo tồn thiên nhiên bằng nhiều phương thức khác nhau như; giảm nguy cơ xâm hại đến bảo tồn

ĐDSH từ các vùng lân cận; giảm nguy cơ nội tại trong vùng đệm thông qua quản lý vùng đệm thân thiện và bền vững đối với ĐDSH.

- Kiểm soát các nguy cơ sinh thái như ô nhiễm, cháy và các loài xâm lấn; giảm nguy cơ đối với Khu bảo tồn bằng các lựa chọn thay thế cho các hoạt động xâm hại hiện có trong khu vực.

- Cung cấp hành lang và liên kết cảnh quan cho các loài di cư như động vật lớn và chim; quản lý các nguy cơ lớn như sa mạc hóa, biến đổi khí hậu thông qua các thử nghiệm.

- Thúc đẩy phát triển nông thôn bền vững bằng việc tạo các sinh kế bền vững cho người dân sống trong vùng đệm để giảm áp lực lên Khu bảo tồn, đặc biệt đối với các cộng đồng dân cư sống phụ thuộc vào rừng.

- Tăng cường bảo tồn các di sản văn hóa thông qua các hoạt động khác nhau: bảo vệ địa bàn di sản văn hóa; duy trì phong tục tập quán, truyền thống, ngôn ngữ và các hình thức sử dụng đất có hiệu quả ở địa phương; bảo tồn các giống cây trồng và vật nuôi truyền thống.

- Giáo dục, nâng cao nhận thức cho chính quyền và người dân địa phương về quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng vào các hoạt động BTTN thông qua phương thức quản lý dựa vào cộng đồng để cùng chính quyền địa phương bảo vệ và hưởng lợi từ các hoạt động của BTTN.

Nhận xét:

- Thuận lợi: Về cơ bản việc xác định, quy mô diện tích, địa danh các phân khu chức năng theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 là phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Việc phân chia các phân khu chức năng đã được xác định cụ thể trên bản đồ, phạm vi ranh giới theo xã, huyện, chi tiết đến tiểu khu.

- Khó khăn: Ranh giới Khu bảo tồn, ranh giới các phân khu chức năng này chưa được xác định và cắm mốc thực địa. Ranh giới các phân khu chức năng tại một số khu vực còn đan xen đất sản xuất của người dân, đất đã được cấp sổ đỏ; một số vị trí đất trống có thể bố trí các công trình dịch vụ phục vụ du lịch sinh thái... Do đó cần thiết xem xét điều chỉnh các vị trí này sang phân khu dịch vụ hành chính.

- Vẫn còn tình trạng quản lý chồng lấn, cá biệt đã có hàng chục ha đất rừng được chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) cho người dân quản lý và sử dụng; cần phải được điều chỉnh và tổ chức cắm mốc ngoài thực địa.

1.1.7. Đa dạng sinh học

1.1.7.1. Đa dạng về hệ sinh thái

- Hệ sinh thái rừng: Là hệ sinh thái chiếm tỷ lệ trên 80% diện tích KBT, trong đó trên 70 % là rừng thứ sinh trên núi đá, khoảng 10% rừng thứ sinh trên núi đất. Trạng thái rừng phổ biến là rừng trung bình và rừng nghèo (TXB, TXN)

chiếm ưu thế.

- Hệ sinh thái nông nghiệp (đồng ruộng - nương rẫy): Chiếm khoảng 5% diện tích; phân bố ở gần khu dân cư và đất nương rẫy trên đồi, núi xen kẽ bản làng. Cây trồng chủ yếu ở đây các loài cây lương thực, cây có hạt, cây thực phẩm.

1.1.7.2. Đa dạng thực vật rừng

1.1.7.1.1. Đa dạng về thành phần loài

Qua nhiều nghiên cứu, điều tra trước đây đã xác định khu hệ thực vật của Khu bảo tồn đã xác định được 1.133 loài thực vật bậc cao có mạch trên cạn, thuộc 686 chi, 175 họ của 06 ngành thực vật khác nhau hiện phân bố trong Khu BTTN Phong Quang. Thành phần các ngành thực vật được xác định cụ thể qua bảng như sau:

Bảng 7. Thành phần thực vật Khu bảo tồn

Stt	Ngành thực vật	Số họ	Số chi	Số loài
1	Psilotophyta-Ngành Khuyết lá thông	1	1	1
2	Lycopodiophyta-Ngành Thông đất	2	3	11
3	Équisetophyta-Ngành Cỏ thắp bút	1	1	1
4	Polypodiophyta-Ngành Dương xỉ	22	64	123
5	Pinophyta-Ngành Thông	6	6	6
6	Magnoliophyta-Ngành Mộc lan	143	611	991
6.1	Magnoliopsida-Lớp Mộc lan	123	492	767
6.2	Liliopsida-Lớp Hành	20	119	224
Tổng số		175	686	1.133

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang

Trong số 6 ngành thực vật ghi nhận được tại Phong Quang, ngành Mộc lan 991 loài chiếm 87,5%; ngành Dương xỉ 123 loài chiếm 10,9%, ngành Thông đất 11 loài chiếm 0,9%, còn lại các ngành khác chiếm 0,7%.

1.1.7.1.2. Các loài thực vật quý hiếm và đặc hữu

Tổng số loài đã ghi nhận là 1.133, có tới 120 loài thực vật quý hiếm bị đe dọa ở cấp quốc gia và toàn cầu, chiếm 10,59% số loài đã phát hiện. Trong số đó có 31 loài trong Danh lục Đỏ IUCN 2021, chiếm 4,24%, thuộc 28 chi, 21 họ và được chia thành 6 mức độ nguy cấp khác nhau. Sách Đỏ Việt Nam 2007 phần II thực vật có 90 loài, chiếm 7,94% thuộc 67 chi, 42 họ và được phân chia theo 3 cấp, theo Nghị định 84/2021/NĐ-CP ghi nhận 30 loài, chiếm 2,65% thuộc 18 chi phân bố tại 12 họ khác nhau.

Đặc biệt, trong 31 loài được ghi trong sách đỏ IUCN có 2 loài IUCN xếp vào cấp độ rất nguy cấp (CR-có thể bị diệt chủng trong tương lai); có 2 loài IUCN xếp hạng là nguy cấp (EN) chủ yếu là các loài gỗ có giá trị kinh tế cao đang bị săn lùng như Tràm, Mun.

Ngoài ra, có tới 30 loài thực vật quý hiếm cấm buôn bán vận chuyển theo Nghị định số 84/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

(Chi tiết xem biểu 03, phần phụ lục)

1.1.7.2. Đa dạng động vật rừng

1.1.7.2.1. Đa dạng về thành phần loài

Khu BTTN Phong Quang đã thống kê được 227 loài thuộc 84 họ, 26 bộ.

Trong đó: Khu hệ thú: ghi nhận tổng số có 43 loài thuộc 21 họ, 8 bộ; Khu hệ chim: ghi nhận được 144 loài chim thuộc 50 họ, 15 bộ; Khu hệ ếch nhái, bò sát: đã ghi nhận 40 loài ếch nhái và bò sát thuộc 13 họ, 3 bộ. Cụ thể theo bảng như sau:

Bảng 8. Thành phần loài động vật có xương sống Khu bảo tồn

Lớp	Số loài	Số họ	Số bộ	Loài nằm trong sách đỏ (VN/IUCN/NĐ84)
Thú (Mammalia)	43	21	8	9 (8/8/6)
Chim (Aves)	144	50	15	10 (6/9/6)
Bò sát-Ếch Nhái (Reptilia-Amphibia)	40	13	3	6 (6/3/4)
Tổng	227	84	26	25 (20/20/16)

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang

1.1.7.2.2. Các loài động vật quý hiếm và đặc hữu

Trong tổng số 227 loài động vật được phát hiện ở Khu BTTN Phong Quang đã thống kê 25 loài nguy cấp, quý, hiếm cần ưu tiên bảo vệ (bao gồm: khu hệ thú ghi nhận tổng số có 6 loài Nghị định 84/2021/NĐ-CP, 8 loài Sách Đỏ Việt Nam (2007), 8 loài danh lục đỏ IUCN (2021). Những loài động thực vật có thể gặp trong quá trình du lịch được thể hiện như sau:

Bảng 9. Những loài động/thực vật quý hiếm, đặc trưng

Loài	Tình trạng bảo tồn	Mối đe dọa	Khu vực có thể quan sát	Ghi chú
Khỉ vàng	Cấm khai thác sử dụng, buôn bán, trao đổi	EN, EN, IB Nguy cấp; Nguy cơ trở thành loài bị đe dọa tuyệt chủng	Thôn Lò Suối Túng, xã Minh Tân, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	
Gà lôi trắng	Cấm khai thác sử dụng, buôn bán, trao đổi	LC, LR, IB Nguy cấp, có nguy cơ tuyệt chủng vô cùng cao trong tự nhiên	Thôn Phìn Sảng, Thôn Bản Hình xã Minh Tân, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	
Tắc kè	Cấm khai thác sử dụng, buôn bán, trao đổi	LC Khả năng bị đe dọa cao trong tương lai gần	Tiểu Khu 117E, xã Minh Tân Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	
Rùa núi	Cấm khai thác sử dụng,	CR Sẽ nguy cấp,	Tiểu khu 107E, xã Thuận	

Loài	Tình trạng bảo tồn	Mối đe dọa	Khu vực có thể quan sát	Ghi chú
viên	buôn bán, trao đổi	nguy cơ tuyệt chủng cao trong tự nhiên	Hòa, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	
Trại lý	Cấm khai thác sử dụng, buôn bán, trao đổi	EN, VU Sẽ nguy cấp; nguy cơ tuyệt chủng cao trong tự nhiên	Tiểu Khu 117E, xã Minh Tân Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	
Nghiên	Cấm khai thác sử dụng, buôn bán, trao đổi	EN, VU Sẽ nguy cấp; nguy cơ tuyệt chủng cao trong tự nhiên	Khoảnh 12, 23 tiểu khu 117, xã Minh Tân, Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang
1.1.7.3. Lâm sản ngoài gỗ

Theo Phương án Bảo tồn và phát triển bền vững Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang, giai đoạn 2022-2030; Khu BTTN Phong Quang có các loại lâm sản ngoài gỗ phân bố trong Khu bảo tồn, chia thành các nhóm sau:

- Nhóm cây làm dược liệu: Sâm cau, Ngũ gia bì gai, Cốt toái bồ...;
- Nhóm cây làm thức ăn cho người: Củ, quả, hạt, lá, thân, hoa... dùng làm thực phẩm và đồ uống được gọi chung là cây ăn được: Dẻ gai ấn độ, Đậu mèo, Rau sắng, Bò khai ...

- Nhóm cây làm cảnh: Đỗ quyên hoa trắng, Tuế balansa, Lan hài ...

Các loại lâm sản phụ này phần lớn được người dân địa phương thu hái về sử dụng tại chỗ hàng năm và một số hộ khác thu hái để bán ra thị trường nhưng với số lượng nhỏ. Việc quản lý và hướng dẫn người dân khai thác hầu như chưa được chú trọng; bởi vậy, tiềm ẩn nguy cơ suy giảm về nguồn lâm sản ngoài gỗ trong KBT.

Nhận xét:

- Thuận lợi:

- + Sự hỗ trợ của Nhà nước về các chính sách phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã tạo cơ hội và điều kiện cho công tác bảo vệ rừng ngày càng có hiệu quả.

- + Việc thí điểm giao khoán quản lý, bảo vệ đồng thời đánh số, gắn biển tên cây cho những cây gỗ Nghiến đến từng cộng đồng dân cư địa phương là mô hình đem lại kết quả đáng được nhân rộng.

- + Sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban quản lý KBT với các bên liên quan là tiền đề để thực hiện bảo vệ thành công cảnh quan thiên nhiên, hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học, là cơ hội cho phát triển du lịch sinh thái, du lịch khám phá, du lịch trải nghiệm...;

- Khó khăn:

- + Địa hình phức tạp, đi lại khó khăn, diện tích rừng trên núi đá lớn chủ yếu

là rừng nghèo, phân bố trên cả 7 xã, phường thuộc 2 huyện và thành phố Hà Giang nên việc tiếp cận khám phá trải nghiệm trong hệ sinh thái rừng là khó khăn.

+ Hiện còn 04 thôn/bản với trên 390 ha diện tích đất canh tác và đất ở của các hộ gia đình đồng bào nên việc xâm hại rừng và khai thác lâm sản trái phép khó ngăn chặn triệt để. Đặc biệt là tình trạng người dân vào rừng khai thác cây gỗ Nghiến làm thớt để bán sang Trung Quốc. Ngoài ra việc khai thác nguồn lợi lâm sản ngoài gỗ, nên đã tự khai thác với mục đích sử dụng tại chỗ. Do khai thác thiếu bền vững dẫn tới nguồn lâm sản ngoài gỗ ngày càng suy giảm, ảnh hưởng rất lớn đến việc bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học.

1.1.8. Cảnh quan thiên nhiên

Khu BTTN Phong Quang nằm trong khu vực được kiến tạo bởi các dãy núi đá vôi tạo cho cảnh quan, thiên nhiên KBT mang vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ. Bên cạnh đó, Khu BTTN Phong Quang, có điều kiện khí hậu mát mẻ, trong lành rất thuận lợi cho du lịch. Người dân nơi đây thân thiện, mến khách, luôn trải lòng với khách du lịch; đây là đặc trưng cho văn hóa bản sắc của các dân tộc vùng cao Hà Giang. Có thể điểm qua một số địa điểm đại diện cho hàng chục kỳ tích thiên nhiên muốn khám phá tại Khu BTTN Phong Quang như sau:

(1) Sự đa dạng sinh học về thực vật với 90 loài thuộc 67 chi, 42 họ loài thực vật quý hiếm; về động vật có 25 loài nguy cấp, quý, hiếm; 8 loài Sách Đỏ Việt Nam (2007), 8 loài danh lục đỏ IUCN 2021. Đây là điểm du khách có thể tham quan, thưởng ngoạn các khu rừng thứ sinh trong dịp tới thăm Khu BTTN Phong Quang.



Hình 2. Hệ sinh thái rừng Khu BTTN Phong Quang

(2) Hệ thống hang động: Với cấu tạo địa hình chủ yếu là núi đá vôi, đã hình thành nên hệ thống hang động khá đa dạng và phong phú. Điển hình như Hang Pắc Tà, Hang Tham Luồng một địa danh nổi tiếng với vẻ đẹp hoang sơ nổi tiếng ở Hà Giang; Hang Tham Luồng được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xếp hạng danh lam thắng cảnh cấp quốc gia.



Hình 3. Hang Tham Luồng, xã Minh Tân tỉnh Hà Giang



Hình 4. Điểm tham quan Hang Tham Luồng xã Minh Tân



Hình 5. Hình ảnh hang Pắc Tà, xã Minh Tân



Hình 6. Hang Suối Cụt tại xã Minh Tân,



Hình 7. Đài tưởng niệm AHLS, thôn xã Thanh Thủy

(3) Lễ hội hoa Dã Quỳ-Văn hóa phi vật thể: được tổ chức vào ngày 25 tháng 11 hàng năm, hoa Dã Quỳ nở rộ kéo dài gần 2 km từ chợ trung tâm xã Phong Quang đến trường Tiểu học xã. Ngoài việc đến ngắm và chụp ảnh với hoa Dã Quỳ, ở đây còn có các dịch vụ như: Thuê trang phục chụp ảnh, hỗ trợ gửi xe, nước uống, thưởng thức các món ăn địa phương.



Hình 8. Lễ hội hoa Dã Quỳ, xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên

(4) Ẩm thực: Đến với Phong Quang, khách du lịch được thưởng thức các món ăn đặc sản: Thắng dền, thắng cố, xôi ngũ sắc, cháo ấu tẩu, bánh chuối, bánh chưng lưng gù, Lạp xưởng gác bếp, thịt trâu gác bếp...

Ngoài ra, khi tới với Quán Bạ, Vị Xuyên còn có nhiều sản phẩm nổi tiếng để du khách mua về làm quà cho bạn bè, người thân như: Rượu ngô Thanh Vân, quả Hồng không hạt, thảo quả muối, chè Tùng Vài, thổ cẩm Lùng Tám, cùng với những sản phẩm văn hoá tinh tế như thổ cẩm, khèn, sáo được làm ra từ những bàn tay tài hoa, điêu luyện của đồng bào ở các làng nghề trong huyện...

1.2. Dân sinh, kinh tế - xã hội và tiềm năng du lịch văn hóa

1.2.1. Dân số, dân tộc, lao động

1.2.1.1. Dân số, dân tộc

a). Dân số

Theo số liệu điều tra thu thập tháng 11 năm 2023, tại 07 xã, phường có diện tích đất trong lâm phần của Khu bảo tồn cho thấy tổng số nhân khẩu là 34.181 người, thuộc 7.882 hộ.

Mật độ dân số trung bình trong khu vực là 140 người/km², nhưng phân bố không đồng đều giữa các xã, cao nhất là phường Quang Trung (578 người/km²), thấp nhất là xã Tả Ván, huyện Quán Bạ (59 người/km²). Tỷ lệ tăng dân số trung bình năm 2023 trong khu vực Khu BTTN là 1,5%, bao gồm cả tăng dân số tự nhiên và tăng dân số cơ học.

Cư dân trong vùng sống tập trung thành các bản nhỏ, chủ yếu sinh sống bằng nghề nông (chiếm 94,3%) với tập quán canh tác là trồng ngô, lúa nước, làm nương rẫy,... xâm lấn đất rừng để sản xuất nương rẫy.

b). Dân tộc

Trong tổng số 25 thôn, tổ có 04 thôn hiện nằm sâu trong phạm vi vùng lõi và 11 thôn nằm ở giáp ranh giới của Khu BTTN. Người dân tại các thôn bản bên trong và giáp ranh với Khu BTTN chủ yếu là người dân tộc thiểu số (Mông, Dao, Giáy, Tày,...); tập quán sống dựa vào tài nguyên rừng, thu hái lâm sản, săn bắn thú rừng, những hoạt động này đã đe dọa đến tính bền vững đa dạng sinh học của Khu BTTN.

1.2.1.2. Lao động, việc làm

Theo thống kê năm 2022 số người trong độ tuổi lao động trong 07 xã, phường có diện tích Khu bảo tồn là 20.163 người, chiếm tỷ lệ 59,0% tổng dân số; trong đó, lao động nữ 9.527 người, chiếm 47,2%, lao động nam 10.636 người, chiếm 52,8%. Đây là tỷ lệ tương đối cao so với một số vùng khác, nguyên nhân do cơ cấu dân số lứa tuổi trẻ chiếm tỉ lệ rất cao (trên 70% dân số là lứa tuổi dưới 34); Dự báo đến năm 2030 số người trong độ tuổi lao động trong địa bàn 07 xã, phường sẽ có xu hướng giảm do tỷ lệ già hóa dân số.

Về cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế, thì lao động trong ngành nông-lâm nghiệp chiếm 99,3%, còn lại lao động tham gia vào các ngành kinh tế khác chiếm 0,7% so với tổng số lao động xã hội; Số người trong độ tuổi lao động trong các ngành kinh tế chiếm 95,4%;

Về chất lượng lao động: Số lao động phổ thông chiếm trên 93,0%; lao động dôi dư 7%. Thời gian sử dụng lao động trong nông thôn bình quân đạt 189

ngày/năm; lực lượng lao động nhân rồi biến động từ 7-10% số lao động hiện có, phần lớn là số học sinh đến tuổi lao động không tìm được việc làm.

1.2.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

1.2.2.1. Sản xuất nông, lâm nghiệp

a. Trồng trọt

Nông lâm nghiệp đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế khu vực Khu bảo tồn; một số loại cây chủ đạo: Cây lương thực (diện tích 3.692,4 ha); Cây công nghiệp ngắn ngày và cây thực phẩm (diện tích 263,4 ha); Cây lâu năm (Na dai, ổi, cam, nhãn, hồng).....cũng được người dân đưa vào trồng tại các vườn hộ.

b. Chăn nuôi

Trên địa bàn các xã, phường có: đàn Trâu 4.406 con, đàn Bò 5.603 con, đàn Dê 2.538 con, đàn Lợn 25.658 con, đàn Gia cầm 167.015 con. Phương thức chăn nuôi gia súc chủ yếu theo hộ gia đình. Chăn nuôi đóng vai trò quan trọng đối với đời sống của các hộ gia đình

c. Sản xuất lâm nghiệp

Lâm phần Khu bảo tồn quản lý chủ yếu nằm trên địa bàn huyện Vị Xuyên là một trong những địa phương có diện tích đất lâm nghiệp lớn của tỉnh. Hoạt động lâm nghiệp chủ yếu tập trung công tác khoán quản lý bảo vệ rừng cho cộng đồng địa phương; thực hiện đề án giao rừng, thuê rừng gắn với giao đất, thuê đất cho các hộ gia đình, những năm gần đây Ban quản lý đã triển khai chương trình quản lý và đóng sổ hiệu bảo vệ đến từng cây Nghiến.

1.2.2.2. Công nghiệp và thương mại dịch vụ

Hiện nay trên diện tích rừng của Khu bảo tồn đã có 01 doanh nghiệp hợp tác xây dựng đề án phát triển du lịch khu vực Hang Tham Luồng. Mặc dù vậy, đến nay sau khi cơ bản đã đầu tư nhưng tình hình dịch bệnh Covid 19 phức tạp, lượng khách du lịch đến với Hà Giang và với Khu bảo tồn rất hạn chế nên nguồn thu từ du lịch chưa mang lại cho nhà đầu tư và cho BQL rừng đặc dụng.

Khu du lịch sinh thái Trường Xuân, Thạch Lâm Viên (thuộc phường Quang Trung) hiện vẫn đang tiếp tục đầu tư nâng cấp, mở rộng khai thác các loại hình dịch vụ du lịch. Đây sẽ là tiềm năng lớn để Khu bảo tồn liên kết phát triển loại hình du lịch sinh thái, du lịch làng bản trong Khu bảo tồn, góp phần tạo việc làm và thu nhập cho các hộ gia đình sống bên trong và giáp ranh với Khu bảo tồn.

Các xã còn lại phát triển chậm, cơ sở hạ tầng dịch vụ - thương mại chưa được đầu tư đổi mới, chưa có thu nhập nên chưa có động lực thu hút người dân tham gia đầu tư, phát triển du lịch.

Các ngành nghề truyền thống đã có từ lâu đời, tồn tại và phát triển gắn liền với lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của các xã vùng đệm như: Mây tre, đan lát, dệt thổ cẩm, nhuộm,... chưa được chú ý để đầu tư, đáp ứng việc làm, thu nhập và có sản phẩm hàng hóa phục vụ du lịch, tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

Sản phẩm làng nghề truyền thống trên địa bàn các xã hiện tại đang trong giai đoạn tìm kiếm thị trường trong tỉnh cũng như khu vực vùng núi phía Bắc.

1.2.2.3. Thương mại, dịch vụ và du lịch

a. Về hoạt động thương mại, dịch vụ

Ban quản lý rừng đặc dụng Phong Quang nằm trong khu vực có nhiều tiềm năng phát triển du lịch, nhưng chưa được các cấp chính quyền và người quan tâm. Hiện tại, du lịch trong địa bàn Khu bảo tồn chưa được đầu tư và cũng chưa thu hút được vốn đầu tư của Doanh nghiệp, Nhà nước cũng như tổ chức nước ngoài.

Nguồn hàng hoá cung cấp cho tiêu thụ tại địa phương, chủ yếu vẫn từ huyện, tỉnh chuyển đến như: Vật liệu xây dựng (gạch nung, cát, đá, sỏi xây dựng, tấm lợp,...); Đồ dùng trong gia đình (đồ điện tử, giường, tủ, bàn ghế,...) . Các loại hàng hoá chuyển ra ngoài xã chủ yếu là các sản phẩm nông nghiệp như: Đậu tương, Lạc, Ngô, Thảo quả, ...Trâu, Bò, Lợn và các loại gia cầm.

b. Hoạt động du lịch

Hoạt động du lịch tại các xã trên địa bàn thực sự chưa phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng về đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên hiện có. Nguyên nhân là do sự phối hợp, sự kết nối về các hoạt động dịch vụ du lịch giữa Khu BTTN Phong Quang với các cơ sở du lịch trong khu vực (huyện, tỉnh) còn thiếu, chưa khai thác được các sản phẩm và các loại hình du lịch (du lịch sinh thái, du lịch khám phá, du lịch trải nghiệm ...). Đặc biệt là các điều kiện hỗ trợ cho phát triển du lịch như cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn nhân lực ở các xã vùng đệm chưa có, do vậy chưa có sức hấp dẫn khách du lịch sinh thái nói chung.

1.2.2.4. Phong tục, tập quán

1.2.2.4.1. Phong tục tập quán cư trú trong Khu BTTN Phong Quang

(i) Người Mông: Người Mông có tính cộng đồng cao ở sự thống nhất của các lễ hội, phong tục tập quán, cách thức thờ cúng và ở nguyên tắc nội hôn tộc người, ngoại hôn dòng họ.

Người Mông nổi tiếng với truyền thống canh tác nương đá, trồng lúa, ngô và các loại hoa màu khác. Sản xuất thủ công của đồng bào Mông đạt đến trình độ khá cao như dệt, đan lát, làm đồ gỗ, rèn đúc.

(ii) Người Dao: Làng của người Dao gồm có đất thổ cư được xây dựng nhà cửa, soi bãi để làm ruộng, rừng để làm rẫy và khai thác phục vụ đời sống, nguồn nước để uống và sinh hoạt là sông, suối và sông để kiếm cá và là nguồn nước để tưới tiêu phục vụ sản xuất.

Người Dao có một số nghề thủ công truyền thống như trồng bông, dệt vải, sửa chữa nông cụ, làm súng hỏa mai, súng kíp, đúc đạn bằng gang, làm giấy bản, ép dầu thắp sáng hay dầu ăn, làm đường mật, làm trang sức bạc... Dưới bàn tay của các nghệ nhân, những công cụ, bộ trang phục, trang sức rực rỡ với nhiều

hoa văn đa dạng, đặc trưng đã cho thấy cuộc sống nội tâm phong phú và giàu thẩm mỹ của người Dao.

(iii) Người Tày: Nhà ở có kiến trúc nhà sàn truyền thống, nghệ thuật hát Then, đàn Tính, trang phục áo chàm và có nhiều các trò chơi, lễ hội dân gian. Người Tày tham gia sản xuất nông nghiệp theo loại hình lúa nước là chính.

(iv) Các dân tộc khác

Ngoài ra Khu BTTN Phong Quang còn một số dân tộc khác sinh sống như: Nùng, kinh, hán... sống phân bố rải rác trong vùng tại các thôn/bản trong các xã, tập quán canh tác chủ yếu là sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi gia súc gia cầm, giao lưu cả về kinh tế, văn hoá..., mỗi dân tộc vẫn bảo tồn và giữ những nét đặc trưng riêng về văn hoá riêng của mình như: Phong tục canh tác, tôn giáo tín ngưỡng, ngôn ngữ, trang phục, sinh hoạt văn hóa dân gian,...

1.2.2.4.2. Tập quán canh tác nương rẫy, săn bắn, khai thác lâm sản

Khu vực cư trú của người bản địa trong Khu BTTN Phong Quang chủ yếu trên các sườn núi, sườn đồi, thung lũng. Do vậy, ngoài một số diện tích ruộng nước có được nhờ khai phá, cuộc sống của người dân nơi đây dựa vào một phần vào rừng và đất rừng để canh tác nương rẫy và săn bắt chim thú. Phương thức canh tác phổ biến là đốt nương làm rẫy, một loại hình khai phá rừng để gieo trồng đơn giản nhất.

Hiện nay, hiện tượng đốt nương làm rẫy không còn xảy ra nữa do những quy định chặt chẽ của ngành Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp và PTNT và sự quản lý chặt chẽ từ các Khu bảo tồn.

Tóm lại: Những phong tục tập quán, phương thức canh tác nông nghiệp, trồng cây (các loại hình nương rẫy) đã tạo nên nét văn hóa riêng biệt, tạo nên những sản phẩm văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc người Mông, Dao, Tày....đã góp phần làm đa dạng sản phẩm của du lịch cung cấp cho chương trình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí của các địa phương.

1.2.2.4.3. Bản sắc văn hóa và lễ hội truyền thống liên quan tới phát triển du lịch

- **Người Mông:** Nổi bật trong nét văn hóa của người Mông là những khúc hát về tình yêu, được thể hiện bằng khèn, sáo, đàn môi, kèn lá. Tất cả là những tài sản vô giá của cộng đồng người Mông được lưu giữ từ lâu đời.

Những tín ngưỡng truyền thống có giá trị tinh thần như: Tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên, lễ đặt tên, lễ trưởng thành đã trở thành nét đẹp văn hóa đặc sắc. Một số hoạt động văn hóa truyền thống và các hoạt động thể thao, các trò chơi dân gian như: Lễ hội Khèn Mông, Lễ hội Gầu Tào

Ẩm thực là Bánh ngô, mèn mén, thắng cố, rượu ngô, gà đen; Trang phục là các loại vải thổ cẩm do tự mình làm nên.

- **Người Dao:** Người Dao có phong tục cấp sắc một nghi thức quan trọng không thể thiếu trong một đời người đàn ông, khi con trai đến tuổi trưởng thành thì phải có lễ cúng “Cấp Sắc”.

Dân tộc Dao có một nền văn hóa rất phong phú và đậm đà bản sắc thể hiện qua nhiều phong tục, nhiều điệu múa đẹp, nhiều bài hát hay, kho tàng truyện cổ tích, thần thoại, ngụ ngôn, ca dao, thành ngữ, chiêm tinh, tướng số, câu đố...

Với người Dao đồng bạc trắng có mặt trong mọi nghi lễ của cộng đồng (từ cúng bái, ma chay đến cưới hỏi) đều không thể thiếu đồng bạc trắng.

Âm nhạc của người Dao có từ lâu đời, được tổ tiên sáng tạo và trao truyền cho các thế hệ, được hòa tấu trong các nghi lễ văn hóa và tâm linh không thể thiếu được trong cộng đồng người Dao. Đây là di sản văn hóa dân gian truyền thống độc đáo trong đời sống văn hóa tinh thần của người Dao như Chiêng, chuông lắc, Kèn Pí Lè, tù, trống...

Trang phục là vải lanh, được nhuộm chàm; Lễ hội Cấp Sắc, Lễ cầu mùa, cầu mưa, nhảy lửa; Ẩm thực là cơm lam, thắng dền, bánh trưng đen, thịt lợn treo gác bếp, xôi ngũ sắc.

- **Người Tày:** Diễn hình là Lễ hội Lồng Tồng (lễ hội xuống đồng); đây là lễ hội độc đáo của người Tày, mang theo thông điệp cầu cho quốc thái, dân an, mùa màng bội thu, cuộc sống ấm no, hạnh phúc; vào mùa 4-5 tháng Giêng. Vào ngày hội tất cả mọi người trong làng, bản đều tham gia làm lễ để cầu mong mưa thuận gió hòa, cuộc sống ấm no, sinh sôi nảy nở, an lành...

- **Người Kinh:** Chủ yếu là người di cư khai hoang tìm đất sinh sống, số người Kinh ít sống thường ở những nơi tương đối bằng phẳng, gần nước cuộc sống dựa vào việc trồng trọt chăn nuôi là chính.

- **Đồng bào khác:** Nùng, Hoa... cũng đóng góp vai trò không kém phần quan trọng đối với quá trình bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng.

Nhận xét:

Có thể nói rằng cộng đồng các dân tộc nơi đây được hình thành với những tập quán sống vốn là cội nguồn văn hoá của họ. Dù là dân tộc Mông, Dao, Tày, Nùng hay Hoa....sống trong khu vực Khu BTTN Phong Quang đều là những người dân chất phác, thật thà và đôn hậu. Đây chính là nét đẹp nhưng cũng là một tiêu chí thu hút khách du lịch;

1.2.2.5. Xã hội

a). Giáo dục - Đào tạo

Các xã vùng lõi, vùng đệm Khu BTTN Phong Quang đều có trường tiểu học và trung học cơ sở đã đáp ứng được việc học tập của học sinh bậc tiểu học và trung học cơ sở; bậc học trung học phổ thông các học sinh phải đi học xa hơn do các trường này đóng tại trung tâm các huyện hoặc tại những cụm xã trọng điểm nên tỷ lệ học sinh tham gia thấp.

b). Công tác Y tế chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Các xã đều có Trạm y tế, có đủ đội ngũ y, bác sỹ, số giường bệnh, trang thiết bị, thuốc men phục vụ khám, chữa bệnh tại chỗ cho người dân. Tuy nhiên, việc

khám, chữa bệnh tại các trạm y tế thường là tiêm phòng dịch và chữa các bệnh thông thường, những bệnh nặng người dân thường đi thẳng lên các tuyến trên.

c) Công tác Văn hóa, thông tin và thể thao

Các xã vùng đệm Khu bảo tồn đã có nhà bưu điện văn hóa, sóng truyền thanh, truyền hình đã phủ kín, rất thuận tiện cho công tác tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với người dân.

Phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình văn hóa được duy trì thường xuyên. Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa hàng năm đều đạt trên 60%.

1.2.2.6. Nhận xét

a). Thuận lợi

- Ban quản lý KBTTN luôn nhận được sự quan tâm của các ngành, các cấp đối với hoạt động bảo vệ và phát triển rừng và giữ gìn an ninh quốc phòng, biên giới.

- Cơ sở hạ tầng, văn hóa xã hội khác dần được nâng cấp, cải thiện; dân cư trong vùng cần cù có kinh nghiệm bảo vệ rừng, trồng rừng; có ý thức bảo vệ môi trường cảnh quan,...là tiền đề vững chắc cho việc bảo vệ đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và các giá trị văn hóa truyền thống.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật trong 11Q`KBT đang được xây dựng, các xã trong vùng đều có điện lưới quốc gia phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống người dân.

- Văn hóa truyền thống và những tập quán mang đậm bản sắc các dân tộc được lưu giữ và phát triển; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Cùng với sự ưu ái về thiên nhiên, về nguồn tài nguyên đa dạng kết hợp với xu hướng phát triển của ngành du lịch tỉnh Hà Giang; cơ hội để Khu BTTN Phong Quang cũng như huyện Vị Xuyên, huyện Quản Bạ phát huy những lợi thế để phát triển du lịch trong tương lai;

b). Những khó khăn

- Dân số của các xã trên địa bàn Khu bảo tồn trong những năm qua vẫn không ngừng gia tăng, do gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ học, đặc biệt hiện nay còn nhiều thôn bản cư trú bên trong ranh giới Khu bảo tồn. Mật độ bình quân là 140/người/km²; mật độ bình quân chung trên 06 xã 67 người/km²; tỷ lệ tăng dân số trung bình hàng năm là 1,5%.

- Số hộ nghèo và cận nghèo chiếm 63,5% tổng số hộ trong khu vực, sản xuất nông nghiệp chưa thể giải quyết được tình trạng đói nghèo, vì đây là những hộ thiếu đất, thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm sản xuất, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Dịch vụ thu hút việc làm cho thanh niên, lao động phổ thông, lao động nông nhàn của khu vực này chưa phát triển. Do vậy, tình trạng dôi dư lao động trong các mùa nông nhàn kéo theo sự gia tăng tình trạng vào rừng để thu hái lâm sản trái phép.

- Các hộ gia đình hiện đang sống ở các thôn bên trong và giáp ranh với vùng lõi của Khu bảo tồn vẫn chưa bỏ tập quán dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên như gỗ, củi, các loại lâm sản, săn bắt động vật rừng nên việc xâm hại vào rừng là chưa thể ngăn chặn triệt để.

- Các hộ sống bên trong và xung quanh Khu bảo tồn chủ yếu là đồng bào dân tộc thiểu số (Mông, Dao,...), thường ở xa đường giao thông, cuộc sống tự cung tự cấp, phụ thuộc vào tự nhiên; do đó, ít cơ hội trao đổi buôn bán lưu thông với bên ngoài nên nhận thức về giá trị của rừng, về cảnh quan thiên nhiên, về giá trị đem lại từ du lịch cũng còn hạn chế.

- Nền kinh tế mang tính tự cung, tự cấp chưa phát triển thành kinh tế hàng hoá, đời sống của người dân phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên. Khai thác lợi dụng rừng một cách tự phát đã trở thành tập quán của người dân và chiếm một vị trí rất quan trọng trong thu nhập của mỗi hộ gia đình.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất và đời sống còn thiếu, chất lượng chưa cao, mạng lưới đường dân sinh nội vùng đi lại khó khăn nhất là về mùa mưa lũ, hệ thống kênh mương, hồ chứa chưa có. Đời sống vật chất tinh thần của đồng bào các dân tộc ít người còn hết sức nghèo nàn, trình độ dân trí ở mức thấp.

1.2.3. Tiềm năng du lịch văn hóa

a) Tài nguyên về văn hóa, ẩm thực:

Lâm phần rừng của Khu BTTN Phong Quang nằm trong vùng có sinh cảnh độc đáo, cảnh quan sinh thái hấp dẫn, phong phú, có núi non, hang động, sông suối hùng vĩ, cùng với các giá trị nhân văn, văn hóa dân tộc độc đáo,... Là địa bàn cư trú, sinh sống của các dân tộc như Mông, Dao, Tày, Nùng, ..., mỗi dân tộc có những nét đặc trưng về văn hóa, phong tục tập quán và tín ngưỡng truyền thống đặc sắc, độc đáo riêng. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển các nét văn hóa vào phát triển du lịch. Tại đây, du khách sẽ được tham gia các hình thức du lịch cộng đồng, khám phá thiên nhiên, trải nghiệm các lễ hội của các dân tộc và thưởng thức các món ăn địa phương. Điển hình như:

(i) Văn hóa phi vật thể:

- Hát then của người Tày, hát Páo dung của người Dao...;
- Lễ hội cấp sắc người Dao.
- Lễ hội Gầu Tào vào mùa xuân của dân tộc Mông, và lễ hội Lồng Tồng của dân tộc Tày và lễ hội vào thời gian sau tết nguyên đán dân tộc Dao.
- Lễ hội hoa Dã Quỳ ở xã Phong Quang;
- Những phiên chợ vùng cao mang đậm bản sắc văn hóa của người dân Hà Giang.
- Các đặc sản, ẩm thực của khu vực như: Phở Tráng Kim Quan Bạ, gà đen, bánh đa, bún vịt người Tày, cải mè, Hồng không hạt Quan Bạ

(ii) Văn hóa vật thể:

- Những ngôi nhà sàn cổ của người Tày với những nét kiến trúc cổ.

- Nghĩa trang Vị Xuyên, nơi yên nghỉ của các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc năm 1979-1986.

- Các hang động thiên nhiên: Hang Khố Mỹ (Danh thắng quốc gia), Hang Tham Luồng, Hang Pắc Tà; Hang Suối Cụt.

- Khám phá và trải nghiệm tại các homestay ở Quản Bạ, do cộng đồng người dân tộc trong vùng tạo nên để phục vụ mọi người đến du lịch, tham gia các hoạt động thường ngày cùng gia đình chủ để cảm nhận rõ nét hơn về lối sống sinh hoạt địa phương.

b) Tài nguyên du lịch tự nhiên

Ngoài các giá trị thiên nhiên nằm trong Khu BTTN Phong Quang là sự đa dạng cảnh quan, đa dạng sinh học; Khu bảo tồn có thể kết nối đến các địa điểm du lịch, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh nổi tiếng trên địa bàn cao nguyên đá Đồng Văn và các di tích lịch sử, văn hóa, tâm linh trên địa bàn các huyện Yên Minh, Bắc Mê, Vị Xuyên, TP Hà Giang và Đồng Văn,... những địa chỉ có đầy tiềm năng để phát triển DLST, nghỉ dưỡng và giải trí trong rừng trên địa điểm xây dựng đề án. Điển hình như:

- Khu di tích lịch sử cấp quốc gia Căng Bắc Mê và Nhà Bang tá thuộc huyện Bắc Mê, Hà Giang.

- Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Quản Bạ tại các xã Cao Mã Pờ, Tùng Vài, Nghĩa Thuận, Tả Ván (huyện Quản Bạ)

- Nghĩa trang Vị Xuyên, nơi yên nghỉ của các anh hùng liệt sĩ đã ngã xuống trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc giai đoạn 1979-1986.

- Chùa Sùng Khánh cách Thành phố Hà Giang 9 km về phía nam thuộc thôn Làng Nùng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, được nhà nước xếp hạng là di tích lịch sử nghệ thuật năm 1993. Chùa được xây dựng thời Triệu Phong (1356), do thời gian, chùa bị hư hại, đến năm 1989 được nhân dân xây dựng trên nền chùa cũ. Ở đây còn lưu giữ hai di vật: Bia đá thời Trần (1367) ghi lại công lao của người sáng lập ra Chùa và một quả Chuông cao 0.90 m, đường kính 0.67 m, được đúc thời Hậu Lê (1705). Nghệ thuật khắc trên đá, trên Chuông đồng và kỹ thuật đúc Chuông là một bằng cứ nói lên bàn tay tinh xảo của các nghệ nhân vùng biên giới phía Bắc này, và từ đó biết thêm lịch sử phát triển thời Trần và Lê tới tận vùng biên ải Hà Giang.

- Chùa Bình Lâm thuộc địa phận thôn Tông Mường xã Phú Linh, Thành phố Hà Giang. Chùa còn có tên gọi chữ Hán là "Bình Lâm Tự". Nhân dân ở đây còn lưu giữ một quả chuông thời Trần được đúc vào tháng 3 năm Ất Mùi (1295) chuông có chiều cao 103 cm, đường kính miệng 65 cm, quai được cấu tạo bởi hai hình rồng, trên chuông có khắc bài Minh bằng chữ Hán gồm 309 chữ năm Bính Thân, niên hiệu Hưng Long thứ 4 (1296). Trên quả chuông ta bắt gặp tiêu bản rồng nổi trên chất liệu đồng (thế kỷ 13). Cùng với quả chuông, tại chùa Bình Lâm còn phát hiện được một

số di vật như Tháp đất nung, mái ngói có hoạ tiết Hoa chanh....là những nét quen thuộc và tiêu biểu của văn hoá thời Trần.

1.3. Giao thông

Hiện trên địa bàn các xã vùng đệm có tuyến quốc lộ số 2 (từ thành phố Hà Giang đi cửa khẩu Thanh Thủy) và quốc lộ 4C (từ thành phố Hà Giang đi huyện Quản Bạ) với tổng chiều dài khoảng 26 km. Ngoài ra còn có 15 km đường cấp phối của quốc phòng trong khu vực biên giới và các tuyến đường liên xã, liên thôn, nội thôn đã tạo nên một hệ thống đường bộ hoàn chỉnh thuận lợi cho giao thông nội vùng và với bên ngoài. Mật độ đường tương đối đồng đều giữa các xã, bình quân khoảng 1,0 km/km².

Chất lượng các tuyến đường đến trụ sở Ủy ban nhân dân các xã đã có giải nhựa; các tuyến giao thông nông thôn đường nhỏ, hẹp, dốc, một số là đường đất, vào mùa mưa đi lại rất khó khăn.

1.4. Hiện trạng hoạt động du lịch

Khu BTTN Phong Quang có tiềm năng để phát triển loại hình DVMTR cho du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và triển vọng cho thuê môi trường rừng; thực tế đã có hình thành một số điểm du lịch như Hang Khô Mỹ (danh thắng quốc gia), Hang Tham Luồng và hình thành được một số tuyến du lịch. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa triển khai được.

Năm 2020, Khu BTTN Phong Quang đã xây dựng Đề án du lịch sinh thái và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 14/10/2020; tuy nhiên, đến nay Đề án không còn phù hợp với quy định hiện hành (Năm 2022, UBND tỉnh đã phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Khu BTTN Phong Quang giai đoạn 2021 – 2030 theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023) nên phải xây dựng lại Đề án theo nội dung Phương án QLRBV được duyệt.

1.4.1. Công tác tổ chức quản lý và nguồn nhân lực

- Theo Quyết định số 2625/QĐ-UB ngày 29/11/2005 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt dự án thành lập Khu BTTN Phong Quang, Ban quản lý Khu BTTN Phong Quang có 07 cán bộ viên chức và người lao động, phân bổ như sau:

Bảng 10: Hiện trạng nhân sự khu BTTN Phong Quang

STT	Vị trí việc làm	Tổng số người làm việc	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng với BQL
	Tổng số người làm việc và lao động hợp đồng làm việc	7	7	-
1	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	1	1	-
	Giám đốc	1	1	-
2	Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt	06	06	-

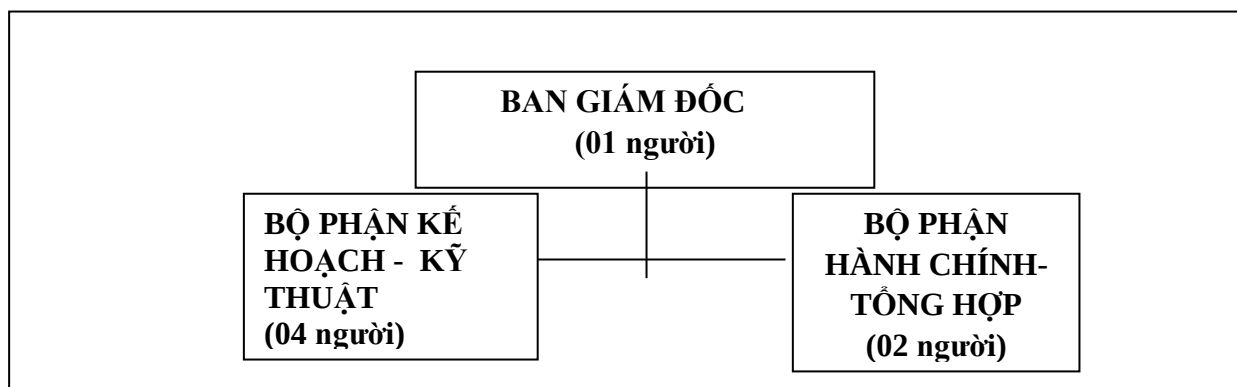
STT	Vị trí việc làm	Tổng số người làm việc	Biên chế sự nghiệp	Hợp đồng với BQL
	động nghiệp vụ			
	Bộ phận chuyên môn (HC-TH: 02; KH-KT:04)	06	06	-
3	Hợp đồng lao động BQL tự chi trả	-	-	-

Khu BTTN gồm: 7 người, trong đó:

- 01 Giám đốc: Là người đứng đầu của Ban quản lý, chịu trách nhiệm toàn diện về mọi mặt trước Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của khu BTTN Phong Quang; đảm bảo hiệu quả quản lý điều hành, các công việc được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao. Là chủ tài khoản các nguồn kinh phí được giao, chịu trách nhiệm về quản lý chi tiêu các nguồn vốn của BQL theo quy định của pháp luật và kế hoạch, hoạt động, dự toán chi tiêu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- 06 viên chức, phòng tổng hợp giúp việc cho BQL Rừng đặc dụng; căn cứ từng nhiệm vụ cụ thể do giám đốc BQL phân công nhiệm vụ; cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; điều động, luân chuyển; khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc được thực hiện theo phân cấp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang và quy định của pháp luật.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC KHU BTTN PHONG QUANG



1.4.2. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

1.4.2.1. Cơ sở hạ tầng

1.4.2.1.1. Hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực

- Đền đến với Khu BTTN Phong Quang có quốc lộ số 2 và 4C. Ngoài ra còn có 15 km đường cấp phối của quốc phòng trong khu vực biên giới và các tuyến đường liên xã, liên thôn, nội thôn đã tạo nên một hệ thống đường bộ hoàn chỉnh thuận lợi cho giao thông nội vùng và với bên ngoài. Chất lượng các con đường liên xã, liên thôn phần lớn là đường cấp phối, đường đất; do đó, việc đi lại rất khó khăn.

Hiện nay, với sự hỗ trợ kinh phí từ các chương trình: Xây dựng nông thôn mới, Dự án giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia...hệ thống giao thông trong được nâng cấp, mở mới.

Ngoài ra, trong khu vực Khu BTTN Phong Quang có hệ thống đường tuần tra, PCCCR, hệ thống đường mòn nằm trong các phân khu. Tuy nhiên, những con đường này rất hiểm trở, một số đoạn lên các đỉnh cao hết sức khó đi do địa hình núi đá tai mèo. Đây chính là những khó khăn cho công tác mở các tuyến du lịch sinh thái tại các khu rừng tự nhiên.

1.4.2.2. Hệ thống điện, nước

- Nước sinh hoạt: Hệ thống nước sạch đã được phát triển nhằm phục vụ tốt hơn cho đời sống nhân dân trong khu vực. Các công trình cung cấp nước sinh hoạt chủ yếu do hỗ trợ của Nhà nước từ chương trình 135, giếng khoan UNICEP và một phần đóng góp của người dân trong vùng. Tuy nhiên, tỉ lệ hộ gia đình dùng nước hợp vệ sinh trong vùng còn thấp (chiếm 74,4% tổng số hộ), nguyên nhân chính là do dân cư phân bố rải rác; Hiện tại, còn 25% hộ gia đình trong khu vực sử dụng nước sinh hoạt từ các khe nước ngầm về bề của gia đình không qua hệ thống lọc, nên không đảm bảo vệ sinh, ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của người dân.

- Hệ thống cung cấp điện sinh hoạt: Theo kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các xã vùng ven Khu bảo tồn đã có điện lưới quốc gia đến UBND xã. Số hộ được dùng điện lưới quốc gia trong Khu bảo tồn phần lớn tập trung ở các thôn, bản gần khu vực trung tâm UBND xã. Các hộ gia đình ở vùng sâu vùng xa chủ yếu dùng điện từ các máy thủy điện nhỏ lợi dụng nước các khe suối trong vùng. Tỷ lệ số hộ dùng điện tại các xã, phường trong Khu bảo tồn chiếm 66,7%. Riêng 04 thôn, bản nằm sâu trong Khu bảo tồn hiện nay vẫn chưa có điện lưới quốc gia.

1.4.2.3. Hệ thống thông tin liên lạc

Hầu hết các xã đã có bưu điện văn hoá xã, đảm bảo thông tin liên lạc 24/24 giờ. Ngoài ra trên địa các xã vùng đệm đều đã được phủ sóng truyền thanh, truyền hình và đài truyền thanh của xã, đã góp phần truyền tải thông tin chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với người dân. Hạn chế chính của ngành là do địa hình phức tạp, giao thông đi lại còn gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc khắc phục sửa chữa không kịp thời khi có sự cố làm gián đoạn thông tin liên lạc, nhất là khu vực các hộ gia đình sống ở bên trong và giáp ranh với KBT.

1.4.2.4. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải

Hầu hết các xã trong khu vực Khu BTTN Phong Quang chưa đầu tư xây dựng cho hệ thống thoát nước, thu gom xử lý nước thải và chất thải. Tình trạng thoát nước mưa ở các thôn bản trên địa bàn các xã chủ yếu là hệ thống rãnh dọc theo các tuyến đường, rồi đổ ra mương và suối, nhưng do rãnh nhỏ, hướng dốc thay đổi, thiếu cống thoát nước, nên thoát nước trong các thôn rất chậm gây ú đọng, ô nhiễm môi trường và ngập úng cục bộ. Những nước bẩn từ các khu vệ sinh và chuồng trại chăn nuôi của các hộ gia đình trên địa bàn chủ yếu bằng con đường thấm thấu tự nhiên nên gây ô nhiễm cho nguồn nước.

1.4.2.5. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất, hệ thống thông tin, trang thiết bị làm việc vẫn còn rất thiếu thốn.

- Hạ tầng vật chất tại Khu BTTN Phong Quang:

Bảng 11. Thống kê hiện trạng cơ sở và trang thiết bị
Ban Quản lý Rừng đặc dụng Phong Quang dự kiến đầu tư mới

TT	Hạng mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Nhà làm việc	m ²	348,68	Đã xuống cấp
2	Nhà cấp 4	m ²	159	Đã xuống cấp
3	Máy tính xách tay	Chiếc	05	Mua mới
4	Máy in	Chiếc	05	Mua mới
5	Máy chiếu	Chiếc	01	Mua mới
6	Máy phô tô	Cái	01	Mua mới
7	Máy quay dùng trong thực thi luật và giám sát	Chiếc	01	Mua mới
8	Máy ảnh kỹ thuật số Canon	Cái	03	Mua mới
9	Bộ âm ly, loa, micrô	Bộ	01	Mua mới
10	Ống nhôm	Cái	02	Mua mới
11	GPS Garmin 60csx	Cái	02	Mua mới
12	Dao phát	Cái	05	Mua mới
13	Máy tính bảng	Cái	01	Mua mới

Nguồn: Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20/09/2023 của UBND tỉnh Hà Giang

Nhìn chung, hoạt động đầu tư cho Khu BTTN Phong Quang còn khá khiêm tốn, chưa đáp ứng được công tác bảo tồn và nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó những hạng mục đầu tư và trang thiết bị kể trên đến nay đang dần xuống cấp, cần được duy tu bảo dưỡng và sửa chữa hay được đầu tư mới.

1.4.3. Hiện trạng loại hình và sản phẩm du lịch

Thực tế cho thấy, ngoài điều kiện cần có là tiềm năng cho phát triển du lịch thì cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch (nhà nghỉ, khách sạn) là một trong những tiêu chí quan trọng cho sự lựa chọn của du khách. Tuy nhiên, tại khu vực Khu BTTN Phong Quang, có thể nói chưa hình thành các loại hình cũng như các sản phẩm du lịch. Bởi vậy, Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại Khu BTTN Phong Quang bước đầu mang tính định hướng để thu hút đầu tư, làm cơ sở để thuê môi trường rừng cho hoạt động kinh doanh du lịch. Một số định hướng về sản phẩm du lịch Khu BTTN Phong Quang như sau:

- Sản phẩm du lịch sinh thái: Đây là sản phẩm du lịch đặc trưng và quan trọng nhất trong Khu BTTN Phong Quang với các loại du lịch khám phá thiên nhiên, du lịch kết hợp nghiên cứu sinh vật, địa chất, khí hậu;
- Sản phẩm du lịch văn hoá: Du lịch cộng đồng, tìm hiểu các phong tục tập quán của cư dân địa phương; Du lịch thôn/bản;
- Sản phẩm du lịch khám phá, trải nghiệm, hướng tới các nhóm khách thường xuyên, sử dụng nhiều dịch vụ và có khả năng chi trả cao.

- Sản phẩm du lịch tâm linh: Liên kết với các khu vực (Vị Xuyên, TP Hà Giang);

- Sản phẩm du lịch mạo hiểm: Đu treo (Hang Suối Cụt), xã Minh Tân.

1.4.4. Hiện trạng các điểm, tuyến và chương trình du lịch

Theo Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 20 tháng 09 năm 2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Phê duyệt Phương án Quản lý rừng bền vững Khu BTTN Phong Quang, giai đoạn 2023 - 2030. Theo đó, định hướng về lĩnh vực du lịch tại Khu BTTN Phong Quang được xác định như sau:

*** Tuyến du lịch :** Bố trí 3 tuyến trải nghiệm, tìm hiểu nét đặc trưng văn hóa cộng đồng bản địa kết hợp với việc khám phá cảnh đẹp thiên nhiên núi rừng.

(1) Tuyến số 1: Tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa cộng đồng bản địa kết hợp với việc khám phá cảnh đẹp thiên nhiên núi rừng.

Tuyến bắt đầu từ trụ sở Ban quản lý Khu BTTN Phong Quang, dọc theo Quốc lộ 4C, đến Km 17, rẽ lên thôn Lùng Thiêng, xã Minh Tân - đi dọc theo suối Lùng Thiêng đến hang Pắc Tà - Lũng Chuối 1, 2 - Khám phá hệ thống hang động, suối ngầm chảy qua thôn Mã Hoàng Phìn, Hoàng Lý Pả, Phìn Sảng Rừng Nghiến cổ thụ - Hang Suối Cụt.

Thời gian: Tuyến dự kiến trong thời gian khoảng 01 ngày

(2) Tuyến số 2: Khám phá nét độc đáo về văn hóa của các đồng bào dân tộc trong các thôn vùng lõi Khu BTTN kết hợp khám phá các cảnh quan, thắng cảnh tự nhiên của khu vực.

Tuyến bắt đầu từ thành phố Hà Giang, đi về thôn Lùng Giàng A của xã Phong Quang. Tại đây du khách dừng chân tại dãy núi Răng cưa ngắm cảnh, chụp ảnh và có thể trèo lên chòi và quan sát ngắm khung cảnh núi rừng xung quanh - Thôn Hoàng Lý Pả - về tuyến 1 – cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy.

Thời gian: Tuyến dự kiến trong thời gian khoảng 02 ngày, du khách có thể nghỉ qua đêm tại thôn Hoàng Lý Pả và tìm hiểu những nét văn hóa đặc sắc của người dân địa phương.

(3) Tuyến số 3: Khám phá giá trị tự nhiên của Khu bảo tồn kết hợp giáo dục môi trường, giáo dục về các giá trị lịch sử, truyền thống yêu nước.

Tuyến bắt đầu từ Ban quản lý Rừng đặc dụng Phong Quang chạy dọc theo Quốc lộ 4C, tới địa bàn- Trạm Tân Sơn (thôn Tân Sơn của xã Minh Tân) - Đi bộ thăm quan hang Tham Luồng - rừng Nghiến cổ thụ - đến Hang Khỉ - Đài tưởng niệm - về tuyến 1.

- Thời gian: Tuyến dự kiến trong thời gian khoảng 01 ngày, khách du lịch có thể dừng và nghỉ trưa ngay tại rừng kết hợp với những hoạt động tham quan, khám phá cảnh quan;

1.4.5. Đầu tư du lịch

Ban quản lý Rừng đặc dụng Phong Quang hiện chưa đầu tư nguồn ngân sách nào cho hoạt động du lịch sinh thái. Cơ sở hạ tầng hiện tại của Ban chủ yếu

phục vụ công tác Bảo vệ rừng; các bảng tuyên truyền về bảo vệ rừng, PCCCR có thể được sử dụng để phục vụ cho công tác tuyên truyền cho du khách về công tác quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR.

Sau khi Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Phong Quang được phê duyệt, Khu BTTN Phong Quang thực hiện ký hợp đồng thuê MTR phục vụ kinh doanh du lịch; khi đó, đơn vị thuê môi trường rừng mới đầu tư hạ tầng du lịch.

1.4.6. Các bên liên quan và hợp tác trong phát triển du lịch

Nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh về du lịch và thúc đẩy được việc phát triển các hoạt động du lịch, Khu BTTN Phong Quang bước đầu cần có những dự kiến kế hoạch quảng bá, kết nối với các đối tác trong, ngoài tỉnh để lựa chọn đơn vị thuê MTR để tiến hành khảo sát đánh giá tiềm năng du lịch, triển khai xây dựng các công trình trong thời gian tới.

Khi Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Phong Quang giai đoạn 2024-2030 được phê duyệt sẽ thúc đẩy việc liên kết, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, chuẩn bị tốt cho việc đầu tư và phát triển du lịch ở quy mô và chuyên nghiệp hơn.

1.4.7. Hiện trạng hoạt động xúc tiến, quảng bá

Hoạt động du lịch nói chung còn mang tính tự phát, thiếu định hướng phát triển, do vậy mà hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch chưa có, nếu có chỉ nằm trong kênh quảng bá chung của tỉnh Hà Giang nên đạt hiệu quả cao. Vì vậy, trong thời gian tới, nếu xác định hoạt động DLST tại Khu BTTN Phong Quang là một chiến lược quan trọng, ngoài việc đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch, công tác truyền thông, quảng bá, xúc tiến du lịch cần được quan tâm, đầu tư nhiều hơn.

1.4.8. Hiện trạng sự tham gia của cộng đồng

Hiện tại, Khu BTTN Phong Quang chưa tổ chức các hoạt động du lịch nên chưa có sự liên kết, phối hợp với cộng đồng dân cư địa phương. Theo Khoản 1, Điều 6, Luật Du lịch quy định “Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch; có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hóa địa phương; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường” và Khoản 2 “Cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống, sản xuất hàng hóa của địa phương phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương”

Do vậy, trong thời gian tới, việc hỗ trợ và khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương để phát triển hoạt động du lịch trong Khu BTTN Phong Quang cần được quan tâm hơn nữa. Khu BTTN Phong Quang cần có những

định hướng phát triển DLST và liên kết với hoạt động DLCĐ tại thôn, bản thuộc các xã vùng đệm, cùng cộng đồng địa phương tham gia trực tiếp vào phát triển, vận hành các hoạt động du lịch, nhằm mục đích chia sẻ lợi ích và hỗ trợ cộng đồng phát triển kinh tế, tạo việc làm và giảm sự phụ thuộc của cộng đồng vào tài nguyên thiên nhiên và rừng tự nhiên. Nâng cao nhận thức và hiểu biết của cộng đồng địa phương, về vai trò và ý nghĩa phát triển du lịch sinh thái thông qua tham gia các dịch vụ du lịch, do chính họ tổ chức thực hiện như mô hình “Home Stay” hoặc tham gia dưới hình thức là nhân viên dịch vụ, của các doanh nghiệp thuê môi trường rừng. Khuyến khích, hỗ trợ người dân phục hồi và phát triển các giá trị văn hóa, các lễ hội và nghề thủ công truyền thống.

1.4.9. Hiện trạng công tác bảo vệ môi trường du lịch

Công tác QLTVR của Khu BTTN Phong Quang đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Diện tích rừng tự nhiên cơ bản được giữ vững, vốn rừng được bảo tồn, hệ sinh thái được quản lý tốt. Đã và đang góp phần đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, bảo vệ các hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học. Tạo việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện cuộc sống cho cộng đồng người dân sinh sống trong rừng và làm nghề rừng, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội.

Do hiện tại chưa được khai thác du lịch, nên môi trường du lịch tại rừng Khu BTTN Phong Quang vẫn nguyên sơ, chưa bị tác động nhiều bởi các yếu tố bên ngoài. Khu BTTN Phong Quang và cộng đồng các dân tộc địa phương thực hiện khá tốt công tác bảo vệ môi trường cũng như thực hiện nghiêm túc phương án PCCCR đã được phê duyệt.

1.4.10. Hiện trạng hoạt động diễn giải thông qua du lịch

Hiện tại Khu BTTN Phong Quang chỉ có một số ít các biển cảnh báo về cháy rừng, bảng nội quy bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường; do chưa được đầu tư, các tài liệu, hệ thống biển báo phục vụ cho du lịch hầu như chưa có.

Trong tương lai, Khu BTTN Phong Quang định hướng xây dựng và lắp đặt hệ thống biển diễn giải chỉ đường, diễn giải môi trường, hướng dẫn và diễn giải các quy định về bảo vệ hệ sinh thái rừng.... phục vụ cho du lịch trên các tuyến du lịch. Nhằm đảm bảo sự an toàn cho du khách và tăng tính chuyên nghiệp trong khâu tổ chức du lịch cũng như tạo sự thuận tiện trong quá trình hướng dẫn của hướng dẫn viên.

1.4.11. Kết quả các hoạt động kinh doanh

Hiện Khu BTTN Phong Quang chưa có hoạt động du lịch nên chưa có doanh thu từ du lịch... Do nguồn tài chính của đơn vị còn rất khó khăn, nên phương thức hoạt động kinh doanh dựa vào hình thức tự tổ chức là khó có khả năng thực hiện. Trong thời gian tới, nếu phát triển du lịch sinh thái, Khu

BTTN Phong Quang lựa chọn theo phương thức hoạt động kinh doanh theo hình thức hợp tác, liên kết và cho thuê môi trường rừng, nhằm huy động nguồn vốn xã hội hóa, đầu tư trở lại cho công tác bảo vệ rừng, bảo tồn, cải thiện thu nhập tăng thêm của cán bộ, công nhân viên, đóng góp cho ngân sách, đóng góp cho cộng đồng.

1.4.12. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn

(1). Thuận lợi

- Có điều kiện tự nhiên (Địa hình, khí hậu, tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học) phong phú, có sức hấp dẫn và thu hút khách du lịch, có giá trị khai thác phục vụ du lịch cao.

- Sự đa dạng về văn hóa dân tộc người Mông, Dao, Tày, Nùng với kiến trúc nhà ở, ngôn ngữ, trang phục, phong tục, tập quán, lễ hội, âm nhạc, ẩm thực... ở địa phương. Các điểm du lịch phần lớn đều gắn liền với các di tích lịch sử, văn hóa, thiên nhiên nên có tiềm năng để phát triển loại hình du lịch văn hóa cảnh quan.

- Tính đa dạng về tài nguyên du lịch khá phong phú về các sản phẩm du lịch: Du lịch sinh thái; du lịch khám phá, trải nghiệm; du lịch nghỉ dưỡng, du lịch mạo hiểm, du lịch tâm linh...;

- Đường cao tốc nối Hà Giang - Tuyên Quang - Phú Thọ với Cao tốc Hà Nội - Lào Cai sau khi hoàn thiện là một cơ hội để thu hút khách tới với Hà Giang nói chung và Khu BTTN Phong Quang nói riêng.

- Người dân bản chất mộc mạc chân tình, thân thiện và hiếu khách; nguồn nhân lực địa phương dồi dào và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động du lịch đặc biệt là ở cộng đồng thôn, bản;

(2). Khó khăn

- Chưa hình thành các tổ chức quản lý và vận hành du lịch ở các xã cũng như tại Khu BTTN Phong Quang. Chưa có các doanh nghiệp du lịch lớn vào đầu tư nên chưa thu hút và chưa hình thành hạt nhân lan tỏa đến các doanh nghiệp du lịch trong và ngoài tỉnh;

- Hạ tầng giao thông tiếp cận với các khu vực du lịch còn có những khó khăn, nhất là vào mùa mưa.

CHƯƠNG 2

NỘI DUNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG, GIAI ĐOẠN 2024-2030

2.1. Định hướng phát triển

Trên cơ sở “Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch tỉnh Du lịch Khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2057/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 và kết quả khảo sát thực địa tháng 10 năm 2023, Đề án định hướng phát triển du lịch trong Khu BTTN Phong Quang theo từng phân khu như sau:

2.1.1. Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt

- *Chức năng:* Bảo vệ toàn bộ tài nguyên sinh học, các kiểu sinh cảnh của các loài động thực vật và cảnh quan của phân khu.

- *Định hướng hoạt động:*

+ Bảo vệ nghiêm ngặt như nghiêm cấm, hạn chế tối đa các tác động can thiệp từ bên ngoài vào dưới mọi hình thức làm ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển tự nhiên, hỗ trợ để rừng tự phát triển theo các quy luật tự nhiên. Nhằm bảo vệ và phục hồi toàn bộ tài nguyên sinh học, các kiểu sinh cảnh của các loài động thực vật và cảnh quan.

+ Thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học về diễn thế rừng, về động thực vật, môi trường, địa chất, cảnh quan khí hậu thủy văn theo các chương trình đã đề ra của Ban quản lý KBT. Các hoạt động nghiên cứu được thiết kế trên một số tuyến, một số địa điểm nhất định (có thể kết hợp với các điểm, tuyến tham quan, du lịch), còn phần lớn diện tích sẽ được bảo vệ giữ nguyên vẹn.

+ Giáo dục và đào tạo bảo tồn thiên nhiên đối với các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và phổ thông được tiến hành các hoạt động thực tập về địa chất, tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

- *Định hướng sản phẩm:* Du lịch sinh thái, Du lịch khám phá, trải nghiệm.

- *Định hướng xây dựng hạ tầng:* Được lập các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng, tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu dành cho người đi bộ, biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái.

2.1.2. Phân khu phục hồi sinh thái

- *Chức năng:* Phục hồi và tái sinh những khu vực bị xuống cấp hoặc bị tổn hại có giá trị bảo tồn tiềm ẩn; Quản lý hoặc loại trừ các loài ngoại lai xâm hại; Kiểm soát sinh cảnh nhằm đảm bảo tính phù hợp đối với các loài quý hiếm

có nguy cơ tuyệt chủng; Tái tạo hoặc thả lại các loài bản địa.

- *Định hướng hoạt động:*

+ Phục vụ các hoạt động hướng về tự nhiên, giúp khách du lịch có được trải nghiệm hoặc thưởng thức môi trường tự nhiên của KBTTN. Các hoạt động thông thường như đi bộ, quan sát cuộc sống hoang dã. Đây là khu vực chính cho mọi hoạt động giải trí tự nhiên, ngoài trời.

+ Tăng cường giáo dục, đào tạo và các hoạt động nghiên cứu bảo tồn, khôi phục rừng, bảo vệ hệ sinh thái, đa dạng sinh học...

- *Định hướng sản phẩm:* Du lịch sinh thái; Du lịch khám phá; Du lịch trải nghiệm.

- *Định hướng xây dựng hạ tầng:*

+ Được lập các tuyến đường bộ phù hợp nhưng tối đa không vượt quá quy mô đường ô tô cấp IV miền núi, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, cầu dành cho người đi bộ.

+ Được xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ, nổi trên mặt nước, trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống dưới 0,3 ha theo thực tế khi tiến hành đo đạc trước khi triển khai thiết kế 1/500 tại mỗi điểm thuê môi trường rừng), đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

+ Tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng thuộc phân khu phục hồi sinh thái.

+ Các công trình phục vụ hoạt động du lịch sinh thái sử dụng giải pháp công nghệ kiến trúc xanh (tiết kiệm năng lượng, không ảnh hưởng tiêu cực tới kết cấu đất, thuận tiện khi lắp dựng trên địa hình khó, giá thành hợp lý, không ảnh hưởng tiêu cực đến thoát nước mặt tự nhiên, không ảnh hưởng tiêu cực đến động vật, ánh sáng bố trí để giảm thiểu việc thu hút côn trùng....vv). Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống; Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi.

+ Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.

Ưu tiên các công trình xây dựng sử dụng cấu kiện Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường. Thời gian tồn tại công trình tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp điện, nước đi kèm, xử lý nước thải, mạng viễn thông).

2.1.3. Phân khu dịch vụ hành chính

- *Chức năng*: Nơi xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý bảo vệ rừng; là trung tâm có thể chỉ đạo bao quát toàn khu vực BQL, khả năng tiếp cận vào BQL cũng như chỉ đạo các trạm bảo vệ rừng rất thuận tiện; là địa điểm đón và chung chuyển du khách.

- *Định hướng hoạt động*: Thực hiện các hoạt động quản lý hành chính, nghiên cứu bảo tồn, giáo dục môi trường; phát triển dịch vụ, du lịch sinh thái của Khu BTTN Phong Quang, tạo nguồn thu để từng bước tự chủ về tài chính.

- *Định hướng sản phẩm*: Du lịch sinh thái; Du lịch văn hóa; Du lịch văn hóa tâm linh; Du lịch nghỉ dưỡng;

- Định hướng xây dựng hạ tầng:

+ Xây dựng, lắp dựng các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống dưới 0,3 ha theo thực tế khi tiến hành đo đạc trước khi triển khai thiết kế 1/500 tại mỗi điểm thuê môi trường rừng).

+ Xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

+ Tổng diện tích công trình không vượt quá 5% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.

+ Các công trình phục vụ hoạt động du lịch sinh thái sử dụng giải pháp công nghệ kiến trúc xanh (tiết kiệm năng lượng, thuận tiện khi lắp dựng trên địa hình khó, giá thành hợp lý, không ảnh hưởng tiêu cực đến thoát nước mặt tự nhiên, không ảnh hưởng tiêu cực đến động vật, ánh sáng bố trí để giảm thiểu việc thu hút côn trùngvv). Ưu tiên các công trình xây dựng sử dụng cấu kiện lắp dựng bằng thép, lắp dựng bằng gỗ,... Vật liệu địa phương thân thiện với môi trường. Tuổi thọ công trình từ 30 - 50 năm và chiều cao công trình tối đa 3 - 5 tầng.

+ Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (hệ thống cấp điện, nước đi kèm, xử lý nước thải, mạng viễn thông).

2.2. Định hướng phát triển loại hình, sản phẩm du lịch, thị trường khách du lịch

2.2.1 Định hướng phát triển loại hình du lịch

Với hiện trạng các loại hình du lịch hiện có cũng như các thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên như đã được phân tích trên, Khu BTTN Phong Quang tập trung phát triển các loại hình du lịch trọng tâm sau đây:

- **Du lịch sinh thái:** Đây là loại hình du lịch trọng tâm và xuyên suốt quá trình phát triển du lịch của Khu BTTN. DLST khai thác bền vững các nguồn tài nguyên du lịch hiện có, mặt khác sẽ góp phần nâng cao nhận thức của người dân, khách tham quan về rừng và đa dạng sinh học. Đồng thời hoạt động DLST sẽ tạo ra nguồn thu bền vững hỗ trợ cho các hoạt động quản lý và phát triển rừng của KBT. Các loại tài nguyên DLST của KBT sẽ được tiếp cận và sử dụng một cách hợp lý để phục vụ phát triển DLST bao gồm: Các giá trị về cảnh quan (Rừng đỗ quyên, rừng Thiết sam, thác nước, HST rừng núi cao), các giá trị về ĐDSH (các cây cổ thụ, các loài lan, một số loài cây thuốc nam, các loài động thực vật quý hiếm,...), khí hậu trong lành, mát mẻ; các giá trị về văn hoá - lịch sử (Lễ hội văn hóa, phong tục tập quán,...). Đây đều là những yếu tố quan trọng giúp tạo ra sự khác biệt về loại hình DLST của KBT.

- **Du lịch mạo hiểm:** Nhằm cung cấp đa dạng loại hình du lịch để đáp ứng đa dạng nhu cầu của từng du khách, loại hình du lịch mạo hiểm cũng cần được khai thác như một cách kích thích sự tò mò và mong muốn chinh phục của du khách. Theo đó, các loại hình vui chơi giải trí cảm giác mạnh như chinh phục đỉnh núi cao, thác nước,... đều là các điểm đến thú vị với những du khách ưa mạo hiểm và thích khám phá thiên nhiên.

- **Du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe:** Dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, áp lực trong công việc và cuộc sống là những yếu tố khiến loại hình du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe trở thành nhu cầu cần thiết cho mỗi cá nhân, tổ chức. Khu BTTN Phong Quang với những điều kiện thuận lợi về thổ nhưỡng, thủy văn và khí hậu đã cho thấy tiềm năng để khai thác loại hình này. Trong lâm phần của Khu BTTN Phong Quang được biết đến là vùng núi cao và sở hữu nhiều bài thuốc, loại dược liệu quý giá của người Dao đỏ cũng sẽ trở thành điều kiện tuyệt vời để KBT phối hợp với người dân địa phương tại các thôn nhằm cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe như tắm lá thuốc, ngâm chân, xông hơi. Như vậy, du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe tại Khu BTTN Phong Quang khi đi vào hoạt động khai phá tiềm năng, hoạt động này sẽ khai thác trực tiếp những giá trị tự nhiên và văn hóa sẵn có sẽ là cơ sở để thu hút du khách đến trải nghiệm trong thời gian tới tại Phong Quang.

- **Du lịch cộng đồng:** Hiện có nhiều làng, bản người Dao, Mông đang sinh sống tại vùng đệm KBT. Các cộng đồng người thái nơi đây vẫn gìn giữ được cơ bản các nét văn hóa và sinh hoạt truyền thống có thể khai thác cho DLCĐ. Một số thôn đã, đang triển khai hiệu quả hoạt động DLCĐ tại vùng đệm. Hiện nay, hoạt động DLCĐ tại các thôn trên đều là những mô hình du lịch điển hình của huyện Vị Xuyên. Phát triển DLCĐ tại những làng bản sẽ tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân địa phương, góp phần nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ thiên nhiên và gìn giữ truyền thống văn hóa

dân tộc. Đồng thời, kéo theo những loại hình, sản phẩm du lịch khác trong KBT phát triển theo hướng bền vững.

- **Du lịch nông nghiệp:** KBT có tiềm năng và điều kiện để phát triển loại hình du lịch nông nghiệp tại một số điểm thôn để tham gia gặt và cấy lúa, ngắm mùa thóc đổ và lúa chín. Hiện tại, loại hình du lịch nông nghiệp chưa phải là thế mạnh của các xã vùng đệm của KBT nhưng tương lai nếu được đầu tư phát triển sẽ góp phần làm đa dạng các sản phẩm du lịch, giúp du khách đến đây có thêm sự lựa chọn và gia tăng sử dụng các dịch vụ du lịch.

- **Du lịch nghiên cứu khoa học - khám phá thiên nhiên:** Diện tích rừng rộng lớn, đa dạng các loài động, thực vật, khí hậu trong lành và địa hình đa dạng nên loại hình du lịch khám phá kết hợp học tập, nghiên cứu chuyên đề tại Khu BTTN Phong Quang là phù hợp. Đối tượng hướng đến loại hình này là các bạn học sinh, các sinh viên các nhà khoa học trong và ngoài nước thích khám phá thiên nhiên.

- **Các loại hình du lịch khác:** Ngoài các loại hình du lịch trên, Khu BTTN Phong Quang hoàn toàn có thể phát triển thêm các loại hình du lịch như du lịch tìm hiểu văn hoá và con người, du lịch làng nghề, du lịch ẩm thực. Các loại hình này sẽ phối hợp tổ chức cùng với UBND huyện Vị Xuyên, Quản Bạ để thực hiện. Phát triển đa dạng các loại hình du lịch góp phần quan trọng để tạo ra nhiều hơn các sản phẩm du lịch nhằm mang đến đa dạng sự lựa chọn và trải nghiệm hơn cho khách du lịch, mang đến sự thuận tiện và thoải mái cho du khách khi đến các xã vùng cao Vị Xuyên, Quản Bạ.

2.2.2 Định hướng phát triển sản phẩm du lịch

Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để thoả mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến du lịch gồm các chương trình du lịch, dịch vụ du lịch được xây dựng trên cơ sở khai thác tài nguyên du lịch. Để thực sự phát triển được hoạt động du lịch, KBT cần tạo ra được các sản phẩm du lịch đặc trưng và có khả năng cạnh tranh cao và hấp dẫn nhiều đối tượng, thành phần khách du lịch. Với các tiềm năng du lịch hiện có, KBT cần tập trung phát triển một số sản phẩm du lịch đặc trưng như sau:

a) Nhóm các sản phẩm DLST

- Đây là nhóm sản phẩm du lịch quan trọng nhất của Khu BTTN Phong Quang. Với đặc thù riêng của nhóm sản phẩm này là khai thác các giá trị tự nhiên của cảnh quan và đa dạng sinh học, KBT sẽ chú trọng khai thác tại một số điểm tiềm năng như khám phá HST rừng trên núi đá vôi với các sản phẩm cụ thể như:

+ Đi bộ và khám phá HST rừng trong Khu BTTN Phong Quang gắn với giáo dục môi trường: Ngắm cảnh quan thiên nhiên vùng núi cao, các loài động thực vật đặc trưng, thân cây có hình dáng kỳ dị,...

+ Các đỉnh núi cao: Khu vực này sẽ tập trung khai thác sản phẩm về ngắm cảnh quan thiên nhiên, săn mây, check-in tại rừng trúc, cắm trại qua đêm, đón

binh minh. Đối với đỉnh núi cao có thể nghỉ dưỡng khu vực gần đỉnh núi và ngắm nhìn khu sưu tập các loài thực vật núi cao, có hoa đẹp và thích nghi môi trường sinh thái núi cao.

+ Suối và thác: Các sản phẩm du lịch có thể khai thác như trekking trong rừng, lội suối, tắm rừng và chékin tại thác nước hùng vĩ. Để khai thác điểm du lịch tiềm năng này, KBT cần tính toán xây dựng điểm dừng chân cho khu khách tại vị trí xe đỗ và tuyến đường mòn dọc theo suối cũng như một số điểm vui chơi, thư giãn.

- Đối tượng hướng tới là khách du lịch đại chúng như gia đình và học sinh, sinh viên và khách quốc tế, các nhà khoa học.

b) Nhóm sản phẩm du lịch mạo hiểm

Các hoạt động như đi bộ mạo hiểm xuyên rừng, chinh phục đỉnh núi cao là các sản phẩm du lịch mạo hiểm cần được khai thác tại Khu BTTN Phong Quang trong giai đoạn tới. Đối tượng hướng tới của hoạt động này cần có sức khỏe thường là khách quốc tế, khách trong nước thích khám phá và trải nghiệm mạo hiểm.

c) Nhóm sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Phong Quang với những điều kiện thuận lợi về thổ nhưỡng, khí hậu và văn hóa cho thấy tiềm năng rất lớn để khai thác loại hình này. Trong đó, điều kiện khí hậu núi cao mát mẻ, trong lành và yên tĩnh tại các phân khu DVHC sẽ mang lại cho cộng đồng người dân cũng như KBT lợi thế hình thành nên các điểm nghỉ dưỡng ấn tượng. Do đó, trong giai đoạn tới KBT cần sớm đưa vào dự án ưu tiên để tiến hành cho thuê môi trường rừng hoặc liên doanh, liên kết tổ chức các hoạt động du lịch nghỉ dưỡng tại khu vực này nhằm tạo ra nguồn thu bền vững cho KBT.

d) Nhóm sản phẩm DLCĐ

Nhóm sản phẩm này sẽ diễn ra chủ yếu ở các thôn có cộng đồng người dân tộc Dao, Mông sinh sống và thuộc vùng đệm Khu BTTN Phong Quang. Du khách sẽ được sinh hoạt cùng cộng đồng và tham gia vào một số hoạt động trải nghiệm như cấy, chăm sóc và thu hoạch lúa; hoạt động giao lưu văn hóa văn nghệ; thưởng thức ẩm thực; đan lát, thêu và các hoạt động trải nghiệm cuộc sống hàng ngày của người dân. Đối tượng hướng tới là khách du lịch đại chúng, học sinh, sinh viên ưa thích tìm hiểu bản sắc văn hóa và trải nghiệm đời sống cư dân địa phương.

e) Sản phẩm du lịch nông nghiệp

Khu vực vùng đệm trong của KBT bao gồm các thôn có tiềm năng để phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp hấp dẫn đối với các du khách. Đối với khu vực trên hoạt động trồng, chăm sóc và thu hoạch lúa được nhiều du khách nước ngoài thích thú trải nghiệm. Ngoài ra khu vực này cũng là điểm Check-in đẹp và hấp dẫn nhiều du khách vào mùa nước đổ và mùa lúa chín ở Minh Tân, Phong

Quang. Sản phẩm du lịch này thường được đông đảo du khách đến trải nghiệm và chụp hình cũng như thưởng thức và mua sản phẩm về làm quà.

f) Sản phẩm du lịch khám phá kết hợp học tập, nghiên cứu chuyên đề

Tập trung khai thác sản phẩm này tại khu phân khu BVNN, PHST của Khu BTTN Phong Quang. Các hoạt động học tập, nghiên cứu chuyên đề liên quan đến nghiên cứu các loài động, thực vật trong KBT. Tuy nhiên, sản phẩm này chỉ phù hợp một lượng nhỏ khách du lịch gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu/nghiên cứu sinh có nhu cầu thực nghiệm và nghiên cứu khoa học.

h) Các nhóm sản phẩm du lịch gia tăng khác

- Bên cạnh các nhóm sản phẩm chính nêu trên, các dịch vụ du lịch và giá trị gia tăng cũng sẽ được phát triển để bổ trợ cho các sản phẩm chính và giúp đa dạng các hoạt động và tăng sự trải nghiệm cho du khách, đặc biệt là khách du lịch phổ thông. Các sản phẩm du lịch gia tăng khác bao gồm: dịch vụ hội nghị, hội thảo, hướng dẫn viên, ăn uống, cho thuê trang thiết bị dã ngoại (xe đạp, lều, trại, bếp,...) và dịch vụ chụp ảnh,...

- Các sản phẩm du lịch càng đa dạng thì càng có khả năng thu hút được nhiều đối tượng khách và giữ được khách lưu lại lâu hơn, tăng thời gian lưu trú và chi tiêu của khách tăng lên giúp các hoạt động du lịch đạt được mục tiêu thu hút khách và tăng lợi nhuận để tiếp tục duy trì và phát triển Khu BTTN Phong Quang.

2.2.3 Định hướng khai thác thị trường khách du lịch

+ *Thị trường khách nội địa*: Khách nội địa vẫn là thị trường chính, có quanh năm và đến từ khắp mọi miền đất nước, có xu hướng tăng nhanh trong những năm gần đây, đặc biệt là các dịp nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ; tập trung ưu tiên phát triển các thị trường khách du lịch mục tiêu đến từ các thành phố lớn và các đô thị trong vùng đồng bằng Sông Hồng, Duyên hải Đông Bắc, các tỉnh trong vùng Trung du miền núi Bắc Bộ. Để hiểu được nhu cầu khách hàng cần hiểu thị trường và khách du lịch cụ thể ở bảng dưới đây:

Bảng 12: Thị trường khách du lịch nội địa

TT	Thị trường	Đặc điểm
1	Gia đình có con nhỏ	Quy mô 5-7 người, thường tự đi. Mục đích cho con trẻ học tập và khám phá thiên nhiên. Khách có xu hướng đi lại nhiều lần.
2	Gia đình trung, cao tuổi nghỉ dưỡng	Tìm tới thiên nhiên với mục đích nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe. Thường là khách lớn tuổi nhưng đang có xu hướng trẻ hóa. Có xu hướng đi lại nhiều lần nếu thấy hài lòng. Thường có quy mô nhỏ.
3	Nhóm bạn nghỉ dưỡng	Nhóm 5-7 người, có độ tuổi ngoài 30 trở lên, có nhu cầu nghỉ dưỡng và phục hồi sức khỏe, không có nhiều nhu cầu về học tập, tìm hiểu về thiên nhiên. Một số nhóm có

TT	Thị trường	Đặc điểm
		nhu cầu tiêu dùng cao.
4	Học sinh sinh viên	Đi theo lớp học theo các chương trình học tập. Các trường học quốc tế có nhu cầu đi dài ngày với điều kiện dịch vụ tốt hơn.
5	Khám phá, học tập thiên nhiên	Khách ưa thích thiên nhiên, muốn tìm tòi và khám phá, tìm hiểu, học tập về thiên nhiên, có thể có những sở thích cụ thể (chụp ảnh, xem chim...). Khách có xu hướng đi lại nhiều lần, cùng vợ/chồng hoặc nhóm nhỏ.
6	Mạo hiểm thiên nhiên	Rất yêu thiên nhiên và muốn mạo hiểm khám phá thiên nhiên. Thích hợp với những hoạt động du lịch mạo hiểm, trekking rừng dài ngày, thường là trẻ tuổi và trung niên và đi nhóm nhỏ.
7	Khách MICE	Khách đi theo công ty (thường có công ty lữ hành tổ chức). Hoạt động du lịch kết hợp với các hoạt động tập thể, khuyến thưởng. Khách có nhu cầu tiêu dùng cao, đa dạng dịch vụ. Một số nhóm khách nhỏ khách chi trả cao, có xu hướng tiêu dùng các sản phẩm độc đáo.
8	Khách đi tự do	Đối tượng các bạn trẻ đi theo nhóm tự do, thường là đi bằng xe máy, không có nhu cầu khám phá và tìm hiểu thiên nhiên nhiều mà chủ yếu chỉ là đến cho biết và “check-in” chụp ảnh, có nhu cầu chi tiêu thấp.

- *Thị trường khách quốc tế:* Nguồn khách này có thể nói là rất tiềm năng, vì họ có sở thích khám phá thiên nhiên và những gì đặc thù của vùng họ đến tham quan. Định hướng ưu tiên củng cố và giữ vững thị trường khách du lịch truyền thống như: khách từ Châu Âu (Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Anh), Bắc Mỹ (Mỹ, Canada), Úc và Trung Quốc; Thu hút và phát triển mạnh các thị trường khách du lịch Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Nhật Bản), ASEAN (Bắc Thái Lan và Lào). Thị trường khách và đặc điểm khách du lịch cụ thể ở bảng dưới đây:

Bảng 13: Thị trường khách du lịch quốc tế

TT	Thị trường	Đặc điểm
1	Khách yêu thiên nhiên phổ thông	Gia đình, khách đi theo nhóm; khách tự đi hoặc đi theo tour của công ty lữ hành. Thường có thời gian lưu lại nhiều đêm. Ưa khám phá, trải nghiệm và học tập thiên nhiên.
2	Khách đi nghỉ dưỡng	Tìm tòi thiên nhiên với mục đích nghỉ dưỡng, phục hồi sức khỏe. Thường là khách lớn tuổi nhưng đang có xu hướng trẻ hóa. Khách tự đi.
3	Học sinh sinh viên	Đi theo lớp học theo các chương trình học tập, có thể lấy Khu BTTN Phong Quang là nơi đến 1-2 đêm trong

		một hành trình du lịch nhiều ngày tại Việt Nam.
4	Khách tự đi tầm trung	Muốn tìm tòi, khám phá và học hỏi thiên nhiên, quan tâm cả khía cạnh thiên nhiên và văn hóa, có khả năng chi trả trung bình, thường có các chuyến đi trung bình.
5	Khách tự đi chi trả thấp	Muốn tìm tòi, khám phá và học hỏi thiên nhiên, quan tâm cả khía cạnh thiên nhiên và văn hóa, chi tiêu tiết kiệm tối đa, thường có chuyến đi dài ngày.
6	Khách du lịch chuyên đề	Tìm hiểu thiên nhiên theo một chuyên đề cụ thể (như khách xem chim, tìm hiểu về động vật, thực vật rừng,...). Khách đi theo nhóm, lưu trú dài ngày theo một chủ đề nhất định.

2.2.4. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung:

Bảo tồn và phát huy bền vững các hệ sinh thái rừng, cảnh quan thiên nhiên và các giá trị văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng gắn với bản sắc văn hóa dân tộc thông qua việc khai thác, phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Phong Quang; thu hút, kêu gọi đầu tư để thực hiện công tác bảo vệ phát triển rừng gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, các giá trị cảnh quan tự nhiên; tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao và cải thiện đời sống của nhân dân vùng lõi và vùng đệm và giảm nghèo bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu BTTN Phong Quang một cách có định hướng theo không gian (theo các tuyến du lịch) và theo thời gian (theo giai đoạn).

- Đưa ra lộ trình đầu tư các dự án ưu tiên và các giải pháp tổ chức thực hiện.

- Phát huy tốt mọi giá trị, nguồn lực bên trong và bên ngoài trong công tác phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng.

- Phát huy tốt vai trò và nhiệm vụ của các sở ngành và chính quyền địa phương các cấp trong công tác quản lý phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu BTTN Phong Quang.

- Thu hút được sự tham gia của chính quyền và người dân địa phương trong phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng góp phần nâng cao thu nhập và đời sống của người dân địa phương đồng thời tạo nguồn thu bền vững cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Xây dựng kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch mới (du lịch thể thao, du lịch mạo hiểm) khi loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng đã định hình và phát triển có hiệu quả.

2.2.5. Các chỉ tiêu

Giai đoạn 2024-2025:

- Kêu gọi, thu hút ít nhất 02 nhà đầu tư đến hợp đồng ký kết hợp tác liên doanh liên kết hoặc thuê môi trường rừng hoàn thành xong các thủ tục liên quan theo quy định của pháp luật, xây dựng mới cơ sở hạ tầng thiết yếu (các công trình tạm, đường giao thông kết nối, hệ thống cấp nước, hệ thống điện nội bộ...) phục vụ công tác xây dựng đầu tư cho giai đoạn tiếp theo cho các điểm du lịch.

Giai đoạn 2026-2030:

- Xây dựng hoàn thiện các điểm cho thuê môi trường rừng đầy đủ các hạng mục dịch vụ, hạ tầng có quy mô và các hạng khác nhau để đáp ứng nhu cầu của du khách trong và ngoài nước; tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương thông qua đào tạo.

- Tất cả các tuyến du lịch của Đề án được triển khai xây dựng các hạng mục công trình và đưa vào khai thác phục vụ du khách.

- Công tác bảo vệ môi trường: Hoàn thiện hệ thống thu gom rác thải tại các điểm, tuyến du lịch; lắp đặt hoàn thiện hệ thống PCCCR; xây dựng các biển chỉ dẫn, biển báo tuyên truyền nội quy, quy định về bảo vệ môi trường trong Khu BTTN Phong Quang.

2.3. Đánh giá các yếu tố tác động đến phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí giai đoạn 2024-2030

2.3.1. Từ chính sách

Thủ tướng Chính phủ có các quyết định: Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 07 tháng 4 năm 2017 Phê duyệt quy hoạch xây dựng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, đến năm 2030; Quyết định 2057/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2017 Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Khu du lịch Quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Ngoài những chính sách của Trung ương thì Hà Giang cũng rất quan tâm đến lĩnh vực du lịch. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 02/8/2021 về phát triển du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2025; UBND tỉnh Hà Giang đã xây dựng Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 16/02/2023 về phát triển sản phẩm du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

2.3.2. Từ các cộng đồng và các công ty du lịch

Với chính sách thu hút đầu tư du lịch hiện nay của tỉnh Hà Giang (Kế hoạch số 43/KH-UBND), ngày càng có nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư quan tâm đến phát triển du lịch sinh thái dưới tán rừng trong đó có Khu BTTN Phong Quang, đây là cơ hội để KBTTN kêu gọi đầu tư, liên doanh, liên kết và cho thuê MTR nhằm phát triển du lịch trong khu vực quản lý;

- Ngoài việc cộng đồng trực tiếp tham gia công tác bảo vệ rừng, tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch từ khâu xây dựng cơ sở hạ tầng đến khi vận hành dự án du lịch...từ những mô hình du lịch cộng đồng đến việc khuyến khích phát triển, sản xuất của cộng đồng địa phương với những sản phẩm đặc trưng sẽ được phát triển trong tương lai.

2.3.3. Từ nội tại Khu BTTN Phong Quang

Khu BTTN Phong Quang có 07 viên chức và người lao động, trong đội ngũ cán bộ, nhân viên chưa có cán bộ được đào tạo tập huấn chuyên sâu về các kỹ năng tổ chức điều hành và hướng dẫn du lịch. Đây là một khó khăn rất lớn cho Khu BTTN Phong Quang khi xây dựng và triển khai các hoạt động du lịch trong lâm phần của Khu BTTN quản lý. Do đó, Khu BTTN Phong Quang cần có chiến lược phát triển của riêng mình, trong đó lấy định hướng xã hội hoá việc khai thác và phát triển du lịch là cách tiếp cận chính. Với các tiếp cận đó, BQL rừng đặc dụng Phong Quang sẽ tập trung vào việc huy động nguồn lực từ bên ngoài thông qua các hoạt động liên kết, cho thuê môi trường rừng để phát triển du lịch trong rừng đặc dụng.

Trong tương lai, để thực sự phát triển được hoạt động du lịch ở Khu BTTN Phong Quang, bên cạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái thì việc phát triển nguồn nhân lực du lịch có trình độ là cần thiết và có tính quyết định cho sự thành công của hoạt động du lịch nói chung, hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí nói riêng tại Khu BTTN Phong Quang.

2.3.4. Từ các yếu tố khác

2.3.4.1. Các yếu tố từ vị trí địa lý và điều kiện khí hậu

a) Các yếu tố từ vị trí địa lý

Khu BTTN Phong Quang có tuyến quốc lộ số 2 (từ thành phố Hà Giang đi cửa khẩu Thanh Thủy) và quốc lộ 4C (từ thành phố Hà Giang đi huyện Quản Bạ) với tổng chiều dài khoảng 26 km đường trải nhựa, chất lượng khá tốt. Hệ thống đường giao thông từ Trung tâm huyện Vị Xuyên nối với toàn bộ Trung tâm các xã, chất lượng khá tốt. Ngoài ra còn có 15 km đường cấp phối của quốc phòng trong khu vực biên giới và các tuyến đường liên xã, liên thôn, nội thôn đã tạo nên một hệ thống đường bộ hoàn chỉnh thuận lợi cho giao thông nội vùng và với bên ngoài. Mật độ đường tương đối đồng đều giữa các xã, bình quân khoảng 1,0 km/km². Đường liên xã có tổng chiều dài khoảng 50 km nối với đường quốc lộ số 4. Đường trục xã, liên thôn có chiều dài khoảng 400 km nối Trung tâm các xã với các thôn, bản. Hiện tại có khoảng 150 km đã được trải nhựa hoặc bê tông hóa, đi lại khá thuận lợi. Tuy nhiên, giao thông trong khu vực Khu BTTN Phong Quang chưa được đầu tư, nâng cấp đa số là tuyến đường đất là đường mòn người dân đi lại, chất lượng đường xấu, không được xây dựng, nâng cấp, mở rộng gây khó khăn cho người dân đi lại, cho du khách tới tham quan.

b) Các yếu tố từ điều kiện thời tiết, biến đổi khí hậu

Vị Xuyên và Quản Bạ có khí hậu mát mẻ, trong lành, thích hợp cho du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Tuy nhiên, cũng giống như các khu rừng đặc dụng khác của Hà Giang, luôn chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa lũ, nắng nóng, khan hiếm nước về mùa khô là những nguy cơ mà Khu BTTN Phong Quang gặp phải. Vào mùa mưa, khi mưa lớn tập trung, thời gian kéo dài, cộng với độ dốc địa hình lớn nên dễ gây lũ quét, giông lốc. Mùa khô kéo dài, cộng với nhiệt độ không khí thấp, độ ẩm thấp, lượng nước mặt, nước ngầm thấp, nên đây cũng là mùa dễ xảy ra tình trạng khan hiếm nước tại các huyện vùng cao núi đá của Hà Giang cũng như Khu BTTN Phong Quang, từ đó gây không ít khó khăn cho sản xuất nông, lâm nghiệp, dễ gây ra cháy rừng và ảnh hưởng lớn tới đời sống người dân cũng như khách du lịch;

Do vậy, để giảm thiểu biến đổi khí hậu đến cảnh quan thiên nhiên, Khu BTTN Phong Quang cần có những chiến lược trong bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, giảm thiểu các tác động tiêu cực, tăng tỷ lệ che phủ rừng. Điều này góp phần to lớn trong bảo tồn các giá trị của cảnh quan, hệ sinh thái phục vụ phát triển hoạt động DLST của Khu BTTN.

2.3.4.2. Các yếu tố về dân số và nguồn nhân lực, lao động

Từ số liệu về nguồn lao động tại các xã vùng đệm Khu BTTN Phong Quang cho thấy số người trong độ tuổi lao động sống tại các xã vùng đệm Khu BTTN Phong Quang tương đối dồi dào, đây sẽ là nguồn lao động tiềm năng góp phần phát triển du lịch trong thời gian tới. Tuy nhiên, khu vực có lực lượng lao động lành nghề trong các lĩnh vực nông-lâm nghiệp chiếm tỷ lệ chủ yếu. Do đó, để nguồn nhân lực thực sự đóng góp được cho hoạt động du lịch thì cần có kế hoạch đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển du lịch.

2.4. Nội dung phát triển các địa điểm, tuyến du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí giai đoạn 2024 - 2030

2.4.1. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các điểm du lịch

2.4.1.1. Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc chọn các điểm du lịch

a. Nguyên tắc

- Các địa điểm xây dựng cơ sở hạ tầng tại khu đất trống, không có rừng, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng, không phá vỡ cảnh quan môi trường rừng hiện có của khu rừng đặc dụng. Các công trình và cơ sở hạ tầng được xây dựng trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống tính theo độ tàn che của cây rừng (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống dưới 0,3ha theo thực tế khi tiến hành đo đạc trước khi triển khai thiết kế 1/500 tại mỗi điểm thuê môi trường).

- Việc phát triển các điểm du lịch trong Khu BTTN Phong Quang phải đảm bảo 3 nguyên tắc sau: (1) An toàn cho du khách; (2) Giảm thiểu tối đa ảnh hưởng

tiêu cực đến môi trường rừng và động vật hoang dã; (3) Khả thi (tài nguyên thiên nhiên, nhân lực và cơ sở hạ tầng đáp ứng đủ).

Thiết kế các điểm tham quan du lịch cần thỏa mãn các tiêu chí sau:

- Có đặc điểm tự nhiên cùng giá trị sinh học nổi bật trong hệ sinh thái, hấp dẫn với khách tham quan và tìm hiểu.

- Hoạt động tham quan phải gắn liền với công tác diễn giải môi trường, tuyên truyền, giáo dục nâng cao hiểu biết cho du khách về môi trường, qua đó để tạo ý thức tham gia của khách du lịch vào công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ rừng của Khu BTTN Phong Quang.

- Quản lý điểm phải đảm bảo tính bền vững trong vận hành cho du khách tham quan và có định hướng phát triển phù hợp với quy hoạch phát triển chung của KBT đã được duyệt.

- Công tác vận hành và quản lý du khách phải tuân thủ các quy định về bảo tồn hệ sinh thái của KBT nhằm hạn chế tác động và gây áp lực lên hệ sinh thái.

Điểm du lịch được lựa chọn là điểm có tài nguyên du lịch đảm bảo khả năng hấp dẫn khách du lịch, mang lại cho du khách nhiều trải nghiệm ấn tượng nhất với các chi phí về thời gian và tài chính thấp nhất. Do vậy, một số nguyên tắc vàng trong việc lựa chọn các điểm đến du lịch hấp dẫn để đầu tư và phát triển là:

Nhanh - Chậm: thời gian di chuyển tới các điểm nhanh và thuận tiện nhất, thời gian trải nghiệm lâu nhất.

Nhiều - Ít: có nhiều trải nghiệm nhất và ít trùng lặp nhất.

Cao - Thấp: là những nơi có sức hấp dẫn và tính độc đáo cao nhất, với chi phí thấp nhất.

Dài - Ngắn: cho phép khai thác với thời gian dài - ngắn thích hợp, phụ thuộc vào sự hấp dẫn của tài nguyên du lịch, cũng như các sản phẩm du lịch kèm theo.

Trong lành - mát mẻ: Điểm đến cần có môi trường trong lành và mát mẻ quanh năm, không bị tác động bởi khói bụi nhà máy công nghiệp

Với mục đích đáp ứng và phục vụ nhu cầu đa dạng, ngày càng cao của du khách, mỗi điểm đến du lịch đều tập trung nhiều vào tiện nghi và điểm du lịch được cấu thành từ 5 yếu tố (quy tắc 5A), cụ thể như sau:

- Điểm hấp dẫn du lịch: Là những giá trị thu hút của điểm du lịch đối với du khách, bất kể là tài nguyên tự nhiên, nhân văn hay thậm chí là các sự kiện. Điều này ảnh hưởng nhiều đến quyết định chuyến đi của du khách.

- Giao thông đi lại: điểm đến du lịch có hệ thống giao thông thuận tiện sẽ thu hút được nhiều khách đến hơn. Để thu hẹp khoảng cách giữa khách và điểm du lịch cần có mạng lưới các phương tiện giao thông vận chuyển khách đa dạng, thuận tiện, dễ dàng, an toàn và nhanh chóng.

- Nơi ăn uống nghỉ ngơi: Dịch vụ lưu trú tại điểm đến không chỉ cung cấp nơi ăn uống đơn thuần, mà còn là nơi thể hiện chất lượng của “dịch vụ mến khách” nói chung và văn hóa bản địa nói riêng.

- Các tiện nghi và dịch vụ hỗ trợ: là khả năng đáp ứng các nhu cầu cơ bản của khách du lịch. Có ý nghĩa quan trọng, ảnh hưởng đến việc khai thác tài nguyên du lịch và phục vụ du khách. Du khách luôn đòi hỏi về một loạt tiện nghi và dịch vụ hỗ trợ cho nhu cầu của mình tại các điểm du lịch. Để là điểm đến du lịch hấp dẫn cần có cơ sở và dịch vụ hỗ trợ du lịch một cách đồng bộ, đạt tiêu chuẩn.

- Các phương diện khác: Một số hoạt động khác như vật chất, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật cũng là những yếu tố cấu thành nên điểm đến du lịch. Đối với cơ sở kỹ thuật của điểm đến du lịch, phải kể đến cơ sở lưu trú, ăn uống, các khu vui chơi, các khu mua sắm và các dịch vụ bổ sung khác.

b) Tiêu chí

- Tiêu chí phát triển các điểm du lịch tại Khu BTTN Phong Quang bao gồm:

- Có các khoảng trống, đất trống, trảng cỏ trong rừng;
- Dễ tiếp cận tới các thắng cảnh, có nhiều điểm tham quan;
- Cung ứng nhiều dịch vụ có chất lượng với giá cả phù hợp;
- Có cảnh quan thiên nhiên đẹp; dễ tiếp cận và thuận tiện giao thông, đặc biệt là giao thông công cộng; Đem đến cho du khách sự hiểu biết và trải nghiệm các giá trị tự nhiên;

- Có thể gắn với các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức về thiên nhiên, về đa dạng sinh học;

- Giúp cho việc bảo tồn các giá trị thiên nhiên, đa dạng sinh học khu vực;

- Đảm bảo về an ninh, an toàn tại chỗ cho du khách.

2.4.1.2. Thuyết minh chi tiết các điểm du lịch được ưu tiên phát triển

- Bên cạnh các nguyên tắc, tiêu chí nêu trên, việc lựa chọn, thuyết minh các điểm du lịch căn cứ theo Điều 14, Điều 15 NĐ 156/2018/NĐ được sửa đổi bổ sung bởi khoản 6, khoản 7 Điều 1 Nghị định 91/2024/NĐ-CP đề án đã xác định được các điểm du lịch như sau:

Bảng 14. Tổng hợp các điểm du lịch ưu tiên phát triển

Điểm thuê môi trường rừng	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch (ha)
Điểm du lịch sinh thái Hang Khi	Tham quan trải nghiệm leo núi hang Khi. Nơi đây có nhiều loài thực vật quý, cảnh quan hoang sơ kì vĩ	Khu chuyên về các hoạt động khám phá thiên nhiên, tìm hiểu về bảo vệ môi trường rừng. Du lịch khám phá hang động.	166,48
Điểm du lịch sinh thái Phìn Săng	Đỉnh núi cao, không khí trong lành. Tham gia tìm hiểu văn hoá, nông nghiệp cùng người dân bản địa	Khu chuyên về hoạt động leo núi, cắm trại trên núi để thu hút khách checkin Du lịch cộng đồng Du lịch sinh thái	315,35
Điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn	Tham quan và nghỉ dưỡng tại bản làng người Mông, chụp ảnh văn hóa lễ hội. Tìm hiểu nét đẹp từ những ngôi nhà mộc mạc đơn sơ cổ kính. Tham gia vào các hoạt động nông nghiệp cùng người dân bản địa.	Khu chuyên về biểu diễn trưng bày văn hoá, một dạng bảo tàng ngoài trời và trong nhà kết hợp giữa du lịch và tìm hiểu văn hoá, mua sắm Du lịch sinh thái - khám phá thiên nhiên Du lịch nghỉ dưỡng	181,54
Điểm du lịch sinh thái hang Suối Cụt	Tham quan hang suối Cụt với những nhũ đá hoa đẹp, du khách có thể trải nghiệm câu cá suối độc lạ trong hang. Là nơi sinh sống của đồng bào người Mông nơi đây con lưu giữ nhiều nét đẹp văn hóa như phong tục tập quán, lễ hội gắn với nghệ thuật dân gian,...	Khu chuyên về các hoạt động khám phá thiên nhiên, tham quan Hang Suối Cụt, tham quan các loài thực vật, động vật Du lịch khám phá hang động. Du lịch nghỉ dưỡng	180,24

Điểm thuê môi trường rừng	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch (ha)
Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả	Khám phá thiên nhiên với vẻ đẹp hùng vĩ. Nằm ở độ cao khoảng 800m là điểm đến lý tưởng cho du khách khám phá, chinh phục đỉnh núi cao với khung nhìn toàn cảnh núi rừng thiên nhiên từ trên cao, khám phá các loài động thực vật	Khu chuyên về các hoạt động văn hoá bản địa, tái hiện lại các hoạt động thường ngày và lưu trú tại kiến trúc nhà ở truyền thống,... Du lịch chăm sóc sức khỏe	245,89
Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả 1			157,44
Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả 2			88,45
Điểm du lịch sinh thái Lùng Giàng A	Tham quan và nghỉ dưỡng tại bản làng người Mông, tìm hiểu phong tục tập quán và những món ăn dân tộc chất rừng núi. Chụp ảnh checkin cảnh đẹp. Tham gia vào các hoạt động nông nghiệp cùng người dân bản địa	Khu chuyên về các hoạt động văn hóa cộng đồng, giao lưu văn hóa địa phương là nơi lưu giữ bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa Du lịch nghỉ dưỡng	211,59
Điểm du lịch sinh thái Lùng Giàng A - 1			45,29
Điểm du lịch sinh thái Lùng Giàng A - 2			53,43
Điểm du lịch sinh thái Lùng Giàng A - 3			112,87
Điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy	Gần cửa khẩu Thanh Thủy là nơi giao thương giữa 2 nước Việt Nam và Trung Quốc. Là điểm đến giao lưu, kết nối văn hóa giữa 2 nước	Du lịch giải trí Du lịch du lịch sự kiện Du lịch nghỉ dưỡng	89,43
Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang	Đỉnh núi cao khoảng 600 m so với mặt nước biển, nơi đây du khách có thể ngắm nhìn toàn thành phố Hà Giang từ trên cao. Đa dạng các loài thực vật trong đó có nhiều loài thực vật	Khu chuyên về các hoạt động giáo dục môi trường, tìm hiểu các loài động, thực vật rừng cũng như các kiến thức khác về môi trường, cứu hộ, chăm sóc và tái thả các loài động vật	387,52
Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 1			75,69

Điểm thuê môi trường rừng	Đặc điểm hấp dẫn du khách	Định hướng loại hình du lịch chính	Quy mô quy hoạch (ha)
Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 2	quý, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ.	Du lịch văn hóa Du lịch nghỉ dưỡng	109,9
Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 3			181,88
Vườn thực vật - Trạm cứu hộ động vật			20,03
Điểm du lịch sinh thái hang Tham Luồng	Tham quan trải nghiệm leo núi hang Tham Luồng. Nơi đây có nhiều loài thực vật quý, cảnh quan hoang sơ kì vĩ	Khu chuyên về các hoạt động khám phá thiên nhiên, tìm hiểu về bảo vệ môi trường rừng. Du lịch khám phá hang động.	27,55
Điểm du lịch sinh thái hang Pắc Tà	Thăm quan, khám phá hang Pắc Tà. Chụp ảnh checkin cảnh đẹp	Thăm quan, khám phá hang Pắc Tà. Chụp ảnh checkin cảnh đẹp	9,04

Bảng 15. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái hang Khi

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái hang Khi
Vị trí, quy mô	Vị trí: Khoảnh 6, tiểu khu 117, xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên cách hang Tham Luồng khoảng 4 km đi sâu vào trong. Quy mô quy hoạch: 86, ha
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng - Diện tích có cây nông nghiệp núi đất DNN 12,81 ha - Đất trồng núi đất DT1 29,47 ha - Đất có cây gỗ tái sinh núi đất DT2 19,91 ha - Đất đã trồng trên núi đất DTR 14,82 ha - Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX TB TXB 25,01 ha - Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo TXN 64,46 ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ, có suối nước tự nhiên. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về các hoạt động khám phá thiên nhiên, tìm hiểu về bảo vệ môi trường rừng - Tham quan, khám phá cảnh đẹp hang động, trải nghiệm và chụp ảnh lưu niệm - Du lịch lưu trú
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan, khám phá hang động và chụp ảnh lưu niệm
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch: thành phố Hà Giang - Điểm du lịch hang Tham Luồng - Điểm du lịch hang Pắc Tà - Điểm du lịch thôn Hoàng Lý Pả - Điểm du lịch thôn Lùng Thiềng - Một số điểm tham quan: hang Khi , suối đá xanh.
Phương thức tổ chức	Hợp tác - Liên kết; cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lấp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa	- Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng, lắp dựng bao gồm: + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,42 ha

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái hang Khỉ
phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	+ Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, café: 0,34 ha + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,25 ha + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,34 ha + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,17 ha + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,17 ha + Xây dựng hệ thống lan can; + Xây dựng cầu; + Xây dựng hệ thống ánh sáng; + Xây dựng các công trình phụ trợ khác...; Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư. - Tổng diện tích = 1,02 % (diện tích thuê MTR)
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây. - Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 16. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Phìn Săng

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Phìn Săng
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Khoảng 1, 2, 3 tiểu khu 118 và khoảng 17, 19 tiểu

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Phìn Săng
	khu 117. - Quy mô quy hoạch: 315,35 ha.
Hiện trạng	- Hiện trạng tài nguyên rừng Diện tích có cây nông nghiệp núi đất DNN 24,69 ha Đất trống núi đất DT1 34,75 ha Đất có cây gỗ tái sinh núi đất DT2 30,84 ha Đất đã trồng trên núi đất DTR 19,58 ha Rừng gỗ trồng núi đất RTG 29,98 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX TB TXB 18,95 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo TXDN 33,38 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo TXN 123,18 ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về hoạt động leo núi, cắm trại trên núi để thu hút khách checkin - Du lịch cộng đồng - Du lịch sinh thái
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống; - Dịch vụ tổ chức sự kiện - Dịch vụ cộng đồng; - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương);
Định hướng khách hàng	- Mọi khách hàng
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Cột mốc số 0 - Hang khỉ, Hang Pắc Tà, Hang suối Cụt - Cửa khẩu Thanh Thủy
Phương thức tổ chức	Hợp tác – Liên kết Cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư : Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường	- Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng, lắp dựng bao gồm: + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 1,41 ha + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, café: 1,13 ha

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Phìn Săng
- Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	+ Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,85 ha + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 1,13 ha + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,56 ha + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,56 ha. - Tổng diện tích = 1,79 % (diện tích thuê MTR) Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Tạo ra nguồn thu đóng góp cho công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học - Góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của du khách và cộng đồng người dân thông qua việc thực hiện công tác giáo dục và diễn giải môi trường.
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	- Các công trình xây dựng cần tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc và quy định của pháp luật.

Bảng 17. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Một phần khoảnh 5, 6 tiểu khu 117A xã Tả Ván huyện Quảng Bạ; khoảnh 8, 10 tiểu khu 117A, xã Minh

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn																												
	Tân, huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang. - Quy mô quy hoạch: 181,54 ha																												
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng <table><tr><td>Đất trống núi đất</td><td>DT1</td><td>8,3</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất trống núi đá</td><td>DT1D</td><td>9,1</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất có cây gỗ tái sinh núi đất</td><td>DT2</td><td>1,42</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất có cây gỗ tái sinh núi đá</td><td>DT2D</td><td>8,42</td><td>ha</td></tr><tr><td>Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo</td><td>TXDN</td><td>151,51</td><td>ha</td></tr><tr><td>Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi</td><td>TXP</td><td>2,79</td><td>ha</td></tr></table> - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.					Đất trống núi đất	DT1	8,3	ha	Đất trống núi đá	DT1D	9,1	ha	Đất có cây gỗ tái sinh núi đất	DT2	1,42	ha	Đất có cây gỗ tái sinh núi đá	DT2D	8,42	ha	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo	TXDN	151,51	ha	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi	TXP	2,79	ha
Đất trống núi đất	DT1	8,3	ha																										
Đất trống núi đá	DT1D	9,1	ha																										
Đất có cây gỗ tái sinh núi đất	DT2	1,42	ha																										
Đất có cây gỗ tái sinh núi đá	DT2D	8,42	ha																										
Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo	TXDN	151,51	ha																										
Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX phục hồi	TXP	2,79	ha																										
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về biểu diễn trưng bày văn hoá, một dạng bảo tàng ngoài trời và trong nhà kết hợp giữa du lịch và tìm hiểu văn hoá, mua sắm - Du lịch sinh thái - khám phá, trải nghiệm thiên nhiên. - Du lịch nghỉ dưỡng																												
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ văn hóa văn nghệ - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm - Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp																												
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế																												
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch: thành phố Hà Giang - Điểm du lịch hang Tham Luồng - Điểm du lịch hang Pắc Tà - Điểm du lịch thôn Lùng Thiềng - Điểm du lịch hang suối Cụt																												
Phương thức tổ chức	Hợp tác - Liên kết; cho thuê môi trường rừng Cho thuê môi trường rừng																												

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	- Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng, lắp dựng bao gồm: + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,76 ha + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, café: 0,61 ha + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,46 ha + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,61 ha + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,3 ha + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,3 ha. - Tổng diện tích = 1,67 % (diện tích thuê MTR) Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây. - Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 18. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Hang suối Cụt

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang suối Cụt
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Khoảng 8, 12, 13 tiểu khu 118, xã Minh Tân, huyện Vị

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang suối Cụt
	Xuyên, tỉnh Hà Giang - Quy mô quy hoạch: 180,24 ha
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng Đất khác DK 0,1 ha Diện tích có cây nông nghiệp núi đất DNN 33,88 ha Đất trống núi đất DT1 11,99 ha Đất trống núi đá DT1D 0,72 ha Đất có cây gỗ tái sinh núi đất DT2 6,44 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo TXDN 8,83 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo TXN 118,28 ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về các hoạt động khám phá thiên nhiên, tham quan Hang Suối Cụt, tìm hiểu các loài thực vật, động vật; tham quan, khám phá cảnh đẹp hang động, trải nghiệm và chụp ảnh lưu niệm - Du lịch chăm sóc sức khỏe; Du lịch mạo hiểm. - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Du lịch cộng đồng - Dịch vụ tham quan, khám phá cảnh đẹp hang động, trải nghiệm và chụp ảnh lưu niệm - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch: thành phố Hà Giang - Điểm du lịch hang Tham Luồng - Điểm du lịch hang Pắc Tà - Điểm du lịch thôn Lũng Thiêng - Điểm du lịch thôn Hoàng Lý Pả
Phương thức tổ chức	Hợp tác - Liên kết Thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật	- Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng, lắp dựng bao gồm: + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,9 ha.

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang suối Cụt
liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	+ Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, café: 0,72 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,54 ha. + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,72 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,36 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,36 ha + Xây dựng hệ thống lan can; + Xây dựng cầu; + Xây dựng hệ thống ánh sáng; + Xây dựng các công trình phụ trợ khác...; - Tổng diện tích = 2,0% (diện tích thuê MTR) Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây. - Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 19. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả
-------------------------	---

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả
Vị trí, quy mô	Vị trí: khoảng 8, 9, 10, 11, 13, 14, 15 tiểu khu 117E xã Minh Tân huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Quy mô quy hoạch: 245,89 ha; trong đó: + Khu du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả 1: 157,44 ha + Khu du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả 2: 88,45 ha
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng - Diện tích có cây nông nghiệp núi đất DNN 9,38 ha - Đất trống núi đất DT1 45,13 ha - Đất trống núi đá DT1D 15,79 ha - Đất có cây gỗ tái sinh núi đất DT2 41,76 ha - Đất có cây gỗ tái sinh núi đá DT2D 2,04 ha - Đất đã trồng trên núi đất DTR 0,47 ha - Rừng gỗ trồng núi đất RTG 0,01 ha - Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo TXDN 62,69 ha - Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo TXN 68,62 ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về các hoạt động văn hoá bản địa, tái hiện lại các hoạt động thường ngày và lưu trú tại kiến trúc nhà ở truyền thống,... - Du lịch chăm sóc sức khỏe
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ tham quan, khám phá cảnh đẹp thiên nhiên, trải nghiệm và chụp ảnh lưu niệm - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch: thành phố Hà Giang - Điểm du lịch hang Khỉ: - Điểm du lịch hang Suối Cụt: - Điểm du lịch thôn Hoàng Lý Pả - Điểm du lịch thôn Lũng Thiêng, hang Đại Tá
Phương thức tổ chức	Hợp tác – Liên kết Cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư	- Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng, lắp dựng bao gồm:

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả
Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả 1 + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,68 ha. + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, café: 0,55 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,41 ha. + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,55 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,27 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,27 ha. - Tổng diện tích = 1,73 % (diện tích thuê MTR) Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả 2 + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,41 ha. + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, café: 0,33 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,24 ha. + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,33 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,16 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,16 ha. - Tổng diện tích = 1,84 % (diện tích thuê MTR) Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư
Chi phí ước tính	Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật.
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây.

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả
	- Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 20. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng																																								
Vị trí, quy mô	- Vị trí: khoảnh 36, 42 tiểu khu 117D; khoảnh 1, 3, 5, 6 tiểu khu 131 xã Phong Quang, huyện Vị Xuyên tỉnh Hà Giang. - Quy mô quy hoạch: 211,59 ha; trong đó: + Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng 1: 45,29 ha + Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng 2: 53,43 ha + Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng 3: 112,87 ha																																								
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng <table><tr><td>Đất khác</td><td>DK</td><td>0,29</td><td>ha</td></tr><tr><td>Diện tích có cây nông nghiệp núi đất</td><td>DNN</td><td>1,62</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất trống núi đất</td><td>DT1</td><td>22,73</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất trống núi đá</td><td>DT1D</td><td>26,92</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất có cây gỗ tái sinh núi đất</td><td>DT2</td><td>17,15</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất có cây gỗ tái sinh núi đá</td><td>DT2D</td><td>13,42</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất đã trồng trên núi đất</td><td>DTR</td><td>12,1</td><td>ha</td></tr><tr><td>Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo</td><td>TXDN</td><td>107,71</td><td>ha</td></tr><tr><td>Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo</td><td>TXN</td><td>9,65</td><td>ha</td></tr></table> - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.					Đất khác	DK	0,29	ha	Diện tích có cây nông nghiệp núi đất	DNN	1,62	ha	Đất trống núi đất	DT1	22,73	ha	Đất trống núi đá	DT1D	26,92	ha	Đất có cây gỗ tái sinh núi đất	DT2	17,15	ha	Đất có cây gỗ tái sinh núi đá	DT2D	13,42	ha	Đất đã trồng trên núi đất	DTR	12,1	ha	Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo	TXDN	107,71	ha	Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo	TXN	9,65	ha
Đất khác	DK	0,29	ha																																						
Diện tích có cây nông nghiệp núi đất	DNN	1,62	ha																																						
Đất trống núi đất	DT1	22,73	ha																																						
Đất trống núi đá	DT1D	26,92	ha																																						
Đất có cây gỗ tái sinh núi đất	DT2	17,15	ha																																						
Đất có cây gỗ tái sinh núi đá	DT2D	13,42	ha																																						
Đất đã trồng trên núi đất	DTR	12,1	ha																																						
Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo	TXDN	107,71	ha																																						
Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo	TXN	9,65	ha																																						
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về các hoạt động văn hóa cộng đồng, giao lưu văn hóa địa phương là nơi lưu giữ bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa - Du lịch nghỉ dưỡng																																								
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ chăm sóc sức khỏe - Dịch vụ văn hóa văn nghệ - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương) - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm																																								

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng
	- Dịch vụ vui chơi giải trí tổng hợp
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch: thành phố Hà Giang - Điểm du lịch hang Tham Luông - Điểm du lịch hang Pắc Tà - Điểm du lịch thôn Hoàng Lý Pả - Điểm du lịch hang suối Cụt
Phương thức tổ chức	Hợp tác – Liên kết Cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	- Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng, lắp dựng bao gồm: Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng 1. + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,18 ha. + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, café: 0,18 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,14 ha. + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,18 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,14 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,09 ha. - Tổng diện tích = 2,0 % (diện tích thuê MTR) Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng 2. + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,27 ha. + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, café: 0,21 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,16 ha. + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,21 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,11 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,11 ha.

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng
	- Tổng diện tích = 1,87 % (diện tích thuê MTR) Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng 3 + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,56 ha. + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, cafe: 0,45 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,34 ha. + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,45 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,23 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,23 ha. - Tổng diện tích = 2,0 % (diện tích thuê MTR) Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật.
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây. - Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 21. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy			
Vị trí, quy mô	- Vị trí: khoảnh 1, 1A, 2, 4, 5 tiểu khu 117D xã Thanh Thủy, huyện Vị Xuyên; khoảnh 1, 6 xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên. - Quy mô quy hoạch: 89,43 ha			
Hiện trạng	- Hiện trạng rừng Diện tích có cây nông nghiệp núi đất DNN 0,05 ha Đất trống núi đất DT1 43,26 ha			

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy
	Đất trồng núi đáDT1D7,1ha Đất có cây gỗ tái sinh núi đấtDT219,9ha Đất đã trồng trên núi đấtDTR0,02ha Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèoTXDN13,39ha Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèoTXN5,71ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Du lịch giải trí - Du lịch du lịch sự kiện - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống; - Dịch vụ hội thảo, hội nghị - Dịch vụ tổ chức sự kiện - Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe; - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương);
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Cột mốc số 0 - Thành phố Hà Giang - Cửa khẩu Thanh Thủy
Phương thức tổ chức	Hợp tác - Liên kết Cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lấp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trồng. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không	Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng bao gồm: + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,42 ha. + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, cafe: 0,34 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,25 ha. + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,34 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,17 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,17 ha. - Tổng diện tích = 1,89 % (diện tích thuê MTR).

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy
quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư.
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Tạo ra nguồn thu đóng góp cho công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học - Góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của du khách và cộng đồng người dân thông qua việc thực hiện công tác giáo dục và diễn giải môi trường.
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Lưu ý vấn đề rác thải, nước thải và tiếng ồn khi khai thác các hoạt động du lịch.
Ghi chú	- Các công trình xây dựng cần tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc và quy định của pháp luật.

Bảng 22. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang											
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Khoảnh 1, 2, 3, 4, 7 tiểu khu 131A phường Quang Trung, thành phố Hà Giang; Khoảnh 3 tiểu khu 131C và khoảnh 18 tiểu khu 131 xã Phong Quang huyện Vị Xuyên - Quy mô quy hoạch: 387,52 ha; trong đó: + Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 1: 75,89 ha + Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 2: 110,19 ha + Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 3: 181,88 ha + Vườn thực vật - trạm cứu hộ động vật: 20,03 ha											
Hiện trạng	- Hiện trạng rừng <table><tr><td>Diện tích có cây nông nghiệp núi đất</td><td>DNN</td><td>1,12</td><td>ha</td></tr><tr><td>Đất trống núi đất</td><td>DT1</td><td>8,31</td><td>ha</td></tr></table>				Diện tích có cây nông nghiệp núi đất	DNN	1,12	ha	Đất trống núi đất	DT1	8,31	ha
Diện tích có cây nông nghiệp núi đất	DNN	1,12	ha									
Đất trống núi đất	DT1	8,31	ha									

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang
	Đất trống núi đá DT1D 29,43 ha Đất có cây gỗ tái sinh núi đất DT2 10,08 ha Đất có cây gỗ tái sinh núi đá DT2D 0,54 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo TXDN 307,49 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX phục hồi TXDP 0,18 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèo TXN 30,35 ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về các hoạt động giáo dục môi trường, tìm hiểu các loài động, thực vật rừng cũng như các kiến thức khác về môi trường, cứu hộ, chăm sóc và tái thả các loài động vật - Du lịch văn hóa - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Dịch vụ lưu trú, ăn uống; - Dịch vụ hội thảo, hội nghị - Dịch vụ tổ chức sự kiện - Dịch vụ nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe; - Dịch vụ hàng hóa (sản phẩm địa phương);
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Cột mốc KM0 - Thành phố Hà Giang - Cửa khẩu Thanh Thủy
Phương thức tổ chức	Hợp tác – Liên kết Cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lấp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thẻ	Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng bao gồm: - Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 1 + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,38 ha. + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, cafe: 0,3 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,23 ha.

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang
hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	+ Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,3 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,15 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,15 ha. - Tổng diện tích = 1,99 % (diện tích thuê MTR) - Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 2 + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,55 ha. + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, cafe: 0,44 ha. + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,33 ha. + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,44 ha. + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,22 ha + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,22 ha. - Tổng diện tích = 1,15 % (diện tích thuê MTR) - Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang 3 + Cụm nghỉ dưỡng như nhà sinh thái, bể bơi, khu nướng, khu vui chơi trẻ em,...: 0,91 ha + Cụm dịch vụ trung tâm điều hành, dịch vụ hành chính, nhà hàng, khu vực phục vụ nước giải khát, cafe: 0,73 ha + Cụm dịch vụ thể thao, tổ chức hội nghị sự kiện, biểu diễn trong nhà: 0,55 ha + Cụm các công trình lưu trú, dịch vụ,...: 0,73 ha + Cụm đón tiếp, lễ tân, hành chính, nhà nghỉ nhân viên, chuyên gia, trưng bày bán các đồ lưu niệm và các sản phẩm đặc sản tại địa phương: 0,36 ha + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,36 ha.

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Đông Phong Quang
	- Tổng diện tích = 2,0 % (diện tích thuê MTR) Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư. - Vườn thực vật - trạm cứu hộ động vật + Trạm cứu hộ động vật (khu chăm sóc, khu nuôi, khu cách ly, khu sơ chế thức ăn,...): 0,16 ha. + Khu hành chính dịch vụ (nhà làm việc, phòng họp, phòng nghỉ cán bộ nhân viên và các công trình phục vụ du lịch khác...): 0,1 ha. + Xây dựng, bố trí các phân khu, công trình phụ trợ trong Vườn thực vật (theo tiêu chuẩn TCVN 13530: 2022): 0,08 ha. + Các cụm công trình hậu cần (trạm bảo vệ cứu nạn, y tế, phòng cháy chữa cháy, trạm sạc xe điện, hạ tầng kỹ thuật...): 0,06 ha. - Tổng diện tích = 2,0 % (diện tích thuê MTR).
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Tạo ra nguồn thu đóng góp cho công tác bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học - Góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của du khách và cộng đồng người dân thông qua việc thực hiện công tác giáo dục và diễn giải môi trường.
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Lưu ý vấn đề rác thải, nước thải và tiếng ồn khi khai thác các hoạt động du lịch.
Ghi chú	- Các công trình xây dựng cần tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc và quy định của pháp luật.

Bảng 23. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Hang Tham Luồng

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang Tham Luồng			
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Khoảng 20 tiểu khu 117, xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang - Quy mô quy hoạch: 27,55 ha			
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng Đất khácDT10,21ha Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX nghèoTXN19,67ha Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX trung bìnhTXB7,67ha - Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh			

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang Tham Luồng
	quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về các hoạt động khám phá thiên nhiên, trải nghiệm, khám phá hang Tham Luồng, tìm hiểu các loài thực vật, động vật - Du lịch chăm sóc sức khoẻ - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Du lịch cộng đồng - Du lịch khám phá thiên nhiên, trải nghiệm - Dịch vụ lưu trú, ăn uống - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch: thành phố Hà Giang - Điểm du lịch VQG Du Già - Điểm du lịch hang Pắc Tà - Điểm du lịch thôn Lùng Thiêng - Điểm du lịch thôn Hoàng Lý Pả
Phương thức tổ chức	Tự tổ chức, liên doanh liên kết, cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thê hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m	- Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng, lắp dựng bao gồm: - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: + Đường tuần tra bảo vệ rừng, kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái + Lều trú chân +Trạm quan sát cảnh quan + Xây dựng hệ thống lan can; + Xây dựng cầu; + Xây dựng hệ thống ánh sáng; + Xây dựng các công trình phụ trợ khác...; - Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang Tham Luồng
(Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây. - Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

Bảng 24. Thuyết minh quy hoạch điểm du lịch sinh thái Hang Pắc Tà

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang Pắc Tà
Vị trí, quy mô	- Vị trí: Khoảnh 22 tiểu khu 118, xã Minh Tân, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang - Quy mô quy hoạch: 9,04 ha
Hiện trạng (nếu đã được thiết lập)	- Hiện trạng rừng Rừng gỗ tự nhiên núi đá LRTX nghèo TXDN 8,78 ha Rừng gỗ tự nhiên núi đất LRTX chưa TXP 0,26 ha có trữ lượng

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang Pắc Tà
	- Tài nguyên đa dạng sinh học, lợi thế về địa hình, cảnh quan: tài nguyên đa dạng phong phú, địa hình núi cao, cảnh quan thiên nhiên hoang sơ kỳ vĩ. - Hiện trạng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật: Chưa đầu tư xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
Định hướng loại hình du lịch	- Khu chuyên về các hoạt động khám phá thiên nhiên, khám phá Hang Pắc Tà, tìm hiểu các loài thực vật, động vật. - Khám phá, trải nghiệm hang động; chụp ảnh lưu niệm. - Du lịch chăm sóc sức khỏe - Du lịch nghỉ dưỡng
Định hướng sản phẩm, dịch vụ du lịch	- Du lịch khám phá thiên nhiên. - Dịch vụ tham quan và chụp ảnh lưu niệm
Định hướng khách hàng	- Khách hàng trong nước và khách quốc tế
Kết nối với các điểm du lịch, điểm tham quan	- Điểm du lịch: thành phố Hà Giang - Điểm du lịch VQG Du Già - Điểm du lịch hang Tham Luồng - Điểm du lịch thôn Lùng Thiêng - Điểm du lịch thôn Hoàng Lý Pả
Phương thức tổ chức	Tự tổ chức hoặc cho thuê MTR
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định	- Các công trình phục vụ du lịch dự kiến xây dựng, lắp dựng bao gồm: - Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: + Đường tuần tra bảo vệ rừng, kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái + Lều trú chân +Trạm quan sát cảnh quan + Xây dựng hệ thống lan can; + Xây dựng cầu; + Xây dựng hệ thống ánh sáng; + Xây dựng các công trình phụ trợ khác...; - Chi tiết sẽ nêu cụ thể trong quá trình thực hiện dự án đầu tư

Tên điểm du lịch	Điểm du lịch sinh thái Hang Pắc Tà
khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	- Lợi ích cho cộng đồng: Tạo thêm công việc cho người dân trong vùng du lịch... - Lợi ích cho bảo tồn: Bảo tồn được nguồn gen động, thực vật; Bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây. - Lợi ích kinh tế: Tạo thêm nguồn thu nhập cho người dân địa phương...
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	- Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng...
Ghi chú	

2.4.2. Định hướng và thuyết minh phương án lựa chọn các tuyến du lịch

Tuyến du lịch là lộ trình liên kết các khu du lịch, điểm du lịch, điểm tham quan, cơ sở cung cấp các dịch vụ du lịch, gắn với các tuyến giao thông đường bộ. Các tuyến du lịch được xem là những sản phẩm du lịch đặc biệt, việc xác định các tuyến du lịch phải dựa vào một số tiêu chí nhất định để đảm bảo được tính hấp dẫn cao của sản phẩm du lịch. Cũng như việc lựa chọn và xây dựng các điểm dừng chân, việc lựa chọn và phát triển các tuyến du lịch cũng cần tuân thủ các nguyên tắc và có tiêu chí lựa chọn nhất định

2.4.2.1. Nguyên tắc, tiêu chí chung về việc chọn các tuyến du lịch

a. Nguyên tắc

Tuyến du lịch được lựa chọn là tuyến có khả năng kết nối ít nhất 2 điểm du lịch hoặc 2 điểm tham quan trở lên; có khả năng hấp dẫn khách du lịch; mang lại lợi ích hài hòa và lâu dài đối với các bên tham gia hoạt động du lịch.

- Các công trình trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân giải khát, sạc điện thoại, khu nhà vệ sinh,... được xây dựng tại các khu vực có đất trống (bao gồm khoảnh đất trống theo bản đồ hiện trạng rừng, các ô đất trống dưới 0,3 ha theo thực tế khi tiến hành đo đạc trước khi khai thác tuyến) trong phạm vi 100m mỗi bên từ tim tuyến.

b. Tiêu chí

- Có sức hấp dẫn và có điểm nhấn nổi bật về cảnh quan thiên nhiên, các đặc điểm văn hóa - xã hội, tâm linh và lịch sử;

- Có khả năng kết nối các điểm du lịch và điểm tham quan;

- Dễ tiếp cận tới các điểm tham quan trên tuyến;

- Có nhiều hoạt động khám phá, trải nghiệm các giá trị tự nhiên, giá trị sinh thái;

- Không khí trong lành, cảnh quan tự nhiên đẹp và gần với văn hóa dân tộc;

- Đảm bảo về an ninh, an toàn cho du khách.

2.4.2.2. Thuyết minh chi tiết các tuyến du lịch trong Khu BTTN Phong Quang

Trên cơ sở nguyên tắc và tiêu chí lựa chọn tuyến du lịch; dưới đây là phân khái toán vốn đầu tư và thuyết minh chi tiết từng tuyến du lịch trong Khu BTTN Phong Quang:

Bảng 25. Thuyết minh tuyến 1

Tên tuyến	Tuyến 1: Tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa cộng đồng, kết hợp với việc khám phá cảnh đẹp, trải nghiệm thiên nhiên
Loại hình du lịch trên tuyến	Du lịch cộng đồng; Du lịch tham quan - Trải nghiệm - Khám phá thiên nhiên; Du lịch mạo hiểm: Đu dây cáp (Zipline).
Vị trí, địa điểm và điểm dừng chân	1. Tuyến đi qua phân khu BVNN 2. Tuyến đi qua địa bàn các xã: - Xã Minh Tân: Kh 22, 24 - TK 118; Kh: 5, 7, 16, 20 - TK117E; - Xã Thuận Hòa: Kh 1,3 6 - TK 107 E; 3. Điểm dừng chân: Tuyến có 4 điểm dừng chân: - Điểm dừng chân số 1 (trạng thái TXDB), lô 3, Kh.5, TK 117; Tọa độ: X - 438051.626; Y - 2539651.41; Xã Minh Tân; - Điểm dừng chân số 2 (trạng thái TXN), lô 4, Kh.22, TK 118: Tọa độ: X:440869.871 - Y: 2536527.77; xã Minh Tân; - Điểm dừng chân số 3 (trạng thái TXDN), lô 2, Kh.1, TK 107E; Tọa độ: X:441371.888 - Y:2535376.40; xã Minh Tân. - Điểm dừng chân số 4 (Hang Suối Cụt – trạng thái TXDB), lô 3, Kh.5, TK 117E;

Tên tuyến	Tuyến 1: Tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa cộng đồng, kết hợp với việc khám phá cảnh đẹp, trải nghiệm thiên nhiên
	Tọa độ: X:437.852 - Y:2.539.647; xã Minh Tân. 4. Không xây dựng các công trình hạ tầng kiên cố (Đường, nhà, bể nước...)
Các điểm dừng chân tham quan, trải nghiệm trên tuyến	Khám phá cảnh đẹp thiên nhiên núi rừng dọc tuyến đường đi Tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa cộng đồng bản địa cộng đồng thôn Lũng Thiềng. Ngắm cảnh, thư giãn tại điểm nghỉ dưỡng thôn Lũng Thiềng. Tham gia các hoạt động trải nghiệm về cảnh quan rừng tự nhiên, đa dạng sinh học trên tuyến. Khám phá hang Pắc Tà, Lũng Chuối 1, 2 nghỉ chân tại thôn Lũng Thiềng để ăn trưa và tìm hiểu một số nét đẹp văn hóa, cuộc sống người dân địa phương. Thăm quan chụp ảnh, checkin, khám phá tìm hiểu về rừng nguyên sinh. Khám phá, Checkin tại hang Suối Cụt và hình ảnh những vách núi dựng đứng chạy dọc suối cùng trải nghiệm cảnh sắc thiên nhiên. Suối Cụt sở hữu cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp, bầu không khí trong lành, mát mẻ với suối trắng xóa và tiếng chim líu lo sau tán lá.
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Ô tô, xe máy kết hợp đi bộ
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên
Chiều dài tuyến	22 km Từ BQL rừng đặc dụng Phong Quang, đi theo Quốc lộ 4C 17 km, rẽ vào thôn Lũng Thiềng qua Hang Pắc Tà - Bản Phố xã Minh Tân.
Thời gian	Thời gian đi và về trong ngày. 2 ngày 1 đêm nếu cắm trại và nghỉ lại để trải nghiệm cuộc sống cộng đồng người dân địa phương.
Mô tả chi tiết về lịch trình	Tuyến bắt đầu từ trụ sở Ban quản lý Khu BTTN Phong Quang, dọc theo Quốc lộ 4C, đến Km 17, rẽ lên thôn Lũng Thiềng, xã Minh Tân - đi dọc theo suối Lũng Thiềng đến hang Pắc Tà - Lũng Chuối 1, 2 - Khám phá hệ thống hang động, suối ngầm chảy qua thôn Mã Hoàng Phìn, Hoàng Lý Pả, Phìn Sảng Rừng Nghiến cổ thụ - Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn.
Phương thức tổ chức	Hợp tác – Liên kết

Tên tuyến	Tuyến 1: Tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa cộng đồng, kết hợp với việc khám phá cảnh đẹp, trải nghiệm thiên nhiên
	Cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	* Chi tiết các hạng mục đầu tư sẽ được làm rõ tại dự án hoặc kế hoạch đầu tư trước thời điểm đầu tư, dự kiến các hạng mục sẽ thực hiện như sau: - Trạm dừng chân, thùng chứa rác, biển báo, chòi quan sát tại 4 điểm dừng chân: - Hệ thống thùng rác thu gom rác thải 4 thùng + Thùng nhựa màu xanh, dung tích: 200 lít (thời hạn sử dụng 5-10 năm) - Bảng biển chỉ dẫn thông tin du lịch: 4 bảng + Bảng bằng gỗ: Quy cách theo quy định 04TCN 89: 2006 (thời hạn sử dụng 5-10 năm) - Khu nhà vệ sinh: 4 khu (40m²) + Nhà lắp ghép, có hệ thống thu gom chất thải (thời hạn sử dụng 5-10 năm). - Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường mòn, kết hợp du lịch và đường tuần tra (5 km-phần đường mòn trên rừng) + Sửa sang hệ thống đường mòn, đường tuần tra, cắm biển chỉ dẫn, không gây tác động tới cây rừng và hệ sinh thái rừng trong khu vực - Chòi quan sát, ngắm cảnh: 3 chòi (75m²) + Diện tích làm chòi: 25m²/chòi + Vật liệu lắp sẵn hoặc gỗ (thời hạn sử dụng 5-10 năm). + Vị trí: Lựa chọn vị trí dễ quan sát được cảnh quan ở cả 4 hướng để làm chòi. + Quy cách: Theo quy định tại tiêu chuẩn ngành: 04TCN 89: 2006 - Cáp đu dây Dây cáp treo phải là loại cáp thép chịu lực có độ bền tốt, có lực kéo đứt lớn, thường là những dòng cáp có quy cách nhiều tao, nhiều sợi, chẳng hạn như : 6×36, 6×37.
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030

Tên tuyến	Tuyến 1: Tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa cộng đồng, kết hợp với việc khám phá cảnh đẹp, trải nghiệm thiên nhiên
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	Lợi ích cho cộng đồng: Tạo công ăn việc làm cho người lao động địa phương tham gia vào các hoạt động như xây dựng cơ sở hạ tầng, lao động hoạt động trong du lịch, hướng dẫn viên địa phương, cung cấp các sản phẩm địa phương, phục vụ ăn uống, vận chuyển, v.v... Tăng nguồn thu cho BQL rừng đặc dụng Phong Quang từ các hoạt động cho thuê MTR, nguồn thu đó sẽ được tái đầu tư cho hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của du khách và cộng đồng người dân thông qua việc thực hiện công tác giáo dục và diễn giải môi trường
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	Lưu ý vấn đề rác thải, nước thải từ hoạt động tham quan, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường du lịch. Lưu ý về giao thông và quãng đường di chuyển, đảm bảo an toàn cho du khách
Ghi chú	

Bảng 26. Thuyết minh Tuyến 2

Tên tuyến	Tuyến 2: Khám phá nét độc đáo về văn hóa của các đồng bào dân tộc trong các thôn vùng lõi Khu BTTN kết hợp khám phá các cảnh quan, thắng cảnh tự nhiên của khu vực
Loại hình du lịch trên tuyến	Du lịch cộng đồng; Du lịch sinh thái - Trải nghiệm thiên nhiên; Du lịch khám phá;
Vị trí, địa điểm và điểm dừng chân	1.Tuyến đi qua phân khu BVNN (01 kh); Phân khu PHST (6 khoảnh). 2.Tuyến đi qua địa bàn các xã: - Xã Minh Tân: Kh 6, 3, 12, 27- TK 117D; K.14, 12-TK 117A; Kh: 6,9,14,18,15, 7, 23 – TK 117E; Kh. 17-TK 118; - Xã Thanh Thủy: Kh 5 – TK 117D; - Xã Phong Quang: Kh.3 - TK 131C; Kh.29, 31, 42 – TK 117 D; 3. Điểm dừng chân: Tuyến có 7 điểm dừng chân: - Điểm dừng chân sô 1 (trạng thái DT1D); lô2, Kh.8, TK 117A; Tọa độ: X:434938.933 - Y:2542051.78; xã Minh Tân; - Điểm dừng chân số 2 (trạng thái DT2); lô 23, Kh.9, TK 117E;

Tên tuyến	Tuyến 2: Khám phá nét độc đáo về văn hóa của các đồng bào dân tộc trong các thôn vùng lõi Khu BTTN kết hợp khám phá các cảnh quan, thắng cảnh tự nhiên của khu vực
	Tọa độ X: 436877.231 - Y: 2538191.01, xã Minh Tân; - Điểm dừng chân số 3 (trạng thái DT1); lô 4, Kh.5, TK 117D; Tọa độ: X: 434864.171 - Y: 2537529.76, xã Thanh Thủy; - Điểm dừng chân số 4 (trạng thái DT1), lô 12, Kh. 14, TK 117 E; Tọa độ: X: 437988.609 - Y: 2536954.10, xã Minh Tân; - Điểm dừng chân số 5 (trạng thái DT2D); lô 2, Kh.3, TK 131: Tọa độ: X: 440015.312 - Y: 2533784.04; xã Phong Quang. - Điểm dừng chân số 6 (trạng thái DT2D); lô 5, Kh 19, TK 131; Tọa độ: X: 440015.312 - Y: 2533784.04; xã Phong Quang. - Điểm dừng chân số 7 (trạng thái DT1); lô 2, Kh 1, TK 107E; Tọa độ: X: 443123.757 - 2535769.88; xã Thuận Hòa. 4. Không xây dựng các công trình hạ tầng kiên cố (Đường, nhà, bể nước...)
Các điểm tham quan, trải nghiệm trên tuyến	Tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa cộng đồng bản địa cộng đồng thôn Lũng Giàng B, thôn Hoàng Lý Pả Ngắm cảnh, thư giãn tại điểm nghỉ dưỡng thôn Hoàng Lý Pả Tìm hiểu văn hóa, nếp sinh hoạt của đồng bào người Dao Chàm, Mông Tham gia các hoạt động trải nghiệm về các hoạt động nông nghiệp của người Mông Thưởng thức món ăn dân dã và cùng sinh hoạt, làm việc với người dân địa phương Cắm trại, nghỉ ngơi tổ chức các trò chơi tại trung tâm thôn Hoàng Lý Pả Từ thôn Hoàng Lý Pả có thể đi bộ hoặc đi xe máy về tuyến 1.
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Ô tô, xe máy kết hợp đi bộ
Nhóm khách hàng ưu tiên	Khách thích du Khách thích khám phá và trải nghiệm thiên nhiên
Chiều dài tuyến	28 km (15 km đường mòn)
Thời gian	2 ngày 1 đêm nếu cắm trại và nghỉ lại
Mô tả chi tiết về lịch trình	Tuyến bắt đầu từ thành phố Hà Giang, đi về thôn Lũng Giàng B của xã Phong Quang. Tại đây du khách dừng chân tại đây

Tên tuyến	Tuyến 2: Khám phá nét độc đáo về văn hóa của các đồng bào dân tộc trong các thôn vùng lõi Khu BTTN kết hợp khám phá các cảnh quan, thắng cảnh tự nhiên của khu vực
	núi Răng cưa ngắm cảnh, chụp ảnh và có thể trèo lên chòi và quan sát ngắm khung cảnh núi rừng xung quanh - Thôn Hoàng Lý Phả -về tuyến 1 – cửa khẩu Thanh Thủy, xã Thanh Thủy. Thời gian: Tuyến dự kiến trong thời gian khoảng 02 ngày, du khách có thể nghỉ qua đêm tại thôn Hoàng Lý Phả và tìm hiểu những nét văn hóa đặc sắc của người dân địa phương.
Phương thức tổ chức	Hợp tác – Liên kết Cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.	* Chi tiết các hạng mục đầu tư sẽ được làm rõ tại dự án hoặc kế hoạch đầu tư trước thời điểm đầu tư, dự kiến các hạng mục sẽ thực hiện như sau: - Trạm dừng chân, thùng chứa rác, biển báo, chòi quan sát tại 7 điểm dừng chân: - Hệ thống thùng rác thu gom rác thải 7 thùng + Thùng nhựa màu xanh, dung tích: 200 lít. (thời hạn sử dụng 5-10 năm) - Bảng biển chỉ dẫn thông tin du lịch: 7 bảng + Bảng bằng gỗ: Quy cách theo quy định 04TCN 89: 2006 (thời hạn sử dụng 5-10 năm). - Khu nhà vệ sinh: 7 khu (70m²) + Nhà lắp ghép, có hệ thống thu gom chất thải (thời hạn sử dụng 5-10 năm). - Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường mòn, kết hợp du lịch và đường tuần tra (15 km-phần đường mòn trên rừng) + Sửa sang hệ thống đường mòn, đường tuần tra, cắm biển chỉ dẫn, không gây tác động tới cây rừng và hệ sinh thái rừng trong khu vực. - Chòi quan sát, ngắm cảnh: 7 chòi (175m²) + Diện tích làm chòi: 25m²/chòi +Vật liệu lắp sẵn hoặc gỗ (thời hạn sử dụng 5-10 năm). + Vị trí: Lựa chọn vị trí dễ quan sát được cảnh quan ở cả 4 hướng để làm chòi. + Quy cách: Theo quy định tại tiêu chuẩn ngành: 04TCN 89: 2006.

Tên tuyến	Tuyến 2: Khám phá nét độc đáo về văn hóa của các đồng bào dân tộc trong các thôn vùng lõi Khu BTTN kết hợp khám phá các cảnh quan, thắng cảnh tự nhiên của khu vực
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	Tuyên truyền bảo vệ đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên, các nét văn hóa đặc trưng, giới thiệu các món ăn truyền thống của dân tộc Dao, Mông... Góp phần phát triển kinh tế cho người dân, bảo tồn tài nguyên, di sản địa phương Tăng thêm nguồn thu nhập, tạo công ăn việc làm cho cộng đồng dân cư. Nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng... Lưu ý về giao thông và quãng đường di chuyển, đảm bảo an toàn cho du khách
Ghi chú	

Bảng 27. Thuyết minh Tuyến 3

Tên tuyến	Tuyến 3: Khám phá giá trị tự nhiên của Khu bảo tồn kết hợp giáo dục môi trường, giáo dục về các giá trị lịch sử, truyền thống yêu nước.
Loại hình du lịch trên tuyến	Du lịch cộng đồng; Du lịch sinh thái - trải nghiệm thiên nhiên Du lịch khám phá Du lịch tâm linh
Vị trí, địa điểm và điểm dừng chân	1.Tuyến đi qua phân khu BVNN (07 khoảnh); Phân khu PHST (05 khoảnh). 2.Tuyến đi qua địa bàn các xã như sau: - Xã Minh Tân: Kh 5-TK 117B; K.6, 20, 23, -TK 117; Kh: 3, 7, 8 – TK 117B; Kh.1, 8, 12-TK 118; - Xã Thanh Thủy: Kh 5 – TK 117D; - Xã Phong Quang: Kh.3 - TK 131C; Kh.29, 31, 42 – TK 117 D; 3. Điểm dừng chân: Tuyến có 3 điểm dừng chân:

Tên tuyến	Tuyến 3: Khám phá giá trị tự nhiên của Khu bảo tồn kết hợp giáo dục môi trường, giáo dục về các giá trị lịch sử, truyền thống yêu nước.
	- Điểm dừng chân số 1 (trạng thái DT1); lô 34, Kh.6, TK 117; Tọa độ : X:438306.194 - Y:2546716.09 ; xã Minh Tân; - Điểm dừng chân số 2 (trạng thái DT1); lô 15, Kh.1, TK 118; Tọa độ: X: 438614.500 – Y:2543838.66 , xã Minh Tân; - Điểm dừng chân số 3 (trạng thái TXN); lô 3, Kh.20, TK 117; Tọa độ: X: 440397.184 - Y:2543970.50, xã Minh Tân; 4. Không xây dựng các công trình hạ tầng kiên cố (Đường, nhà, bể nước...)
Các điểm tham quan, trải nghiệm trên tuyến	- Khám phá, trải nghiệm cảnh đẹp thiên nhiên và các giá trị lịch sử, truyền thống yêu nước. - Thăm quan khu du lịch sinh thái Hang Tham Luồng là một trong những hang động độc đáo với những cột đá và thạch nhũ lấp lánh đồ sộ. - Tắm suối, ăn trưa tại suối, tổ chức các hoạt động vui chơi kết hợp với việc cắm trại tại suối. - Du khách có nhu cầu tham quan các khu rừng nghìn năm nguyên sinh. Chụp ảnh cây nghìn năm cổ thụ. - Khám phá Hang Khi, du khách sẽ ngắm nhìn những nhũ đá đa hình thù với các góc cạnh phản chiếu ánh sáng khắp hang động, tạo nên một không gian vô cùng thư thái nhưng không kém phần huyền bí. - Tìm hiểu văn hóa, nếp sinh hoạt của đồng bào người Dao Chàm, Mông tại thôn Tà Lèng. - Tham gia các hoạt động trải nghiệm về các hoạt động nông nghiệp của người Mông. - Thưởng thức món ăn dân dã và cùng sinh hoạt, làm việc với người dân địa phương.
Phương tiện sử dụng du lịch trên tuyến	Ô tô, xe máy kết hợp đi bộ
Nhóm khách hàng ưu tiên	Du khách thích trải nghiệm Du khách thích khám phá thiên nhiên
Chiều dài tuyến	34 km (17 km đường mòn)

Tên tuyến	Tuyến 3: Khám phá giá trị tự nhiên của Khu bảo tồn kết hợp giáo dục môi trường, giáo dục về các giá trị lịch sử, truyền thống yêu nước.
	Từ km17 (Quốc lộ 4C) tới trạm tân sơn thôn tân sơn, qua rừng nghiến - Hang Tham Luồng - Hang khí thôn Tân Sơn, xã Minh Tân, kết thúc tại thôn Bản Hình và liên kết với tuyến 1
Thời gian	1 ngày
Mô tả chi tiết về lịch trình	Tuyến bắt đầu từ Ban quản lý Khu BTTN Phong Quang chạy dọc theo Quốc lộ 4C, tới địa bàn - Trạm Tân Sơn (thôn Tân Sơn của xã Minh Tân) - Đi bộ thăm quan hang Tham Luồng - rừng Nghiến cổ thụ - đến Hang Khí - Đài tưởng niệm - về tuyến 1.
Phương thức tổ chức	Hợp tác-Liên kết. Cho thuê môi trường rừng
Các hạng mục đầu tư Quy định: - Vật liệu xây dựng: Lắp ghép bằng thép, gỗ... vật liệu địa phương thân thiện với môi trường - Vị trí, địa điểm: Thể hiện trên bản đồ bản vẽ tổng mặt bằng, thực hiện trên diện tích đất trống. - Chiều cao công trình: Thấp hơn hoặc bằng chiều cao của cây rừng tại khu vực xây dựng nhưng không quá 12m (Chiều cao cụ thể từng công trình được xác định khi lập dự án đầu tư). - Mật độ, tỷ lệ dự kiến xây dựng: Không quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng. - Thời gian tồn tại công trình: Tối đa bằng thời gian trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường	* Chi tiết các hạng mục đầu tư sẽ được làm rõ tại dự án hoặc kế hoạch đầu tư trước thời điểm đầu tư, dự kiến các hạng mục sẽ thực hiện như sau: - Trạm dừng chân, thùng chứa rác, biển báo, chòi quan sát tại 3 điểm dừng chân: - Hệ thống thùng rác thu gom rác thải 3 thùng + Thùng nhựa màu xanh, dung tích: 200 lít(thời hạn sử dụng 5-10 năm). - Bảng biển chỉ dẫn thông tin du lịch: 3 bảng + Bảng bằng gỗ: Quy cách theo quy định 04TCN 89: 2006 (thời hạn sử dụng 5-10 năm) - Khu nhà vệ sinh: 3 khu (30m²) + Nhà lắp ghép, có hệ thống thu gom chất thải (thời hạn sử dụng 5-10 năm) - Bảo dưỡng, sửa chữa tuyến đường mòn, kết hợp du lịch và đường tuần tra (17 km-phần đường mòn trên rừng) + Sửa sang hệ thống đường mòn, đường tuần tra, cắm biển chỉ dẫn, không gây tác động tới cây rừng và hệ sinh thái rừng trong khu vực - Chòi quan sát, ngắm cảnh: 3 chòi (75m²) + Diện tích làm chòi: 25m² /chòi +Vật liệu lắp sẵn hoặc gỗ (thời hạn sử dụng 5-10 năm). + Vị trí: Lựa chọn vị trí để quan sát được cảnh quan ở

Tên tuyến	Tuyến 3: Khám phá giá trị tự nhiên của Khu bảo tồn kết hợp giáo dục môi trường, giáo dục về các giá trị lịch sử, truyền thống yêu nước.
rừng.	cả 4 hướng để làm chồi. + Quy cách: Theo quy định tại tiêu chuẩn ngành: 04TCN 89: 2006
Chi phí ước tính	- Xã hội hoá và các nguồn thu hợp pháp sử dụng theo quy định của pháp luật
Thời gian thực hiện	- Giai đoạn: 2024-2025 và 2026-2030
Những lợi ích cho cộng đồng, bảo tồn và kinh tế	Tạo thu nhập bền vững cho người dân bản địa Bảo tồn văn hóa truyền thống của địa phương Nâng cao nhận thức về bảo tồn đa dạng sinh học cho du khách thông qua hoạt động diễn giải môi trường trong suốt chiều dài tuyến
Những ảnh hưởng tiêu cực cần lưu ý	Ô nhiễm môi trường; ô nhiễm nguồn nước; phá vỡ cảnh quan thiên nhiên nguyên trạng... Những thay đổi về văn hóa do du khách gây ra Lưu ý về giao thông và quãng đường di chuyển, đảm bảo an toàn cho du khách
Ghi chú	

2.4.3. Phương thức tổ chức khai thác, quản lý và giám sát du lịch

- Phương thức tổ chức du lịch tại KBTTN chủ yếu hai hình thức chính là hợp tác liên kết và cho thuê môi trường rừng.

- Phương thức KBT hợp tác, liên kết thực hiện kinh doanh dịch vụ DLST: Khu BTTN Phong Quang chủ động hợp tác, liên kết với các tổ chức, cá nhân thực hiện điểm, tuyến du lịch theo đề án. Trong trường hợp phát triển các sản phẩm du lịch, dịch vụ DLST tại các điểm, tuyến DLST được quy hoạch theo Đề án mà cần có sự đầu tư xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng các cơ sở hạ tầng hiện có với sự tham gia hợp tác, liên kết đầu tư với các cá nhân, tổ chức thì BQL phải phối hợp lập thành dự án hợp tác, liên kết để trình cấp trên thẩm định phê duyệt để thực hiện. Các loại hình, sản phẩm có thể hợp tác, liên kết để tăng tính chuyên nghiệp và chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Quy mô, hạng mục đầu tư dự kiến tại điểm, tuyến du lịch phải tuân thủ theo Đề án được phê duyệt.

- Phương thức thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ DLST:

+ Khu BTTN Phong Quang sẽ thực hiện cho thuê môi trường rừng cho từng nhà đầu tư quan tâm một hoặc nhiều vị trí để thuê môi trường rừng phát triển dịch vụ du lịch sinh thái theo quy định của pháp luật.

+ Sau khi đề án được phê duyệt Khu BTTN Phong Quang tiến hành xây dựng hồ sơ tiêu chí để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định của pháp luật hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

+ Các loại hình, sản phẩm như: Các sản phẩm của loại hình du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; loại hình du lịch khám phá tự nhiên, du lịch mạo hiểm; Loại hình du lịch giáo dục, trải nghiệm chuyên đề; Loại hình du lịch công vụ; Loại hình du lịch văn hoá, lịch sử. Và các quy mô tại các khu vực, hạ tầng được quy hoạch theo Đề án được phê duyệt.

+ Xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái đảm bảo tuân thủ quy định theo phân khu chức năng quản lý và phân khu phát triển du lịch. Các công trình xây dựng, lắp dựng phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan môi trường và phù hợp với các quy định hiện hành.

- Theo quy định tại điều 14 NĐ 156/2018/NĐ được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 6 Điều 1 Nghị định 91/2024/NĐ-CP sửa đổi bổ sung khoản 6 điều 14 về Cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

+ Chủ rừng được cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đặc dụng thông qua hợp đồng cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

+ Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí lập hồ sơ đăng ký theo các yêu cầu của chủ rừng được theo quy định và nộp cho chủ rừng.

+ Chủ rừng căn cứ hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm theo tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình. Trường hợp chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

+ Giá cho thuê môi trường rừng trong hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu và phải quy ra giá trị tuyệt đối để chủ rừng đánh giá, được ghi rõ trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng. Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu theo thực tế được quy ra giá trị tuyệt đối thấp hơn mức giá trị tuyệt đối ghi trong hợp

đồng ký kết thì số tiền tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng nộp cho chủ rừng tối thiểu bằng số tiền ghi trong hợp đồng

+ Thời gian thuê môi trường rừng không quá 30 năm, định kỳ 05 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn thì chủ rừng xem xét kéo dài thời gian cho thuê không quá hai phần ba thời gian thuê lần đầu.

+ Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng theo mẫu tại Phụ lục IA kèm theo Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/07/2024, chủ rừng phải thực hiện kiểm kê, thống kê hiện trạng rừng theo trạng thái trên diện tích cho thuê môi trường rừng để làm căn cứ bàn giao mốc giới, hiện trạng và quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng.

2.4.4. Đề xuất các danh mục dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện

2.4.4.1. Khái toán đầu tư, nguồn vốn, phân kỳ đầu tư và phương án huy động vốn

- Tổng mức đầu tư, phân kỳ của Đề án: Thể hiện chi tiết trong dự án du lịch sinh thái, được xây dựng sau khi đề án được phê duyệt.

- Phương án huy động vốn:

+ Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa): Chủ yếu từ hình thức cho thuê môi trường rừng, hợp tác liên kết để phát triển DLST. Đây là phương thức huy động chính từ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển DLST Khu BTTN Phong Quang giai đoạn 2024 - 2030;

- Sau khi đề án được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt BQL Rừng đặc dụng Phong Quang xây dựng hồ sơ tiêu chí để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, hợp tác liên kết đảm bảo công bằng, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật hiện hành; Tổng vốn của các phân khu được tạm xác định theo quy hoạch tổng mặt bằng bố trí công trình. Trong quá trình triển khai từng dự án cụ thể nhà đầu tư có thể nâng hoặc giảm tổng mức theo kế hoạch kinh doanh của công ty để đảm bảo hiệu quả đầu tư cao nhất. Nhà đầu tư được điều giá trị vốn đầu tư nhưng không được xây dựng vượt quá các chỉ tiêu diện tích xây dựng đã phê duyệt trong đề án.

- Đề án xác định tối ưu nguồn lực kêu gọi đầu tư bằng hình thức cho thuê môi trường và hợp tác liên kết để phát triển DLST trong Khu BTTN Phong Quang giai đoạn 2024 - 2030 nhằm đạt được mục tiêu chung của đề án và hiệu quả kinh tế cao nhất.

2.4.4.2. Các dự án ưu tiên

Tiêu chí lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư

- Việc lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư cần thiết phải xem xét đến nhiều yếu tố đảm bảo tính hiệu quả trong thực hiện đầu tư phát triển du lịch sinh thái vừa đạt hiệu quả kinh tế, đảm bảo gìn giữ các yếu tố về môi trường, văn hoá xã

hội, cân bằng lợi ích giữa phát triển kinh tế và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Do đó, việc lựa chọn các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch sinh thái trong Khu BTTN Phong Quang được sắp xếp theo thứ tự sau.

**Bảng 28. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, kinh phí thực hiện
giai đoạn 2024 - 2030**

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Nguồn vốn	Phương thức thực hiện
1	Điểm du lịch sinh thái hang Tham Luồng	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Hang Tham Luồng. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức, Hợp tác - liên kết, cho thuê MTR
2	Điểm du lịch sinh thái hang Khi	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Hang Khi Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
3	Điểm du lịch sinh thái Phìn Săng	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Hang Phìn Săng. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
	Điểm du lịch sinh	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm	2024 - 2025	Kêu gọi đầu tư (nguồn	Hợp tác - liên kết Cho thuê

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Nguồn vốn	Phương thức thực hiện
4	thái Đông Phong Quang	du lịch sinh thái Đông Phong Quang. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2026 - 2030	vốn xã hội hóa)	môi trường rừng
5	Điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Thanh Thủy. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
6	Điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Mã Hoàng Phìn. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
7	Điểm du lịch sinh thái Hang Suối Cụt	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Hang Suối Cụt. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng

TT	Tên dự án	Nội dung các công việc	Giai đoạn triển khai	Nguồn vốn	Phương thức thực hiện
8	Điểm du lịch sinh thái Hoàng Lý Pả	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Hoàng lý Pả. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
9	Điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng A	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái Lũng Giàng. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Hợp tác - liên kết Cho thuê môi trường rừng
10	Điểm du lịch sinh thái hang Pắc Tà	Tổ chức thực hiện lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tại điểm du lịch sinh thái hang Pắc Tà. Tổ chức thực hiện các hạng mục đầu tư theo phần thuyết minh. Tổ chức vận hành.	2024 - 2025 2026 - 2030	Kêu gọi đầu tư (nguồn vốn xã hội hóa)	Tự tổ chức, Hợp tác - liên kết

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG

3.1. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường du lịch, bảo vệ phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

3.1.1. *Giải pháp bảo vệ môi trường du lịch*

- Khi xây dựng các công trình mới hay nâng cấp các công trình phát triển du lịch bên trong hoặc xung quanh Khu BTTN Phong Quang phải tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường cũng như các quy định trong Luật Lâm nghiệp đối với việc đầu tư, xây dựng và khai thác du lịch trong các khu rừng đặc dụng. Các hoạt động xây dựng quy mô cần có đánh giá tác động môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường.

- Ban quản lý Khu BTTN Phong Quang xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá dài hạn để đảm bảo giám sát và giảm thiểu được các tác động tới môi trường từ khi lập kế hoạch, đầu tư và khai thác. Ban quản lý rừng đặc dụng chủ động xây dựng phương án quản lý rác thải và nước thải cho tất cả các điểm dừng chân trên các tuyến du lịch và có biện pháp thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các quy định của Nhà nước về du lịch đến đội ngũ lao động, các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch và cộng đồng nhân dân nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên du lịch; xây dựng nếp sống văn minh, cùng tham gia phát triển du lịch cộng đồng.

- Xây dựng hệ thống biển báo diễn giải môi trường nhằm tuyên truyền cho du khách chấp hành nghiêm chỉnh Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ Môi trường và các quy chế của rừng đặc dụng khi tham gia du lịch. Đồng thời mỗi du khách đến với Khu BTTN Phong Quang khuyến khích trồng thêm một cây xanh, sử dụng túi tự hủy để bảo vệ môi trường.

Xây dựng kế hoạch để tổ chức Điều tra, khảo sát, đánh giá xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận di sản đối với các giá trị đạt tiêu chuẩn nhằm tôn vinh di sản, tạo sự thu hút của du khách đối với các giá trị của Khu BTTN nhằm công nhận hang động, cây di sản.... Đồng thời, đánh giá chi tiết, cụ thể mức độ tác động, ảnh hưởng của đề án đến khu vực dự kiến triển khai và các giá trị khác trong khu vực, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp giữ gìn, bảo tồn các giá trị địa chất, khảo cổ, cảnh quan môi trường... đề xuất các giải pháp về giữ gìn vệ sinh, thu gom rác thải.

3.1.2. *Về bảo vệ rừng, phát triển rừng*

a) Bảo vệ và phát triển rừng

- Xác định ranh giới và đóng mốc ranh giới diện tích lâm phần do Khu BTTN Phong Quang đang quản lý.

- Đặt các bảng bảo vệ rừng tại các điểm ngã ba đường, nơi tiếp giáp dân cư, cửa rừng. Niêm yết bảng nội quy bảo vệ rừng của Khu BTTN Phong Quang tại các Trạm bảo vệ rừng.

- Thực hiện chặt chẽ nội quy bảo vệ xây dựng rừng.

+ Phân khu bảo vệ nghiêm ngặt: Nghiêm cấm các hoạt động làm ảnh hưởng đến tài nguyên rừng, cấm chặt phá cây rừng, cấm săn bắt chim thú, cấm các hoạt động làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên, cấm các hoạt động canh tác, cấm thả đông gia súc vào rừng. Cấm mang vũ khí, các chất cháy nổ, chất độc hại vào Khu BTTN. Các hoạt động thăm quan, du lịch, vui chơi trong KBT phải được phép của Ban quản lý và có cán bộ của Ban quản lý hướng dẫn.

+ Phân khu phục hồi sinh thái: Bảo vệ toàn bộ rừng tự nhiên hiện có, rừng trồng mới (trừ những diện tích quy hoạch chuyển sang xây dựng CSHT và DVDL). Cho phép các dịch vụ thăm quan du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, cắm trại trong những diện tích đã quy định. Thực hiện trồng rừng bằng các loài cây bản địa, cây quý hiếm bảo tồn gen, tăng độ che phủ và tạo cảnh quan môi trường.

+ Phân khu dịch vụ hành chính: Triển khai xây dựng đường vào khu dịch vụ hành chính, trụ sở làm việc, nhà khách, nhà ăn, nhà bảo tàng mẫu vật, khu bán hàng lưu niệm và các công trình khác.

- Xây dựng mạng lưới quản lý và tuần tra bảo vệ rừng: Tổ chức mạng lưới quản lý bảo vệ sâu rộng tới cộng đồng dân cư; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương thúc đẩy mạnh việc thành lập các tổ bảo vệ rừng thôn/bản. Động viên, khuyến khích người dân tham gia bảo vệ, xây dựng và phát triển rừng. Các cán bộ chuyên trách của KBT thường xuyên thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tài nguyên trên toàn địa phận KBT và các tuyến đường. Phát hiện, ngăn chặn và kịp thời xử lý các vụ vi phạm lâm luật.

- Kiện toàn hệ thống các trạm bảo vệ rừng, các tổ tuần tra rừng để giải quyết nhiệm vụ bảo vệ và phục hồi tài nguyên thực vật rừng; Đầu tư xây dựng hạ tầng và đặc biệt đầu tư cho công tác trồng rừng mới, bảo vệ phục hồi các HST rừng tự nhiên.

- Tổ chức tuyên truyền giáo dục bảo vệ rừng: Phổ biến về ý nghĩa, lợi ích, nội quy bảo vệ rừng tại Khu BTTN Phong Quang tới từng thôn bản kết hợp với vận động nhân dân, tuyên truyền sâu rộng tới người dân để cùng có trách nhiệm tham gia bảo vệ và phục hồi rừng.

- Thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát; lập nhà, lán bảo vệ rừng, nhà và lán bảo vệ rừng dự kiến xây mới tại các tuyến đường mòn, tuyến du lịch, điểm du lịch tổ chức trong phạm vi quản lý Khu BTTN Phong Quang để kịp thời nắm bắt

tình hình, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm đến rừng và đất rừng của Khu BTTN bao gồm các hoạt động du lịch và hoạt động của du khách.

- Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng tại các điểm, tuyến du lịch lập nhà, lán bảo vệ rừng xây mới, hàng năm có chương trình làm giàu rừng là biện pháp lâm sinh kết hợp giữa nuôi dưỡng rừng với trồng bổ sung những cây mục đích với số lượng nhất định, đồng thời giữ lại cây mục đích sẵn có trong rừng. Trồng cây bản địa có phân bố trong hệ sinh thái của rừng, phát dọn cây trong băng chặt nhưng để lại những cây mục đích (Chặt tía cây chòi, cây ngoại lai tái sinh xâm lấn trên băng trồng, cây dây leo, cây phi mục đích trong băng chặt) theo Thông tư 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn Quy định về biện pháp lâm sinh.

- Mô hình trồng được liệu dưới tán rừng các tổ chức cá nhân đã hợp tác, ký hợp đồng thuê môi trường rừng tại các điểm, tuyến du lịch được phép tổ chức trồng được liệu dưới tán rừng khi pháp luật cho phép. Các trình tự thủ tục sẽ tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện khen thưởng đối với những cá nhân có tinh thần trách nhiệm tốt về bảo vệ rừng tại Khu BTTN Phong Quang. Đồng thời, xử lý thích đáng theo quy định của pháp luật đối với những hành vi vi phạm quy chế quản lý, bảo vệ rừng tại Khu BTTN Phong Quang.

b) Về Phòng cháy, chữa cháy rừng

- Thành lập ban chỉ đạo và tổ đội phòng cháy chữa cháy rừng.

- Nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng cho cán bộ Khu BTTN Phong Quang và chính quyền địa phương thông qua các lớp tập huấn và diễn tập.

- Bố trí và sử dụng có hiệu quả các công trình và trang thiết bị phục vụ cho phòng cháy chữa cháy rừng. Đặc biệt phát huy hệ thống quản lý theo dõi rừng và đất rừng qua ảnh vệ tinh.

- Phối hợp cùng chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng trong công tác phòng, cháy chữa cháy rừng, đồng thời các trung tâm dự báo khí tượng thủy văn của vùng, khu vực cập nhật thông tin và diễn biến thời tiết.

- Chủ động đề xuất nguồn vốn phục vụ công tác chữa cháy rừng.

- Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng hoặc hợp tác liên kết tại các điểm, tuyến du lịch phải lập phương án phòng cháy chữa cháy rừng theo quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm quản lý đối với diện tích thuê môi trường rừng hoặc hợp tác liên kết điểm, tuyến du lịch, xây dựng hạ tầng PCCCR (Chòi canh lửa, bể nước,...). Phối hợp chặt chẽ với BQL Rừng đặc dụng Phong Quang và lực lượng kiểm tra kiểm soát thường xuyên. Nếu có trường hợp vi phạm cần phải báo cáo ngay cho KBTTN để kịp thời xử lý theo quy định của pháp luật.

- Để chống cháy lan, các khu vực tiếp giáp với vị trí giao thông, khu dân cư, các khu tụ tập đông người cần ưu tiên phát triển các đường băng cản lửa để chống cháy lan.

3.1.3. Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

- Quản lý tài nguyên trên cơ sở cộng đồng theo hướng kết hợp giữa hoạt động bảo tồn và phát triển tài nguyên với hoạt động sản xuất để cải thiện chất lượng cuộc sống người dân (vùng lõi và vùng đệm).

- Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thông qua giao khoán bảo vệ rừng, trồng rừng và chăm sóc rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên; Thực hiện các cuộc điều tra, nghiên cứu cơ bản khu hệ động, thực vật trong khu bảo tồn để đánh giá mức độ đa dạng sinh học, chú trọng đến các loài quan trọng có tính chất chỉ thị, các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng theo Sách đỏ Việt Nam, Danh lục đỏ thế giới.

- Đối với các loài quý hiếm cần xây dựng chương trình điều tra giám sát cụ thể để đảm bảo cung cấp số liệu cập nhật cho công tác quản lý và bảo tồn loài. Hợp tác với các cơ quan ban ngành trong tỉnh, các cơ quan và tổ chức chuyên môn trong nước, các tổ chức quốc tế trong công tác nghiên cứu khoa học, quản lý bền vững HST rừng, phát triển cộng đồng vùng đệm.

- Tăng cường công tác tuần tra rừng, phân công các tổ túc trực trong rừng nhằm ngăn chặn việc khai thác rừng trái phép, ảnh hưởng đến sinh cảnh sống cũng như hạn chế việc người dân vào rừng bẫy bắn chim, thú. Nghiêm cấm các hoạt động săn bắn, buôn bán động vật hoang dã của người dân địa phương. Đồng thời, hỗ trợ về nguồn vốn, kỹ thuật, giúp người dân địa phương tham gia chăn nuôi các loài động vật hoang dã, nhằm nâng cao đời sống vật chất và giảm các tác động tới nguồn tài nguyên động vật hoang dã.

- Nghiên cứu các kỹ thuật duy trì, phục hồi và bảo vệ các tài nguyên du lịch. Xây dựng mạng lưới giám sát quan trắc, đánh giá tài nguyên. Thực hiện đánh giá thường xuyên về số lượng, chất lượng tài nguyên.

- Tăng cường biện pháp quản lý trong xây dựng, phát triển và kinh doanh du lịch, chú trọng xử lý nước thải, chất thải ở các tuyến, điểm dừng chân, điểm du lịch, khu du lịch và khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các công nghệ thân thiện môi trường.

- Áp dụng chế độ xử phạt rõ ràng đối với doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Đa dạng hóa phương thức quản lý tài nguyên môi trường hướng tới phát triển bền vững.

- Xây dựng kế hoạch và bảo tồn hệ thống tài nguyên du lịch từng vùng. Khoanh định và xác định danh mục các tài nguyên có tính đa dạng sinh học cao.

- Tổ chức theo dõi thường xuyên những biến động để có những giải pháp kịp thời khắc phục sự cố, tình trạng xuống cấp về tài nguyên và môi trường du lịch; quản lý chặt chẽ những hoạt động du lịch sinh thái.

3.2. Nhóm các giải pháp về cơ chế, chính sách và quản lý

- Chủ động đề xuất xây dựng, điều chỉnh cơ chế chính sách và các thủ tục hành chính để chủ động trong công tác quản lý và phát triển nhân lực du lịch, quản lý thu chi, phát triển sản phẩm du lịch, xây dựng cơ sở vật chất liên quan đến du lịch của Khu BTTN.

- Xây dựng chính sách về định giá môi trường rừng để giá trị rừng được công nhận, tạo điều kiện phát triển du lịch bằng hình thức cho thuê môi trường rừng, liên doanh liên kết tại Khu BTTN Phong Quang.

- Xây dựng chính sách khuyến khích nhà đầu tư tham gia vào hoạt động DLST trong Khu BTTN Phong Quang theo hướng liên doanh liên kết, cho thuê môi trường rừng tại một số điểm đến như điểm nghỉ dưỡng tại các phân khu hành chính dịch vụ,...

- Xây dựng các cơ chế chia sẻ lợi ích giữa Khu BTTN Phong Quang và cộng đồng địa phương/doanh nghiệp khi hợp tác tổ chức du lịch tại các điểm đến trong KBT như: Hang Tham Luồng, hang Khỉ, hang Pắc Tà, hang Suối Cụt...

- Xây dựng chính sách thí điểm thu phí môi trường rừng đối với các doanh nghiệp, cơ sở lưu trú kinh doanh tại vùng đệm của Khu BTTN Phong Quang nhằm mục đích tái đầu tư cho công tác bảo tồn loài và bảo vệ rừng.

- Tham mưu cho chính quyền địa phương ban hành các chính sách khuyến khích phát triển DLCD, khuyến khích bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng dân tộc người Dao, Mông; ưu đãi cho doanh nghiệp du lịch khi tiêu thụ sản phẩm trực tiếp từ cộng đồng hoặc liên kết du lịch với Khu BTTN Phong Quang

- Tổ chức tham vấn các bên nhằm sớm thực hiện cơ chế tự chủ tài chính sau khi có nguồn thu ổn định từ hoạt động dịch vụ du lịch. Đây là hoạt động quan trọng nhằm sớm khẳng định vai trò chủ động trong việc khai thác hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên của Khu BTTN Phong Quang.

- Định kỳ hàng năm Ban quản lý Khu BTTN Phong Quang báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về hoạt động du lịch (số lượng khách đến, số khách lưu trú tại địa bàn, loại sản phẩm du lịch ưa thích....) để kịp thời điều chỉnh các định hướng trong phát triển du lịch.

- Cơ cấu lại bộ máy quản lý về du lịch tại Khu BTTN Phong Quang, cần có 01 cán bộ theo dõi về lĩnh vực du lịch; thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng cá nhân nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong thực hiện công việc được giao.

3.3. Nhóm các giải pháp về nâng cao nhận thức và phát triển nguồn nhân lực du lịch

- Phối hợp với Hiệp hội du lịch tỉnh tổ chức các lớp tập huấn cho đội ngũ lao động hoạt động trong lĩnh vực du lịch.

- Liên kết với các tổ chức/doanh nghiệp mở các lớp đào tạo, nâng cao năng lực quản lý và điều hành du lịch cho các cán bộ, viên chức trong Khu BTTN Phong Quang, cán bộ thôn, xã về quản lý, điều phối du lịch, kỹ năng mềm như điều hành tour, diễn giải môi trường, truyền thông, tiếp cận khách hàng ...nhằm đáp ứng nhân sự khi các điểm tham quan/du lịch được đề xuất đi vào hoạt động.

- Cử cán bộ tham gia tập huấn nghiệp vụ du lịch và học kỹ năng hướng dẫn, diễn giải môi trường và cấp thẻ hướng dẫn viên cho các cán bộ KBT cũng như các cộng tác viên cộng đồng tham gia hoạt động du lịch, giáo dục môi trường, tuyên truyền về bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học.

- Liên kết đào tạo mở rộng cho cả cán bộ KBT và cộng đồng địa phương những nội dung nâng cao (đào tạo theo nhu cầu) như: Kỹ năng tiếp cận khách hàng mục tiêu; kỹ năng ứng dụng công nghệ trong liên lạc, quảng bá hình ảnh, marketing online;... (đa dạng hoá các hình thức đào tạo như đào tạo từ xa, đào tạo trực tiếp, đào tạo thông qua học tập thực tế,...)

- Phối hợp các trường đại học/cao đẳng xây dựng các chương trình thực tập dành cho sinh viên du lịch/lâm nghiệp theo hình thức không thu phí/có trả phí để tăng cường thu hút nhân lực du lịch cho KBT.

- Xây dựng kế hoạch rà soát, đánh giá nhân sự định kỳ theo quý, theo năm. Việc xem xét và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên nhằm kịp thời bổ trợ các mặt yếu cũng như khen thưởng các cá nhân có thành tích tốt trong hoạt động du lịch.

3.4. Nhóm giải pháp về phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

- Khi xây dựng Dự án đầu tư du lịch, cần lập kế hoạch chi tiết và tổng thể đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tại các tuyến, điểm tham quan theo những hạng mục được đề xuất trong Đề án.

- Trên cơ sở đề án, khuyến khích các cá nhân, tổ chức lập dự án thuê môi trường rừng, liên kết, nhận khoán kinh doanh dịch vụ du lịch để đầu tư các công trình phục vụ du lịch tại Khu BTTN Phong Quang. Từ đó tạo ra sự phong phú, đa dạng và nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch như lưu trú, ăn uống, vui chơi,...

- Xây dựng Trung tâm hành chính trở thành trung tâm du khách để phát triển thành điểm du lịch cho du khách, cung cấp các dịch vụ lưu trú, ăn uống, mua sắm, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ bổ trợ khác.

- Tại các tuyến du lịch cần xây dựng các điểm dừng chân hấp dẫn để thu hút khách du lịch, tạo hiệu ứng truyền thông mạnh, giúp du khách thấy thoải mái trước khi tham gia các hoạt động du lịch trong Khu BTTN như đặt băng rôn, khẩu hiệu, biển chỉ dẫn bắt mắt và mang thông điệp tích cực tới du khách.

- Ưu tiên xây dựng, cải tạo các tuyến đường mòn tiếp cận đến các điểm

tham quan như: Tuyến 1; Tuyến 2; Tuyến 3....

+ Khi lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí cần đánh giá cụ thể đối với hiện trạng lưới điện khu vực thuộc phạm vi xây dựng Dự án về: quy mô, công suất dự kiến sử dụng điện của Dự án để phối hợp với Công ty điện lực Hà Giang, điện lực TP Hà Giang và huyện Vị Xuyên thỏa thuận phương án đầu nối điện lưới phục vụ Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Xây dựng các mô hình chụp ảnh độc đáo, khuyến khích sử dụng nguyên liệu tự nhiên như gỗ tận dụng, gạch tái chế, v.v để vừa hấp dẫn khách du lịch vừa góp phần nâng cao ý thức người dân về bảo vệ môi trường.

3.5. Nhóm giải pháp về phát triển loại hình, sản phẩm du lịch

- Trước mắt, xác định DLST, du lịch khám phá, du lịch trải nghiệm thiên nhiên là loại hình du lịch chủ đạo của Khu BTTN Phong Quang. Xây dựng bộ sản phẩm cụ thể cho từng tuyến du lịch chính (Tuyến 1; Tuyến 2; Tuyến 3) và Điểm dừng chân khám phá hang Tham Luồng; hang Khi; hang Pắc Tà; điểm du lịch khám phá văn hóa cộng đồng thôn Lũng Thiêng, thôn Hoàng Lý Pả, hang Suối Cụt, bao gồm:

- Xây dựng chương trình, nội dung chi tiết cho từng tuyến du lịch, xác định rõ nội dung để gắn kết điểm tham quan, khám phá trên từng tuyến để thu hút du khách.

- Bổ sung hoạt động trong từng chuyến đi như tổ chức trò chơi vận động, trò chơi nhóm, tăng khả năng sáng tạo và gắn kết du khách. Bên cạnh đó truyền tải thông điệp bảo vệ môi trường, bảo vệ động vật hoang dã đến khách du lịch.

- Xây dựng các điểm dừng quan sát, chụp ảnh và các biển báo chỉ dẫn, diễn giải môi trường dọc tuyến để du khách trải nghiệm, khám phá các hệ sinh thái tự nhiên, thác nước có trong vùng.

- Xây dựng các sản phẩm kết nối giữa điểm đến trong Khu BTTN Phong Quang với các thôn/bản văn hóa cộng đồng tại vùng đệm KBT. Ưu tiên kết nối các xã: Minh Tân, Phong Quang, Thuận Hòa, Tả Ván, Tùng Vài....

- Thực hiện chọn lựa những sản phẩm trưng bày, bán sản phẩm địa phương như đồ thổ cẩm, đồ đan lát, thuốc tắm, thuốc bóp,...

- Phối hợp với địa phương lập kế hoạch tổ chức các sản phẩm du lịch lễ hội, sự kiện thường niên mang thương hiệu Phong Quang để bảo tồn và quảng bá được nét văn hóa đặc trưng của đồng bào dân tộc nơi đây....

3.6. Nhóm giải pháp về đầu tư du lịch

- Tập trung đầu tư đồng bộ có trọng tâm, trọng điểm để kích thích xã hội hoá đầu tư du lịch. Trước mắt ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch.

- Tập trung đầu tư các công trình trọng điểm, đầu mối như hệ thống đường giao thông, cấp, thoát nước, điện, thông tin liên lạc.
- Thực hiện xã hội hoá đầu tư phát triển du lịch, tạo điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, dịch vụ hỗ trợ đầu tư để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển du lịch.
- Huy động vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong nước, vốn tự có của các hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch.
- Khai thác các nguồn tín dụng ưu đãi, vốn vay ODA.
- Triển khai chính sách cho thuê môi trường rừng với các tổ chức đáp ứng được các điều kiện nhất định.
- Tỉnh Hà Giang tạo cơ hội, cơ chế ưu đãi về tín dụng (cho vay tiền lãi suất thấp, thời hạn dài), ưu tiên cho thuê môi trường rừng... đối với các doanh nghiệp và hộ gia đình có nhu cầu kinh doanh DLST, phát triển làng nghề và các dịch vụ phục vụ đời sống kinh tế, văn hóa của người dân địa phương tại khu bảo tồn.

3.7. Nhóm giải pháp về liên kết phát triển du lịch

- Phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Hiệp hội du lịch, lữ hành trong tỉnh xây dựng cơ chế thu hút khách du lịch đến tham quan tại các điểm tham quan và các tuyến du lịch, khám phá, trải nghiệm thuộc Khu BTTN Phong Quang.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng, các công ty lữ hành trong tỉnh để tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch của Khu BTTN Phong Quang nói riêng và du lịch Hà Giang nói chung đến khách du lịch trong nước.
- Ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch; xây dựng các chuyên đề, nội dung trên một số trang báo mạng điện tử. Liên kết website của các tỉnh/thành phố để cung cấp thông tin và quảng bá du lịch, đặc biệt là các địa phương đã ký kết hợp tác phát triển du lịch với tỉnh Hà Giang.

Khuyến khích các doanh nghiệp tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến du lịch, xây dựng thương hiệu của đơn vị nói riêng cũng như của địa phương nói chung.

3.8. Nhóm giải pháp về xúc tiến quảng bá và phát triển thị trường du lịch

- Thành lập bộ phận truyền thông, xúc tiến, quảng bá cho hoạt động DLST ở Khu BTTN Phong Quang với cơ chế vận hành linh hoạt, tập trung đưa và cập nhật trên các kênh trực tuyến và xúc tiến tại các hội chợ, trung tâm du lịch.
- Tổ chức các hoạt động nghiên cứu, điều tra thị trường du lịch để có được thông tin về diễn biến thị trường làm cơ sở cho cách hoạt động xúc tiến quảng bá, xây dựng hình ảnh, thương hiệu, phát triển sản phẩm du lịch.
- Xã hội hóa hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch thông qua trang thông tin cá nhân, các mạng xã hội như: Facebook, Zalo,.. và các diễn đàn du lịch chính thống khác.
- Liên kết các cơ quan truyền thông có uy tín để quảng bá và tạo dựng

hình ảnh DLST tại Khu BTTN Phong Quang.

- Tổ chức các hội nghị xúc tiến du lịch, các chương trình lễ hội ở địa phương để giới thiệu quảng bá điểm đến du lịch Phong Quang.

3.9. Nhóm giải pháp về phát triển cộng đồng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa

- Phối hợp với Trung tâm Thông tin và xúc tiến Du lịch; Sở Du lịch, Hiệp hội Du lịch tỉnh, các doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn tỉnh Hà Giang trong công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia vào bảo vệ di sản văn hóa gắn với hoạt động phát triển du lịch, xây dựng đời sống văn hóa; chú trọng đến bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống (Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể) trong đời sống của cộng đồng, góp phần tích cực trong phát triển hoạt động du lịch của địa phương và KBT.

- Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia tích cực vào hoạt động du lịch cũng như bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch sẵn có tại địa phương.

- Bảo tồn và phát triển giá trị văn hóa của cộng đồng dân tộc Dao, Mông là hết sức cần thiết. Đầu tư kinh phí để nghiên cứu, điều tra, sưu tầm, bảo tồn những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng nơi đây.

- Cùng với xây dựng kế hoạch phát triển du lịch Khu BTTN Phong Quang cũng cần xây dựng kế hoạch phát triển các loại hình dịch vụ như mở rộng quảng bá, các bài thuốc gia truyền chữa bệnh của cộng đồng người Dao xã Minh Tân.

- Phát triển các ngành nghề phụ như dệt thổ cẩm của phụ nữ dân tộc Dao, đồng thời tăng cường sản xuất nông sản sạch bán cho khách du lịch.

3.10. Nhóm giải pháp về diễn giải, giáo dục

Thực hiện công tác diễn giải môi trường và giáo dục môi trường thông qua các chương trình du lịch, chương trình tham quan nhằm nâng cao nhận thức của du khách về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường tự nhiên;

Lồng ghép nội dung tuyên truyền bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường rừng trong các đợt tuyên truyền về văn hóa, giáo dục, kinh tế, xã hội của địa phương nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng;

Đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ Khu BTTN Phong Quang về hoạt động diễn giải môi trường nhằm góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, nâng cao tính giáo dục môi trường và bảo tồn thiên nhiên đến khách du lịch;

Tổ chức các chương trình du lịch, các tour du lịch theo các chủ đề trong đó nhấn mạnh đến công tác giáo dục môi trường, diễn giải môi trường để thấy được vai trò của rừng và trách nhiệm của khách du lịch và cộng đồng trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ tài nguyên rừng tại Khu BTTN Phong Quang.

Định hướng sản phẩm diễn giải tập trung tại Văn phòng Ban quản lý; xây dựng kế hoạch truyền thông, quảng bá tới khách du lịch về sản phẩm giáo dục diễn giải.

3.11. Nhóm giải pháp về an ninh, an toàn trong tổ chức hoạt động du lịch

Sau khi Đề án được phê duyệt, BQL rừng đặc dụng Phong Quang chủ trì xây dựng kế hoạch phối hợp với các lực lượng như Công an, Dân quân, tự vệ, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự..... để có phương án bảo vệ an toàn, an ninh khu vực và bảo vệ an toàn cho du khách, giữ vững an ninh. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát tại các tuyến du lịch, các khu vực tập trung khách du lịch, có nguy cơ xảy ra mất an toàn đối với du khách; phát hiện, xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi xâm hại đến tính mạng, tài sản của khách du lịch. Tổ chức có hiệu quả công tác vận động quần chúng tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, xây dựng thể trận an ninh nhân dân vững chắc gắn với thể trận quốc phòng toàn dân;

Thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định của Nhà nước, đảm bảo an toàn cho người lao động và khách du lịch;

Phối hợp với các cơ quan quản lý thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện cam kết của các doanh nghiệp kinh doanh hoạt động du lịch trên địa bàn nhằm đảm bảo môi trường hợp tác du lịch minh bạch, văn minh. Định kỳ giám sát, kiểm tra hệ thống cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, nhằm đảm bảo yếu tố an toàn trong mọi mùa vụ;

Triển khai các lớp huấn luyện về kỹ năng đi rừng cho hướng dẫn viên: Cách sử dụng các thiết bị sơ cấp cứu trong trường hợp khẩn cấp, kỹ năng giải cứu, hoặc sử dụng các thiết bị đi rừng như GPS, bộ đàm và ứng phó với các điều kiện thời tiết bất thường như mưa lớn, lốc, mưa đá, lũ,...;

Các đơn vị khai thác dịch vụ tổ chức cấm các biển cảnh báo, rào chắn tại các nơi nguy hiểm, đặc biệt là tại các khe suối, vách núi, vực sâu...; Cấm các biển chỉ dẫn đường;

Triển khai các khóa tập huấn về sơ cứu và ứng phó tình huống khẩn cấp cho hướng dẫn viên tại BQL Rừng đặc dụng Phong Quang và địa phương 6 tháng/lần. Thiết lập quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp và hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện. Tăng cường bộ phận y tế, cứu hộ trong thời gian cao điểm du lịch, đặc biệt chú trọng tới những khu vực diễn ra loại hình du lịch mạo hiểm, khám phá thiên nhiên;

Thực hiện có hiệu quả công tác PCCCR; xây dựng phương án PCCCR theo từng giai đoạn, trong đó xác định các khu vực trọng điểm dễ cháy rừng trong mùa khô hàng năm, xây dựng các giải pháp PCCCR như: Làm giảm vật liệu cháy, kiện toàn ban chỉ đạo, chuẩn bị các trang thiết bị phục vụ PCCCR và kịch bản chữa cháy rừng theo phương án 4 tại chỗ (Lực lượng, chỉ huy, phương

tiện và hậu cần); tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về công tác PCCCR và các quy định trong công tác PCCCR tại các tuyến, điểm du lịch và triển khai cho nhà đầu tư: Thuê môi trường rừng, liên doanh, liên kết; các công ty lữ hành biết để thực hiện.

Sau khi phương án được phê duyệt, quá trình Lập dự án kinh doanh du lịch sinh thái chủ trì phối hợp Ban quản lý rừng đặc dụng Phong Quang rà soát khoanh định vùng tiềm năng để định hướng phát triển một số sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng sức khỏe của khách du lịch (sản phẩm du lịch mạo hiểm) quy định tại Điều 8. Nghị định số 168/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.

3.12. Nhóm giải pháp chuyển đổi số hướng đến du lịch thông minh

Nghiên cứu các đề án, chương trình chuyển đổi số trong ngành du lịch của địa phương và cả nước. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Hà Giang trong tiếp cận thông tin, phân tích thông tin và ứng dụng công nghệ cao trong hoạt động du lịch;

Đầu tư trang thiết bị để áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phục vụ công tác nghiên cứu, điều tra, giám sát, theo dõi diễn biến đa dạng sinh học phục vụ diễn giải môi trường trong du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực của BQL Rừng đặc dụng Phong Quang về các kiến thức, kỹ năng và hiểu biết về công nghệ và chuyển đổi số. Tập huấn các kỹ năng trong việc sử dụng các thiết bị công nghệ trong hoạt động du lịch;

Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài tỉnh trong việc thực hiện chuyển đổi số, đặc biệt là các tổ chức có kinh nghiệm tổ chức du lịch uy tín để tận dụng các thành tựu, tri thức và kinh nghiệm trong thực hiện chuyển đổi số trong du lịch;

Xây dựng hệ thống giám sát bằng camera tại các điểm, tuyến du lịch, đảm bảo việc giám sát thường xuyên khách du lịch.

3.13. Nhóm giải pháp về vốn và nguồn lực đầu tư

Kinh phí lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Đối với phương thức tự tổ chức, kinh phí lập dự án được cân đối trong kế hoạch tài chính hằng năm, từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc từ nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

Đối với phương thức hợp tác, liên kết, kinh phí lập dự án do các bên thỏa thuận; Đối với phương thức cho thuê môi trường rừng, kinh phí lập dự án do tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm

3.14 Nhóm giải pháp về phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Tập trung vào phát triển các sản phẩm du lịch độc đáo, dựa trên tài nguyên thiên nhiên và văn hóa địa phương, như tour trekking, khám phá hệ sinh thái, tham quan hang động, trải nghiệm đời sống văn hóa bản địa, và các hoạt động dã ngoại, cắm trại. Các sản phẩm này cần được thiết kế phù hợp với tiêu chí bảo tồn thiên nhiên và văn hóa.

Phát triển các loại hình lưu trú như khu nghỉ dưỡng sinh thái (eco-resort), homestay và nhà nghỉ trong rừng, đảm bảo hài hòa với môi trường tự nhiên và văn hóa địa phương. Các cơ sở lưu trú này cần tuân thủ các nguyên tắc về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, và sử dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường.

Thiết kế và tổ chức các hoạt động giải trí ngoài trời như leo núi, đi bộ đường dài, thám hiểm rừng, và các tour du lịch học tập về bảo tồn thiên nhiên và văn hóa. Cần hạn chế các hoạt động có thể gây hại cho môi trường và khuyến khích du khách tham gia vào các hoạt động có ý thức bảo vệ thiên nhiên.

Tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng hướng dẫn du lịch, quản lý dịch vụ, và bảo vệ môi trường cho người dân địa phương. Việc nâng cao năng lực này sẽ giúp cộng đồng địa phương có thể tham gia vào các hoạt động du lịch một cách chuyên nghiệp và hiệu quả hơn.

3.15. Nhóm giải pháp về giá cho thuê môi trường rừng theo quy định

Cần xác định mức giá cho thuê môi trường rừng dựa trên giá trị của tài nguyên thiên nhiên, mức độ bảo vệ cần thiết, và khả năng chi trả của doanh nghiệp và du khách. Mức giá này cần phải đủ cao để đảm bảo chi phí bảo vệ và phát triển bền vững, nhưng cũng phải hợp lý để thu hút các nhà đầu tư và du khách.

Đối với các dự án có tính chất bảo tồn cao, sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường, hoặc có sự tham gia của cộng đồng địa phương, có thể áp dụng các chính sách giảm giá hoặc ưu đãi đặc biệt. Điều này sẽ khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng.

Tất cả các khoản phí thu từ việc cho thuê môi trường rừng cần được quản lý minh bạch và công khai, đảm bảo sử dụng đúng mục đích cho bảo tồn và phát triển bền vững. Cần có các báo cáo định kỳ về việc sử dụng nguồn thu này để tạo niềm tin cho các bên liên quan.

Cần có sự phối hợp giữa Ban quản lý rừng, các cơ quan chức năng, và các chuyên gia để xây dựng các quy định và hướng dẫn chi tiết về giá cho thuê môi trường rừng, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với thực tiễn địa phương.

CHƯƠNG 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, QUẢN LÝ GIÁM SÁT VÀ HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

4.1. Tổ chức thực hiện

4.1.1. Các cơ quan cấp trên trực tiếp

4.1.1.1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra BQL Rừng đặc dụng Phong Quang trong suốt quá trình triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động của Đề án khi được phê duyệt, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định về đầu tư, đất đai, lâm nghiệp, du lịch, bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan.

- Phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh quản lý, trình, thẩm định các dự án đầu tư phát triển tại các khu du lịch theo quy định; hỗ trợ BQL Rừng đặc dụng Phong Quang trong việc thu hút, kêu gọi các nguồn vốn đầu tư thực hiện hiệu quả các nội dung, hoạt động của Đề án được phê duyệt.

4.1.1.2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Căn cứ nội dung đề án, tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Quyết định chương trình XTĐT hàng năm, trong đó tích hợp các dự án thu hút đầu tư phát triển du lịch trong Khu BTTN Phong Quang.

- Hướng dẫn, cung cấp thông tin, tư vấn, cho các nhà đầu tư nghiên cứu khảo sát địa điểm tại huyện Vị Xuyên để thực hiện các dự án đầu tư du lịch sinh thái trong Khu BTTN Phong Quang phù hợp quy định của Luật Đầu tư, luật Lâm nghiệp và các pháp luật hiện hành liên quan.

- Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư theo quy định; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý đầu tư.

4.1.1.3. Sở Tài Chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn Ban quản lý Rừng đặc dụng Phong Quang thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý tài chính.

4.1.1.4. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Sở Văn hóa -Thể thao và Du lịch chủ trì, thực hiện quản lý nhà nước các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Vị Xuyên, Quản Bạ và các đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra BQL Rừng đặc dụng Phong Quang, các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức quản lý các hoạt động du lịch sinh thái, bảo tồn di sản văn hóa, lịch sử trong rừng; lồng ghép kế hoạch, chương trình, quy hoạch phát triển du lịch toàn tỉnh (theo Kế hoạch số 43/KH-UBND) với phát triển du lịch tại Khu BTTN Phong Quang.

Theo dõi, hỗ trợ BQL Rừng đặc dụng Phong Quang đẩy mạnh thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến, kêu gọi các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư, khai thác hoạt động du lịch sinh thái theo nội dung Đề án khi phê duyệt.

4.1.1.5. Sở Tài nguyên và môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, BQL Rừng đặc dụng Phong Quang và các đơn vị có liên quan hướng dẫn chủ đầu tư dự án thực hiện quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường có liên quan đến Dự án đầu tư phát triển du lịch được triển khai theo Đề án.

4.1.1.6. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn BQL Rừng đặc dụng Phong Quang quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng theo phân cấp; chỉ đạo chấp hành, triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực xây dựng của các dự án đầu tư du lịch trên địa bàn theo quy hoạch được duyệt; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn; yêu cầu tổ chức thực hiện cưỡng chế công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

4.1.1.7. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao để phối hợp, theo dõi, hỗ trợ BQL Rừng đặc dụng Phong Quang đẩy mạnh thực hiện các hoạt động quảng bá, xúc tiến, kêu gọi các tổ chức trong và ngoài nước đầu tư, khai thác hoạt động du lịch sinh thái theo nội dung Đề án khi phê duyệt.

4.1.1.8. Hiệp hội Du lịch tỉnh Hà Giang

Phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ BQL Rừng đặc dụng Phong Quang tiếp cận, quảng bá, giới thiệu môi trường đầu tư, kinh doanh để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quan tâm đầu tư, khai thác hiệu quả các hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong tại Khu BTTN Phong Quang. Tăng cường hỗ trợ, đào tạo, tập huấn để nâng cao năng lực, kỹ năng phục vụ hoạt động du lịch cho cán bộ BQL Rừng đặc dụng Phong Quang, cho cộng đồng tại địa phương; vận động các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành xây dựng các chương trình du lịch và tăng cường liên kết với các đơn vị lữ hành của các tỉnh, thành phố để khai thác các tiềm năng du lịch sinh thái tại Khu BTTN Phong Quang, hình thành các chuỗi cung cấp sản phẩm du lịch để thu hút du khách.

4.1.1.9. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Vị Xuyên, Quản Bạ và thành phố Hà Giang chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án khi phê duyệt.

4.1.2. Ban quản lý Khu BTTN Phong Quang

Công bố công khai các nội dung của Đề án; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của Đề án sau khi được phê duyệt.

- Xây dựng hồ sơ tiêu chí để tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định của pháp luật hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của đề án sau khi được phê duyệt; đề xuất xây dựng các chương trình, dự án, nhiệm vụ cụ thể trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư từ các tổ chức trong và ngoài tỉnh, tranh thủ chỉ đạo và hỗ trợ của các các sở, ngành của tỉnh.

- Có các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư hợp pháp để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; chủ trì, phối hợp với các nhà đầu tư để lập các dự án, tiểu dự án đầu tư và các phương án liên doanh, liên kết, kêu gọi đầu tư kết hợp bảo vệ, phát triển rừng bền vững trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Đề án cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, để tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất; đồng thời, chủ trì, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT để sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Đề án hàng năm và 5 năm;

- Phối hợp với các bên liên quan, chính quyền địa phương thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo đúng Luật Lâm Nghiệp, Luật Du lịch và các văn bản pháp luật của Nhà nước, trình các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt đầu tư.

- Sau khi Đề án được phê duyệt, phối hợp với Công an tỉnh trong triển khai, thực hiện các hợp phần, hạng mục...nhằm làm tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự; an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế; công tác phòng cháy, chữa cháy ngay từ cơ sở;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các hoạt động đầu tư, xây dựng của các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức theo đúng các quy định của Nhà nước về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, phát triển du lịch sinh thái trong rừng đặc dụng;

4.1.3. Các cơ quan ban, ngành địa phương liên quan

Hướng dẫn và hỗ trợ BQL Rừng đặc dụng Phong Quang trong các hoạt động phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí để thực hiện hiệu quả Đề án;

Phối hợp với BQL Rừng đặc dụng Phong Quang trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động phát triển du lịch tại địa phương, liên kết với phát triển du lịch tại Khu BTTN Phong Quang;

Kiểm tra, giám sát hoạt động của BQL Rừng đặc dụng Phong Quang theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

a) UBND huyện Vị Xuyên, huyện Quản Bạ và thành phố Hà Giang

Phối hợp với BQL Rừng đặc dụng Phong Quang triển khai hoạt động du lịch trên địa bàn;

Chỉ đạo các ban ngành, UBND các xã xây dựng kế hoạch tôn tạo, phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống, lễ hội, trên địa bàn để phục vụ du lịch;

Chỉ đạo các ban ngành, UBND các xã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động du lịch, quản lý hoạt động, đảm bảo an toàn cho du khách; tăng cường giữ gìn trật tự trị an, vệ sinh môi trường tại các điểm trên địa bàn;

Tăng cường quảng bá, xúc tiến đầu tư thu hút các nhà đầu tư du lịch; tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các hoạt động du lịch;

Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đến đầu tư du lịch tại địa bàn;

Ưu tiên cân đối từ nguồn ngân sách huyện để thực hiện một số hạng mục đầu tư trong Đề án;

b) UBND các xã vùng đệm

Xây dựng kế hoạch bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng địa phương, xây dựng các sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương; duy trì và phát triển các giá trị văn hóa, các lễ hội truyền thống của mỗi dân tộc trên địa bàn các xã;

Tổ chức tuyên truyền, khuyến khích nhân dân đầu tư, tham gia các hoạt động DLCD, DLST trên địa bàn.

4.1.4. Trách nhiệm của cộng đồng địa phương

- Khuyến khích tham gia đầu tư các dịch vụ phục vụ du lịch như: nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, các sản phẩm thủ công, các lễ hội truyền thống... của địa phương;

- Hình thành các nhóm du lịch cộng đồng của từng thôn, bản, cộng đồng phân chia theo dịch vụ du lịch. Đồng thời, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý du lịch cộng đồng, phương thức chia sẻ lợi ích, hướng tới phục vụ chuyên nghiệp và có tổ chức;

- Tham gia các hoạt động quản lý bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên, bảo tồn văn hóa truyền thống, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan, góp phần bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội...;

-Tham gia vào công tác giám sát hoạt động phát triển du lịch sinh thái của KBT. Kịp thời phát hiện và phản ánh những vấn đề phát sinh trong quá trình phát triển du lịch sinh thái tại Khu BTTN Phong Quang;

4.1.5. Trách nhiệm của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển DLST

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp tổ chức quản lý, thực hiện theo quy định hiện hành.

4.2. Tổ chức giám sát, đánh giá

4.2.1. Về mặt tổ chức

Việc giám sát cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp trung ương và địa phương. Cấp trung ương (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) sẽ ban hành các quy định, hướng dẫn và tiêu chuẩn về du lịch sinh thái. Cấp địa phương (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Du lịch, Ban quản lý rừng đặc dụng) sẽ triển khai thực hiện các quy định và giám sát hoạt động cụ thể.

Ban quản lý rừng đặc dụng là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý, giám sát các hoạt động du lịch trong rừng đặc dụng. Ban quản lý cần lập các kế hoạch giám sát chi tiết, tổ chức các đoàn kiểm tra định kỳ và đột xuất để đảm bảo các hoạt động du lịch tuân thủ quy định.

4.2.2. Nội dung giám sát đánh giá

Việc thực hiện giám sát các hoạt động của Đề án du lịch sinh thái về cơ bản được tóm lược theo một số nội dung chính như sau:

- + GSDG các hoạt động du lịch liên quan đến bảo vệ và phát triển rừng.
- + GSDG việc xây dựng các công trình du lịch theo các quy định của Luật Lâm nghiệp, Luật du lịch và cam kết của nhà đầu tư.
- + GSDG các hoạt động kinh doanh du lịch về nội dung hoạt động các yếu tố an toàn cho người tham gia;
- + GSDG các hoạt động có trong báo cáo về đánh giá tác động môi trường, hay cam kết bảo vệ môi trường để đảm bảo tính tuân thủ và việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, bồi hoàn;
- + GSDG hoạt động phối hợp của các bên tham gia hoạt động du lịch sinh thái trong Khu BTTN Phong Quang;
- + Giám sát việc thực hiện các hoạt động liên quan đến BVR, phát triển rừng, cải thiện sinh kế và đời sống người dân.
- + Tổ chức các cuộc kiểm tra định kỳ theo kế hoạch đã được phê duyệt để đảm bảo các hoạt động du lịch tuân thủ quy định và tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường.

+ Thực hiện kiểm tra đột xuất để kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm. Kiểm tra đột xuất đặc biệt quan trọng khi có dấu hiệu vi phạm hoặc khi nhận được phản hồi tiêu cực từ du khách và cộng đồng.

4.2.3. Hệ thống chỉ số giám sát, đánh giá

Quy định trách nhiệm của các doanh nghiệp và tổ chức du lịch: Các doanh nghiệp và tổ chức hoạt động trong khu vực rừng đặc dụng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường và quản lý du lịch. Họ phải thực hiện báo cáo định kỳ về tác động môi trường của hoạt động du lịch và chịu trách nhiệm nếu có vi phạm.

Thiết lập các cơ chế khuyến khích và chế tài: Áp dụng các cơ chế khuyến khích (như giảm thuế, hỗ trợ tài chính) đối với các doanh nghiệp và tổ chức có hoạt động du lịch sinh thái bền vững. Ngược lại, cần có các chế tài nghiêm khắc đối với những vi phạm, bao gồm xử phạt tài chính, đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi giấy phép.

4.2.4. Giám sát đảm bảo an toàn môi trường - xã hội

Quá trình xây dựng Dự án du lịch sinh thái nhất thiết phải có sự tham vấn với các ban ngành có liên quan như: Ban quản lý Rừng đặc dụng, Sở Nông nghiệp và PTNT, Kiểm lâm, Du lịch, Tài nguyên Môi trường, Tài chính, các cấp chính quyền địa phương, cộng đồng người dân (vùng lõi và vùng đệm);... Tuy vậy, để công tác GSDG được tốt, linh hoạt, có hiệu quả, cần thống nhất mấy nguyên tắc cơ bản sau:

(1) Phải đảm bảo sự thống nhất về mục tiêu của phát triển du lịch nhằm tăng năng lực, nguồn lực để bảo vệ phát triển rừng đặc dụng, bảo vệ đa dạng sinh học, các giá trị về văn hóa, lịch sử, bản sắc địa phương. Ngoài ra phải thống nhất với chức năng bảo tồn của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn; thống nhất với Phương án quản lý rừng bền vững.

(2) Kiểm tra, việc cập nhật được hiện trạng rừng một cách chính xác về cả số lượng và chất lượng hàng năm.

(3) Đảm bảo và cải thiện bảo tồn đa dạng sinh học rừng tự nhiên, đặc biệt chú trọng vào các dịch vụ hệ sinh thái vào phát triển du lịch.

(4) Đánh giá được mức độ cải thiện về mặt đời sống người dân vùng đệm khi tham gia du lịch

4.2.5. Phương án đánh giá

Hàng năm phải tổ chức, điều tra các chỉ số kết quả và thu thập số liệu về các chỉ số đầu vào làm cơ sở cho việc đánh giá;

Tổng kết, đánh giá việc thực hiện các nội dung trong đề án, kịp thời kiến nghị UBND tỉnh Hà Giang điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình

hình thực tế của hoạt động du lịch và hoạt động chung đối với rừng đặc dụng Phong Quang.

Cơ quan quản lý và các tổ chức có liên quan cần thực hiện báo cáo định kỳ về kết quả giám sát hoạt động du lịch sinh thái. Báo cáo này phải được công khai rộng rãi để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Công khai thông tin cho cộng đồng: Các kết quả giám sát, bao gồm cả những vi phạm và các biện pháp khắc phục, cần được công khai đến cộng đồng và các bên liên quan để tăng cường sự giám sát từ cộng đồng.

Trong thời gian xây dựng Dự án đầu tư du lịch, cần xây dựng một khung giám sát, đánh giá (gồm: nội dung, chỉ số giám sát, phương pháp, giám sát....) về các hoạt động du lịch sinh thái trong Khu BTTN Phong Quang.

4.3. Hiệu quả của đề án

4.3.1. Hiệu quả kinh tế

Nguồn thu từ du lịch góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương. Chuyển dịch từ cơ cấu kinh tế phụ thuộc vào nông nghiệp sang dịch vụ du lịch có giá trị cao.

Thông qua lượng du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, sẽ tạo ra môi trường thuận lợi trong việc quảng bá và tiêu thụ các mặt hàng sản xuất từ nông nghiệp, chăn nuôi, làng nghề cho các địa phương, thúc đẩy sự phát triển các nghề truyền thống. Hoạt động DLST tại Khu BTTN Phong Quang thúc đẩy các hoạt động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương thông qua hoạt động kinh doanh bán các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của địa phương cho du khách. Ngoài ra, tỉnh Hà Giang có nguồn dược liệu phong phú; việc trồng trọt, thu hái, sản xuất, chế biến, bào chế thuốc và các sản phẩm khác từ nguồn dược liệu trồng, khai thác tại địa bàn tỉnh góp phần quan trọng trong tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương.

Đề án đi vào triển khai thực hiện sẽ tạo nguồn thu cho BQL Rừng đặc dụng Phong Quang thông qua các hình thức cho thuê môi trường rừng, tự tổ chức thực hiện hoặc liên doanh liên kết để phát triển các hoạt động DLST. Từ đó hướng đến giảm dần sự hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ, phát triển rừng.

4.3.2. Hiệu quả văn hóa xã hội

Hoạt động dịch vụ du lịch ở Khu BTTN Phong Quang sẽ thu hút được nguồn lao động địa phương, góp phần tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo, ổn định đời sống nhân dân các xã vùng đệm và giảm áp lực phụ thuộc vào rừng.

Thông qua các hoạt động du lịch, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi sẽ được đầu tư xây dựng, các hoạt động văn hóa truyền thống được phục hồi và duy trì. Điều này góp phần duy trì văn hóa và kiến thức của người dân địa phương theo hướng bền vững.

DLST cộng đồng phát triển là động lực để thúc đẩy toàn bộ cộng đồng cùng chia sẻ những lợi ích từ việc cung cấp dịch vụ du lịch và cơ sở hạ tầng bất kể họ có tham gia tích cực vào du lịch hay không.

Hoạt động du lịch, tăng cường tiếp xúc và giao lưu với du khách cũng giúp nâng cao dân trí của nhân dân trong vùng, góp phần nâng cao nếp sống văn minh, lành mạnh ở các xã gần rừng. Các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc được gìn giữ và phát triển qua hoạt động du lịch văn hóa. Thông qua hoạt động du lịch những nét đẹp văn hóa truyền thống được lưu giữ nhiều đời có cơ hội giới thiệu đến du khách và được quảng bá đến nhiều vùng miền khác nhau.

Trình độ dân trí sẽ được nâng lên từ hoạt động du lịch sinh thái của Khu BTTN Phong Quang: Học sinh và thanh thiếu niên sẽ có động cơ học tập nâng cao trình độ, đặc biệt là học ngoại ngữ để đáp ứng nhu cầu về nguồn lao động du lịch, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tương lai.

4.3.3. Hiệu quả bảo vệ môi trường

DLST là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa gắn với giáo dục và diễn giải về môi trường. Do đó, khi tham gia vào hoạt động DLST sẽ hiểu và trân trọng hơn các giá trị của thiên nhiên, đa dạng sinh học. Hoạt động DLST không chỉ có hiệu quả về mặt kinh tế mà còn có tác dụng giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng đối với môi trường, đa dạng sinh học.

Thực hiện đề án cũng giúp tăng nguồn thu cho khu bảo tồn, nguồn thu đó sẽ được tái đầu tư cho hoạt động bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Qua việc tái đầu tư đó, hoạt động bảo tồn thiên nhiên, công tác bảo vệ rừng hiệu quả hơn, độ che phủ của rừng được nâng cao sẽ cung cấp các dịch vụ HST hiệu quả hơn như giữ nước, điều hòa được dòng chảy, hạn chế xói mòn, cung cấp nước cho sản xuất, nước sinh hoạt cho cộng đồng.

Góp phần giảm thiểu sự phụ thuộc của người dân địa phương vào các hoạt động không bền vững như khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng. Từ đó, cộng đồng địa phương trở nên quan tâm đến các hoạt động bảo tồn thiên nhiên, công tác bảo vệ rừng và các giá trị cảnh quan thiên nhiên.

Góp phần tăng thu nhập và tạo việc làm cho người dân ở vùng đệm, giảm sự phụ thuộc vào rừng từ đó góp phần bảo tồn tài nguyên rừng, đa dạng sinh học của Khu BTTN Phong Quang;

Việc bảo tồn và phát triển được liệu giúp nâng tỷ lệ che phủ rừng, bảo vệ rừng đặc dụng cũng có tác dụng phòng hộ đầu nguồn các sông, suối trong vùng, đảm bảo an ninh môi trường và phát triển bền vững, đây chính là giải pháp tăng trưởng xanh bền vững.

4.3.4. Hiệu quả an ninh quốc phòng

Thông qua việc phát triển du lịch sinh thái tại Khu BTTN Phong Quang và vùng đệm, hoạt động du lịch đem lại thu nhập và việc làm cho người dân, góp phần tích cực trong việc nâng cao nhận thức và đảm bảo an ninh, trật tự xã hội của địa phương.

Hệ thống hạ tầng giao thông được đầu tư đồng bộ, có quy hoạch hợp lý và có tính liên kết vùng sẽ tạo điều kiện kết nối, phát triển các điểm, tuyến du lịch, tạo việc làm ổn định, nâng cao đời sống nhân dân, từ đó sẽ góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh miền núi; tiếp tục củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước và các chủ trương, định hướng, quyết sách phát triển chung của tỉnh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Đề án du lịch sinh thái, khám phá, trải nghiệm tại Khu BTTN Phong Quang, giai đoạn 2024-2030 được xây dựng dựa trên cơ sở điều tra, đánh giá hiện trạng các loại tài nguyên thiên nhiên, văn hóa lịch sử, văn hóa dân tộc đảm bảo tính khoa học và thực tiễn ở Khu BTTN Phong Quang.

Việc lựa chọn các tuyến tổ chức du lịch sinh thái, trải nghiệm, khám phá thiên nhiên, văn hóa, lịch sử trong Khu BTTN Phong Quang và các hạng mục đầu tư cũng như việc đề xuất các giải pháp tổ chức thực hiện được dựa trên kết quả khảo sát thực địa và tham vấn cán bộ các ngành tại địa phương để đánh giá, phân tích, lựa chọn phù hợp với thực tế tài nguyên du lịch ở các tuyến.

Đề án được phê duyệt sẽ góp phần bảo vệ rừng, đa dạng sinh học; bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên; tôn tạo và duy trì được các hoạt động văn hóa truyền thống; duy trì các giá trị dịch vụ hệ sinh thái; khai thác tiềm năng, lợi thế về đa dạng sinh học, danh thắng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc trong khu vực Khu BTTN Phong Quang. Khi đi vào thực hiện đề án sẽ góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho chính cộng đồng địa phương cũng như tạo ra nguồn thu bền vững cho BQL Rừng đặc dụng Phong Quang.

Các hoạt động và cách thức tổ chức thực hiện đề án giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các bên liên quan trong việc bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, các giá trị cảnh quan trong Khu BTTN Phong Quang đồng thời góp phần thực hiện “Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2021, tầm nhìn đến năm 2030” và “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khu Du lịch Quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030”

2. Kiến nghị

Đề nghị Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Hà Giang sớm thẩm định “Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng Đặc dụng Ban quản lý rừng đặc dụng Khu BTTN Phong Quang, giai đoạn 2024-2030”; báo cáo UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt để đơn vị có cơ sở triển khai thực hiện nhiệm vụ cho thuê môi trường rừng, xây dựng dự án đầu tư phát triển du lịch theo đúng kế hoạch.

Đề nghị UBND tỉnh Hà Giang cùng các sở, ban, ngành có liên quan có những cơ chế, chính sách, nguồn vốn để hỗ trợ đẩy mạnh đầu tư Đề án phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu BTTN Phong Quang.

Đề nghị UBND huyện Vị Xuyên, huyện Quản Bạ, thành phố Hà Giang, UBND các xã và các phòng, ban chức năng liên quan phối hợp và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình thực hiện và tham gia hoạt động DLST trong Khu BTTN Phong Quang.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01

I. TRÍCH LUẬT LÂM NGHIỆP; LUẬT DU LỊCH; NĐ 91; NĐ 168

I.1. TRÍCH LUẬT LÂM NGHIỆP VÀ NĐ SỐ 91/2024/NĐ-CP

(1) Luật Lâm nghiệp Quy định về hoạt động Du lịch tại Điều 53:

Điều 53. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy, thực tập, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thực hiện theo Quy chế quản lý rừng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Không được thực hiện hoạt động nghỉ dưỡng, giải trí trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng.

2. Chủ rừng xây dựng đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải lập dự án theo quy định của pháp luật có liên quan và phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

4. Chủ rừng tự tổ chức, hợp tác, liên kết hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học, cảnh quan môi trường và các chức năng khác của khu rừng.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí và quản lý xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thực hiện theo Quy chế quản lý rừng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

(2) Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

Quy định về Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định và tổ chức thực hiện đề án du lịch sinh thái tại Điều 14 và Điều 15 như sau:

Điều 14. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng

1. Chủ rừng tổ chức lập đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung chủ yếu của đề án bao gồm:

a) Đánh giá sơ bộ hiện trạng rừng, khả năng tổ chức thực hiện và các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

b) Thuyết minh sơ bộ phương án phát triển các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bao gồm: vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện;

c) Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tùy thuộc vào hiện trạng rừng từng khu vực, bảo đảm chức năng của khu rừng và tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 15 Nghị định này;

d) Các giải pháp thực hiện đề án bao gồm: giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư; các giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy; phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá cho thuê môi trường rừng theo quy định tại khoản 6 Điều này;

đ) Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

e) Bản đồ hiện trạng rừng của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000;

g) Bản vẽ tổng mặt bằng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng đặc dụng tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000: xác định chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; các yêu cầu khác bảo đảm khai thác, quản lý rừng bền vững (nếu có);

h) Bản đồ tỷ lệ 1/10.000 hoặc 1/25.000 theo hệ quy chiếu VN2000 và thuyết minh về định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật: khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; đường cáp trên không gồm tuyến cáp, nhà ga và trụ đỡ; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy.

2. Kinh phí lập đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cân đối trong kế hoạch tài chính hằng năm, từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc từ nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Hồ sơ đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bao gồm:

a) Tờ trình của chủ rừng (bản chính);

b) Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí quy định tại khoản 1 Điều này (bản chính).

4. Trình tự thẩm định, phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

a) Chủ rừng gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều này đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý hoặc Cục Lâm nghiệp đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi chủ rừng để hoàn thiện và nêu rõ lý do;

b) Trong thời gian 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này tổ chức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về hồ sơ và nội dung của đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều này;

c) Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, cơ quan, tổ chức, cá nhân có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này;

d) Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định bằng văn bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản này có trách nhiệm hoàn thành thẩm định;

đ) Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại điểm a khoản này trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý) hoặc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với khu rừng đặc dụng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý) quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

Quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đề nghị của chủ dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đối với dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

e) Quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải thể hiện các nội dung chính sau đây:

Tổng diện tích thực hiện hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

Các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bao gồm: vị trí, diện tích, hiện trạng, mục đích, thời gian và dự kiến phương thức tổ chức thực hiện;

Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

Các giải pháp thực hiện đề án bao gồm: giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư; các giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy; phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá cho thuê môi trường rừng theo quy định tại khoản 6 Điều này;

Trách nhiệm tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

g) Cơ quan quyết định phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Nội dung, kinh phí, hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này.

5. Nội dung chính thẩm định đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bao gồm:

a) Hiện trạng rừng, khả năng tổ chức thực hiện và các loại sản phẩm, dịch vụ du lịch;

b) Vị trí, địa điểm, quy mô, vật liệu, chiều cao, mật độ, tỷ lệ dự kiến và thời gian tồn tại của các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí tùy thuộc vào hiện trạng rừng từng khu vực, bảo đảm chức năng của khu rừng và tuân thủ các nguyên tắc quy định tại Điều 15 Nghị định này;

c) Thời gian, phương thức tổ chức thực hiện;

d) Các giải pháp về vốn, nguồn lực đầu tư, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường; phòng cháy, chữa cháy; phương thức tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; giá cho thuê môi trường rừng theo quy định tại khoản 6 Điều này;

đ) Sự phù hợp với yêu cầu bảo đảm quản lý rừng bền vững của các chỉ tiêu sử dụng mặt bằng xây dựng, chiều cao công trình đối với từng tuyến, điểm; vị trí, quy mô các công trình ngầm; tính khả thi của khu vực dự kiến điểm đầu nối và mạng lưới giao thông; đường cáp trên không gồm tuyến cáp, nhà ga và trụ đỡ; hệ thống đầu nối và khả năng cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy;

e) Tổ chức giám sát hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

g) Các nội dung khác theo quy định tại các điểm e, g và h khoản 1 Điều này.

6. Cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

a) Chủ rừng được cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng đặc dụng thông qua hợp đồng cho thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Việc cho thuê môi trường rừng phải được thông báo công khai, rộng rãi trong thời gian tối thiểu là 30 ngày, bằng các hình thức: niêm yết tại trụ sở làm việc; đăng trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có); đăng trên cổng thông tin hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp trên trực tiếp của chủ rừng.

b) Thông báo công khai về việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

Thông tin chung về chủ rừng;

Vị trí, diện tích, địa điểm cho thuê môi trường rừng và phương thức dự kiến tổ chức dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

Tóm tắt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

Hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng quy định tại điểm c khoản này;

Thời gian, địa chỉ nộp hồ sơ đăng ký.

c) Chủ rừng tổ chức xây dựng hồ sơ kỹ thuật để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng. Hồ sơ kỹ thuật trước khi thông báo công khai phải được chủ rừng quyết định phê duyệt, bao gồm các tiêu chí cơ bản sau đây:

Yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân trong hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;

Phương án tổ chức kinh doanh phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng đặc dụng được phê duyệt;

Phương án đầu tư tài chính; dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng;

Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời gian hợp đồng;

Cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu;

Ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân đã nhận khoán bảo vệ rừng được đánh giá thực hiện tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

Các điều kiện chuyên môn về quản lý rừng bền vững và tiêu chí khác do chủ rừng quyết định mà không trái với quy định pháp luật.

Các tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật được quy ra số điểm để làm căn cứ đánh giá, lựa chọn với quy định điểm tối thiểu đủ điều kiện đạt của từng tiêu chí; tổng số điểm các tiêu chí đánh giá của hồ sơ kỹ thuật là 100, trong đó quy định tổng điểm tối thiểu đủ điều kiện; tổ chức, cá nhân đủ điều kiện khi đạt được điểm tối thiểu của tất cả các tiêu chí và tổng điểm tối thiểu đủ điều kiện.

d) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí lập hồ sơ đăng ký theo các yêu cầu của chủ rừng được quy định tại điểm b khoản này và nộp cho chủ rừng.

đ) Chủ rừng căn cứ hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân, tổ chức đánh giá để lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm theo tiêu chí của hồ sơ kỹ thuật và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn của mình. Trường hợp chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng.

e) Sau khi lựa chọn được tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng, chủ rừng báo cáo kết quả về cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để chỉ đạo, theo dõi và giám sát.

g) Giá cho thuê môi trường rừng trong hồ sơ đăng ký của tổ chức, cá nhân được tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng doanh thu và phải quy ra giá trị tuyệt đối để chủ rừng đánh giá, được ghi rõ trong hợp đồng cho thuê môi trường rừng.

Trường hợp sau khi ký hợp đồng, tỷ lệ phần trăm tổng doanh thu theo thực tế được quy ra giá trị tuyệt đối thấp hơn mức giá trị tuyệt đối ghi trong hợp đồng ký kết thì số tiền tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng nộp cho chủ rừng tối thiểu bằng số tiền ghi trong hợp đồng.

Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thì không phải thực hiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đối với diện tích thuê môi trường rừng theo quy định Nghị định này.

h) Thời gian thuê môi trường rừng không quá 30 năm, định kỳ 05 năm đánh giá việc thực hiện hợp đồng, hết thời gian cho thuê nếu bên thuê thực hiện đúng hợp đồng và có nhu cầu gia hạn thì chủ rừng xem xét kéo dài thời gian cho thuê không quá hai phần ba thời gian thuê lần đầu.

i) Trước khi ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng theo Phụ lục IA kèm theo Nghị định này, chủ rừng phải thực hiện kiểm kê, thống kê hiện trạng rừng theo trạng thái trên diện tích cho thuê môi trường rừng để làm căn cứ bàn giao mốc giới, hiện trạng và quản lý, giám sát, đánh giá việc thực hiện hợp đồng.

7. Dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng

a) Chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân đã được lựa chọn, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí bảo đảm phù hợp: quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí có cấu phần xây dựng, việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị dự án, giai đoạn thực hiện dự án và giai đoạn kết thúc xây dựng của dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí phải tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng. Các nội dung quy định tại điểm a khoản này là cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đánh giá các nội dung về sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch và sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Đối với dự án không có cấu phần xây dựng, việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan.

c) Chủ rừng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng hoặc hợp tác, liên kết trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo đúng quy định của pháp luật. Sau thời gian 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc thuê môi trường rừng, nếu tổ chức, cá nhân không triển khai thực hiện dự án, chủ rừng xem xét chấm dứt hợp đồng, trừ trường hợp do thiên tai, dịch bệnh, trở

ngại khách quan trong quá trình thực hiện các thủ tục pháp lý và các sự kiện bất khả kháng khác do hai bên thỏa thuận.

d) Kinh phí lập dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

Đối với phương thức tự tổ chức, kinh phí lập dự án được cân đối trong kế hoạch tài chính hằng năm, từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng của chủ rừng hoặc từ nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

Đối với phương thức hợp tác, liên kết, kinh phí lập dự án do các bên thỏa thuận;

Đối với phương thức cho thuê môi trường rừng, kinh phí lập dự án do tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng bảo đảm.

8. Chủ rừng là cộng đồng dân cư được tự tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, tham quan, học tập, nghiên cứu khoa học phù hợp với phương án quản lý rừng bền vững được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.”.

“Điều 15. Quản lý xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng

1. Công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng là công trình thương mại, dịch vụ theo quy định của pháp luật về xây dựng, phải phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định này và bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Không ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, không chặt phá rừng; các công trình xây dựng phải dựa vào thiên nhiên, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên, khuyến khích sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường;

b) Không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước về rừng, tài nguyên thiên nhiên trên mặt đất và dưới lòng đất;

c) Không làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, danh lam thắng cảnh và di tích lịch sử - văn hóa;

d) Chủ dự án chịu trách nhiệm bảo vệ, bảo tồn, phát triển tài nguyên rừng trên diện tổ chức hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát của chủ rừng.

2. Trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt được lập các tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng, kết hợp tổ chức tham quan du lịch sinh thái và giáo dục môi trường rừng, tận dụng các tuyến đường mòn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, cầu dành cho người đi bộ, biển chỉ dẫn bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái.

3. Trong phân khu phục hồi sinh thái

a) Được lập các tuyến đường bộ phù hợp nhưng tối đa không vượt quá quy mô đường ô tô cấp IV miền núi, trạm quan sát cảnh quan, lều trú chân, biển chỉ dẫn, xây dựng các trụ đỡ của đường cáp trên không, đường cáp ngầm dưới mặt đất, cầu dành cho người đi bộ;

b) Được xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ, nổi trên mặt nước, trên trảng cỏ, đất có cây bụi hoặc ở những nơi đất trống được tính theo độ tàn che của cây rừng, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên;

c) Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình được xác định trong đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định này nhưng tổng diện tích công trình không vượt quá 2% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng thuộc phân khu này;

Trường hợp tổng diện tích xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí vượt quá quy định tại điểm này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tiễn và tính chất, quy mô dự án cụ thể có văn bản đề nghị, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

4. Trong phân khu dịch vụ, hành chính của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học

a) Được xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trên trảng cỏ, đất có cây bụi, ở những nơi đất trống tính theo độ tàn che của cây rừng;

b) Được xây dựng, lắp dựng công trình nghỉ dưỡng, lưu trú bằng vật liệu, cấu kiện lắp ghép, dễ tháo dỡ dưới tán rừng, nổi trên mặt nước, đảm bảo không tác động tiêu cực đến sinh trưởng, phát triển và phục hồi tự nhiên của cây rừng, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên;

c) Quy mô, vật liệu, chiều cao, thời gian tồn tại và mật độ, tỷ lệ các công trình được xác định trong đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 14 Nghị định này nhưng tổng diện tích công trình không vượt quá 5% diện tích trong hợp đồng hợp tác, liên kết hoặc cho thuê môi trường rừng.

Trường hợp tổng diện tích xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí vượt quá quy định tại điểm này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tiễn và tính chất, quy mô dự án cụ thể có văn bản đề nghị, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận.

5. Việc cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thuộc dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy định tại Nghị định này.

Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt là cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đánh giá sự phù hợp với quy hoạch xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 91 hoặc vị trí, tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Xây dựng năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Đối với dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thực hiện theo phương thức cho thuê môi trường rừng thì một trong những giấy tờ chứng minh hợp pháp về đất đai trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng của chủ dự án là tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng theo quy định của Chính phủ về các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng, bao gồm: giấy tờ hợp pháp về đất đai của chủ rừng và hợp đồng cho thuê môi trường rừng giữa chủ rừng và tổ chức, cá nhân.”.

I. 2. LUẬT DU LỊCH VÀ NGHỊ ĐỊNH 168

(1) Luật du lịch: (Gồm một số điều có liên quan tới Đề án: Điều 4; 6; 15; 19; 23; 26; 54; 55)

Điều 4. Nguyên tắc phát triển du lịch

1. Phát triển du lịch bền vững, theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, có trọng tâm, trọng điểm.

2. Phát triển du lịch gắn với bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, tài nguyên thiên nhiên, khai thác lợi thế của từng địa phương và tăng cường liên kết vùng.

3. Bảo đảm chủ quyền quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

4. Bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch.

5. Phát triển đồng thời du lịch nội địa và du lịch quốc tế; tôn trọng và đối xử bình đẳng đối với khách du lịch.

Điều 6. Sự tham gia của cộng đồng dân cư trong phát triển du lịch

1. Cộng đồng dân cư có quyền tham gia và hưởng lợi ích hợp pháp từ hoạt động du lịch; có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên du lịch, bản sắc văn hóa địa phương; giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường.

2. Cộng đồng dân cư được tạo điều kiện để đầu tư phát triển du lịch, khôi phục và phát huy các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian, ngành, nghề thủ công truyền thống, sản xuất hàng hóa của địa phương phục vụ khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương.

Điều 15. Các loại tài nguyên du lịch

1. Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái và các yếu tố tự nhiên khác có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

2. Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác; công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch.

Điều 19. Phát triển du lịch cộng đồng

1. Cá nhân, hộ gia đình nơi phát triển du lịch cộng đồng được ưu đãi, khuyến khích cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống; hướng dẫn khách du lịch tham quan, trải nghiệm văn hóa, nếp sống tại cộng đồng; sản xuất hàng hóa, hàng thủ công truyền thống và các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức nghiên cứu, khảo sát, lựa chọn địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng; có chính sách hỗ trợ về trang thiết bị cần thiết ban đầu và bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phục vụ khách du lịch cho cá nhân, hộ gia đình trong cộng đồng tham gia cung cấp dịch vụ du lịch; hỗ trợ xúc tiến sản phẩm du lịch cộng đồng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi phát triển du lịch cộng đồng tổ chức tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cộng đồng; chủ trì xây dựng cam kết của cộng đồng nhằm giữ gìn bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường, ứng xử văn minh đối với khách du lịch.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác, phát triển du lịch cộng đồng có trách nhiệm tôn trọng văn hóa, nếp sống và chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch với cộng đồng.

Điều 23. Điều kiện công nhận điểm du lịch

1. Điều kiện công nhận điểm du lịch bao gồm:

- a) Có tài nguyên du lịch, có ranh giới xác định;
- b) Có kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch;
- c) Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường

theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Điều kiện công nhận khu du lịch

1. Điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh bao gồm:

- a) Có tài nguyên du lịch với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định;
 - b) Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch;
 - c) Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia;
 - d) Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường
- theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện công nhận khu du lịch quốc gia bao gồm:

- a) Có tài nguyên du lịch đa dạng, đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định;
 - b) Có trong danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
 - c) Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ chất lượng cao, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch;
 - d) Các điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.
3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

(2) Nghị định 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Gồm một số điều:

Điều 8. Sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch

Sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch khi có một hoặc một số hoạt động sau đây:

- 1. Bay dù lượn, khinh khí cầu; nhảy dù; đu dây mạo hiểm hành trình trên cao.
- 2. Đi xe đạp, mô tô, ô tô địa hình trên núi, trên đồi cát; đi trên dây; leo núi, vách đá; đu dây vượt thác.
- 3. Lặn dưới nước; chèo thuyền vượt ghềnh thác; đi mô tô nước; lướt ván; ca nô kéo dù bay.
- 4. Thăm hiểm hang động, rừng, núi.

Điều 11. Điều kiện công nhận điểm du lịch

1. Có tài nguyên du lịch, có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực.

2. Có kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch, bao gồm:

- a) Có kết nối giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi;
- b) Có điện, nước sạch;
- c) Có biển chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch;
- d) Có dịch vụ ăn uống, mua sắm.

3. Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm:

- a) Có bộ phận bảo vệ trực 24 giờ mỗi ngày;
- b) Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch;
- c) Có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;
- d) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm;
- đ) Có biện pháp thu gom và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường;

e) Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh

1. Có ít nhất 01 tài nguyên du lịch cấp tỉnh; có ranh giới xác định trên bản đồ địa hình do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Tỷ lệ bản đồ phụ thuộc vào yêu cầu quản lý và địa hình khu vực.

2. Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch, bao gồm:

a) Có hệ thống điện lưới, hệ thống cung cấp nước sạch;

b) Có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, đáp ứng tối thiểu 100.000 lượt khách mỗi năm; hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đáp ứng tối thiểu 50.000 lượt khách lưu trú mỗi năm;

c) Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch; có hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan;

d) Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

3. Có kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia.

4. Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Có bộ phận bảo vệ, cứu hộ, cứu nạn;

b) Công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức quản lý khu du lịch;

c) Có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; có hình thức tiếp nhận và giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;

d) Nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ, tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm;

đ) Có hệ thống thu gom và biện pháp xử lý rác thải; có hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt hoặc hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường;

e) Áp dụng các biện pháp phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Các loại dịch vụ du lịch khác

1. Dịch vụ ăn uống.

2. Dịch vụ mua sắm.

3. Dịch vụ thể thao.

4. Dịch vụ vui chơi, giải trí.

5. Dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

6. Dịch vụ liên quan khác phục vụ khách du lịch.

Điều 55. Phát triển các loại dịch vụ du lịch khác

Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động sau đây:

1. Đầu tư, xây dựng các chuỗi nhà hàng ăn uống, khu ẩm thực, lễ hội ẩm thực nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị ẩm thực truyền thống, tiếp thu tinh hoa ẩm thực thế giới;

2. Đầu tư, xây dựng các khu phố mua sắm, trung tâm mua sắm, chuỗi cửa hàng kinh doanh hàng hóa, đồ lưu niệm, hàng thủ công mỹ nghệ có xuất xứ trong nước, cửa hàng miễn thuế; tổ chức các chương trình khuyến mại hằng năm;

3. Đầu tư phát triển dịch vụ du lịch gắn với thể thao trên cơ sở tài nguyên du lịch và lợi thế về địa hình của Việt Nam; tổ chức các sự kiện thể thao để thu hút khách du lịch;

4. Xây dựng và tổ chức các chương trình nghệ thuật biểu diễn truyền thống và đương đại; kết nối hệ thống bảo tàng, nhà hát với hoạt động du lịch; khai thác trò chơi dân gian, lễ hội truyền thống hấp dẫn khách du lịch; xây dựng các công viên chủ đề, trung tâm giải trí;

5. Cung cấp các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp trên cơ sở khai thác giá trị y học cổ truyền, y học hiện đại;

6. Cung cấp các dịch vụ có liên quan khác theo nhu cầu của khách du lịch và phù hợp với quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC 02. PHỤ BIỂU

Biểu 01. Hiện trạng sử dụng đất Khu BTTN Phong Quang.

Biểu 02. Danh mục các loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm.

Biểu 03. Danh mục các loài động vật chủ yếu Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang

Biểu 04. Danh mục các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang

Biểu 05. Khái toán vốn đầu tư phân giai đoạn, phân nguồn vốn

Biểu 01. Hiện trạng sử dụng đất Khu BTTN Phong Quang phân theo đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị: Ha

TT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích	Hiện trạng sử dụng đất của chủ rừng theo đơn vị hành chính cấp xã						
				P. Quang Trung	Tùng Vài	Tả Ván	Minh Tân	Thuận Hòa	Thanh Thủy	Phong Quang
I	Tổng diện tích đất của chủ rừng quản lý		8.557,10	301,32	27,52	131,10	5.148,69	1.197,80	514,74	1.235,93
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.037,90	282,41	23,47	122,34	4.732,35	1.190,56	496,37	1.190,40
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	404,32	4,19			203,75	9,16	14,39	172,83
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	369,86	3,88			194,54	9,16	13,88	148,40
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	34,46	0,31			9,21		0,51	24,43
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	7.633,58	278,22	23,47	122,34	4.528,60	1.181,40	481,98	1.017,57
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	219,90	16,21	0,00	3,88	8,54	5,02	134,44	51,81
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	29,85	7,99	15,16	0,00	0,43	0,00	5,59	0,68
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	7.383,83	254,02	8,31	118,46	4.519,63	1.176,38	341,95	965,08
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	38,96	6,34			18,53		4,55	9,54
2.1	Đất ở	OCT	22,17	4,33			10,67		3,90	3,27
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	15,27	2,01			7,86		0,65	4,75
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,15	0,15						
2.2.2	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	0,48				0,48			
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,13	0,13						
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	14,51	1,73			7,38		0,65	4,75
2.3	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,52							1,52
3	Đất chưa sử dụng	CSD	480,24	12,57	4,05	8,76	397,81	7,24	13,82	35,99
II	Đất có mặt nước ven biển (quan sát)	MVB								

BIỂU 02: DANH MỤC CÁC LOÀI THỰC VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM
Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang

TT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của			
				IUCN 2021	SĐVN 2007	NĐCP (NĐ84)	CITES 2021
I. MAGNOLIOPHYTA - NGÀNH MỘC LAN							
I.1. Magnoliopsida - Lớp Mộc Lan							
	1-Aristolochiaceae	Họ Mộc hươg					
1	<i>Asarum balansae</i> Franch						
2	<i>Asarum blumei</i> Duch. in DC						
3	<i>Asarum caudigerum</i> Hance	Biến hoá			VU	IIA	
4	<i>Asarum glabrum</i> Merr.	Hoa tiên			VU	IIA	
5	<i>Asarum wulingense</i> Liang	Tế tân núi			IIA		
	2-Berberidaceae	Họ Hoàng liên gai					
6	<i>Berberis wallichiana</i> DC.	Hoàng liên ba gai			EN	IA	
	3-Bignoniaceae	Họ Chùm ớt					
7	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem. ex Schum. var. <i>kerrii</i> Sprague	Thiết đỉnh			VU	IIA	
	4-Campanulaceae	Họ Hoa chuông					
8	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook. f. & Thoms.	Đảng sâm			VU	IIA	
	5-Clusiaceae Họ Bứa	Họ Bứa					
9	<i>Garcinia fagraeoides</i> A. Chev.	Trai lý			IIA	IIA	
	6-Menispermaceae	Họ Tiết dê				VU	
10	<i>Stephania japonica</i> var. <i>discolor</i> (Blume) Forman	Thiên kim đằng			IIA	VU	
11	<i>Stephania longa</i> Lour.	Lỗi tiên			IIA	IIA	

TT	Tên Khoa học	Tên Việt Nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của			
				IUCN 2021	SĐVN 2007	NĐCP (NĐ84)	CITES 2021
12	<i>Stephania tetrandra</i> S. Moore	Phân phôi kỷ			IIA		
	7-Ranunculaceae	Họ Mao lương					
13	<i>Coptis chinensis</i> Franch.	Hoàng liên			CR	IA	
14	<i>Thalictrum foliosum</i> DC.	Thỏ hoàng liên			CR	IIA	
	8-Tiliaceae	Họ Đay					
15	<i>Excentrodendron hsienmu</i> (Gagnep.) Chang & R.H. Miao	Nghiên			EN	IIA	
	9-Convallariaceae	Họ Mạch môn đông					
16	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib.	Hoàng tinh hoa trắng			VU	IIA	
17	<i>Polygonatum kingianum</i> Coll. & Hemsl.	Hoàng tinh vòng			EN	IIA	
	10-Liliaceae	Họ Loa kèn					
18	<i>Lilium brownii</i> F. E. Br. ex Mill. var. <i>viridulum</i> Baker.	Bách hợp			EN	IIA	
	11-Orchidaceae	Họ Lan					
19	<i>Anoectochilus calcareus</i> Aver.	Kim tuyến đá vôi			EN	IA	
20	<i>Dendrobium nobile</i> Lindl.	Thạch斛			IIA		
21	<i>Nervilia fordii</i> (Hance) Schlechter	Thanh thiên quỳ				IIA	
22	<i>Nervilia plicata</i> (Andr.) Schlechter	Chân trâu xếp*					
23	<i>Paphiopedilum dianthum</i> T. Tang & F. T. Wang	Hải xoắn			EN	IA	
24	<i>Paphiopedilum henryanum</i> Braem	Lan hải henry			IA		
25	<i>Paphiopedilum hirsutissimum</i> (Lindl. ex Hook. f.) Stein	Tiên hải			VU	IA	
26	<i>Paphiopedilum malipoense</i> S.C. Chen & Z.H. Tsi	Hải vân nam			EN	IA	
27	<i>Paphiopedilum micranthum</i> T. Tang & F.T. Wang	Hải hoa nhỏ			EN	IA	
28	<i>Paphiopedilum vietnamense</i> Gruss & Perner	Hải việt nam			EN	I	

BIỂU 03. DANH MỤC CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT CHỦ YẾU
Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang

TT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Ghi chú
I	Các loài thú		
1	Culi lớn	<i>Nycticebus begalensis</i>	
2	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>	
3	Khỉ vàng	<i>Macaca mulatta</i>	
4	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>	
5	Nai	<i>Rusa unicolor</i>	
6	Son dương	<i>Capricornis sumatraensis</i>	
7	Tê tê vàng	<i>Manis pentadactyla</i>	
8	Sóc bay lông tai	<i>Belomys pearsoni</i>	
9	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	
II	Các loài chim		
1	Diều hoa Miến Điện	<i>Spilornis cheela</i>	
2	Gà lôi trắng	<i>Lophura nycthemera</i>	
3	Gà tiền mặt vàng	<i>Polyplectron bicalcaratum</i>	
4	Vẹt đầu xám	<i>Psittacula himalayana</i>	
5	Vẹt ngực đỏ	<i>Psittacula alexandri</i>	
6	Bói cá lớn	<i>Magaceryle lugubris</i>	
7	Niệc mỏ vằn	<i>Aceros undulatus</i>	
8	Hồng hoàng	<i>Buceros bicornis</i>	
9	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>	
10	Trèo cây mỏ vàng	<i>Sitta solangiae</i>	
III	Các loài bò sát và ếch nhái		
1	Rồng đất	<i>Physignathus cocincinus</i>	
2	Tắc kè	<i>Gekko gecko</i>	
3	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros</i>	
4	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>	
5	Rắn hổ mang	<i>Naja atra</i>	
6	Rắn hổ mang chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>	

BIỂU 04: DANH MỤC CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM
Khu Bảo tồn thiên nhiên Phong Quang

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Địa điểm phân bố	Theo quy định của:			
				IUCN 2021	SDVN 2007	NĐCP (NĐ84)	CITES 2021
I	Các loài thú						
1	Nycticebus begalensis	Culi lớn		DD	VU	IB	
2	Macaca arctoides	Khỉ mặt đỏ		VU	VU	IIB	
3	Macaca mulatta	Khỉ vàng		LC	LR	IIB	
4	Prionailurus bengalensis	Mèo rừng		LC	IB		
6	Capricornis sumatraensis	Sơn dương		VU	EN	IB	
7	Manis pentadactyla	Tê tê vàng		CR	EN	IIB	
II	Các loài chim						
1	Spilornis cheela	Diều hoa Miến Điện		LC	IIB		
2	Lophura nycthemera	Gà lôi trắng		LC	LR	IB	
3	Polyplectron bicalcaratum	Gà tiền mặt vàng		LC	VU	IB	
4	Psittacula himalayana	Vẹt đầu xám		LC	IIB		
5	Psittacula alexandri	Vẹt ngực đỏ		NT	IIB		
6	Aceros undulatus	Niệc mỏ vằn		LC	VU	IIB	
7	Buceros bicornis	Hồng hoàng		NT	VU	IIB	
8	Copsychus malabaricus	Chích chòe lửa		LC	IIB		
III	Các loài bò sát và ếch nhái						
1	Ptyas korros	Rắn ráo thường		EN	IIB		
2	Bungarus fasciatus	Rắn cạp nong		LC	EN	IIB	
3	Naja atra	Rắn hổ mang		VU	EN	IIB	
4	Ophiophagus hannah	Rắn hổ mang chúa		VU	CR	IB	

Biểu 05. Khái toán vốn đầu tư phân giai đoạn, phân nguồn vốn

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu)	Tổng khối lượng	Tổng cộng	Phân theo giai đoạn							
						Giai đoạn 2024-2025				Giai đoạn 2026-2030			
						Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách	Kêu gọi đầu tư	Nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách	Kêu gọi đầu tư	Nguồn vốn hợp pháp khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng cộng					4.001	1.000	0	1.000	0	3.001	0	2.301	700
1. Tuyến 1: Tìm hiểu những nét đặc trưng văn hóa cộng đồng, kết hợp với việc khám phá cảnh đẹp, trải nghiệm thiên nhiên					748	0	0	0	0	748	0	748	
Thùng thu gom rác thải	Thùng	4	1	4	4					4	0	4	
Bảng chỉ dẫn thông tin	bảng	4	1	4	4					4	0	4	
Khu vệ sinh 40 m ²	khu	4	10	4	40					40	0	40	
Tu bổ nâng cấp đường đi bộ: 5 km	km	5	10	5	50					50	0	50	
Cáp đu dây	cáp	1	500	1	0							500	
Xây dựng chòi quan sát : 25 m2/chòi (75m2)	chòi	3	50	3	150					150	0	150	

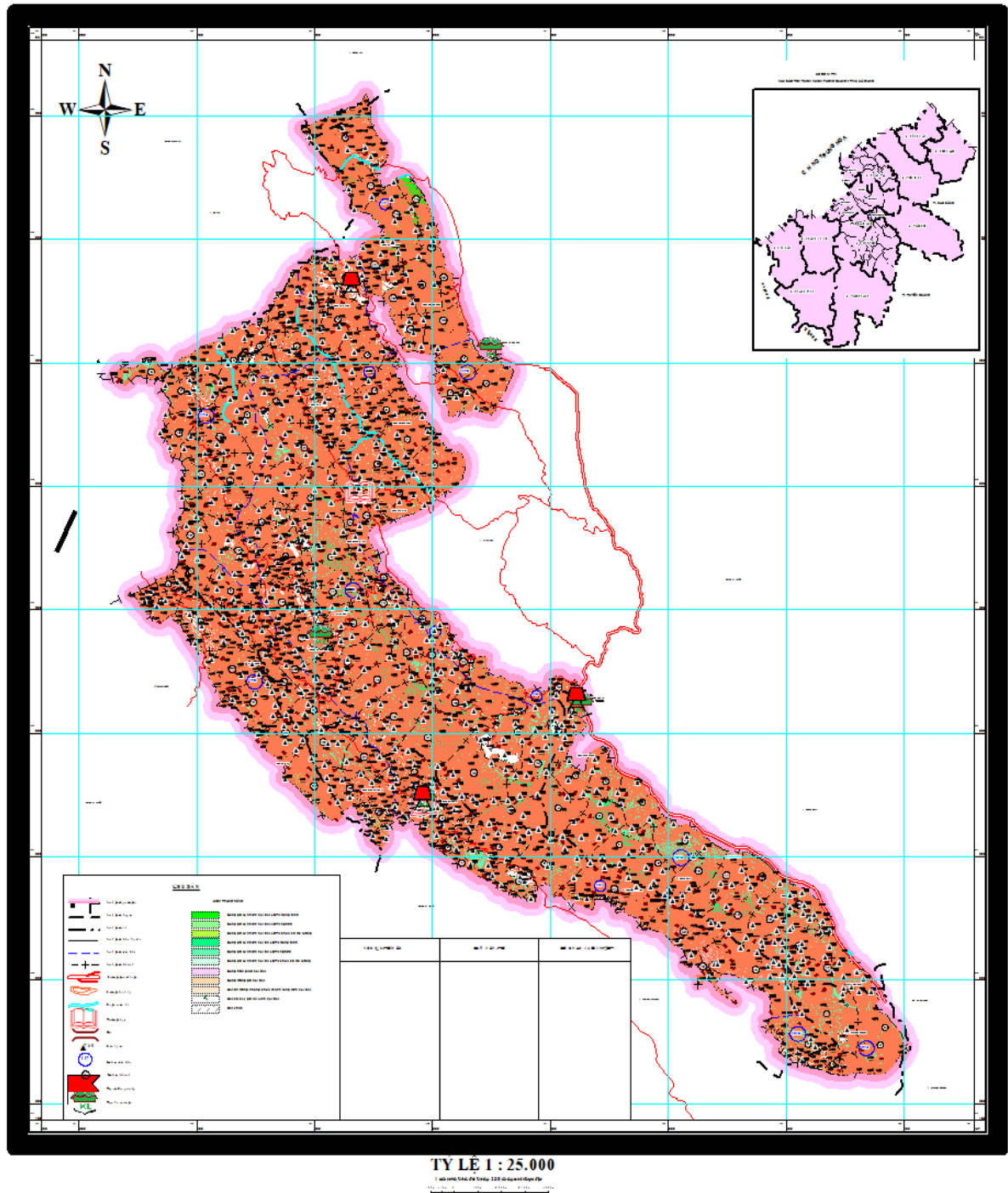
Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu)	Tổng khối lượng	Tổng cộng	Phân theo giai đoạn							
						Giai đoạn 2024-2025				Giai đoạn 2026-2030			
						Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách	Kêu gọi đầu tư	Nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách	Kêu gọi đầu tư	Nguồn vốn hợp pháp khác
2. Tuyến 2: Khám phá nét độc đáo về văn hóa của các đồng bào dân tộc trong các thôn vùng lõi Khu BTTN kết hợp khám phá các cảnh quan, thắng cảnh tự nhiên của khu vực					584					584		584	
Thùng thu gom rác thải	Thùng	7	1	7	7					7		7	
Bảng chỉ dẫn thông tin	bảng	7	1	7	7					7		7	
Khu vệ sinh 70 m ²	khu	7	10	7	70					70		70	
Tu bổ nâng cấp đường đi bộ: 17 km	km	15	10	15	150					150		150	
Xây dựng chòi quan sát : 25 m2/chòi (175m2)	chòi	7	50	7	350					350		350	
3. Tuyến 3: Khám phá giá trị tự nhiên của Khu bảo tồn kết hợp giáo dục môi trường, giáo dục về các giá trị lịch sử,					356					356		356	

Danh mục, dự án đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu)	Tổng khối lượng	Tổng cộng	Phân theo giai đoạn							
						Giai đoạn 2024-2025				Giai đoạn 2026-2030			
						Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách	Kêu gọi đầu tư	Nguồn vốn hợp pháp khác	Tổng (Triệu đồng)	Ngân sách	Kêu gọi đầu tư	Nguồn vốn hợp pháp khác
truyền thống yêu nước.													
Thùng thu gom rác thải	Thùng	3	1	3	3					3		3	
Bảng chỉ dẫn thông tin	bảng	3	1	3	3					3		3	
Khu vệ sinh 30 m ²	khu	3	10	3	30					30		30	
Tu bổ nâng cấp đường đi bộ: 17 km	km	17	10	17	170					170		170	
Xây dựng chòi quan sát : 25 m2/chòi (75m2)	chòi	3	50	3	150					150		150	
4. Đầu tư văn phòng BQL					613	0				613		613	
Thùng gom rác thải	thùng	1	2	1	2	0				2		2	
Bảng chỉ dẫn thông tin	Bảng	1	1	1	1	0				1		1	
Khu nhà vệ sinh (m 2)	m2	20	3	20	60	0				60		60	
Nhà đón tiếp khách	m2	100	4	100	400	0				400		400	
Nhà bán hàng lưu niệm	m2	50	3	50	150	0				150		150	
5. Tập huấn	lớp	2	100	2	200	0				200			200
6.Vườn thực vật, trạm cứu	vườn	1	500	1	500	0				500			500

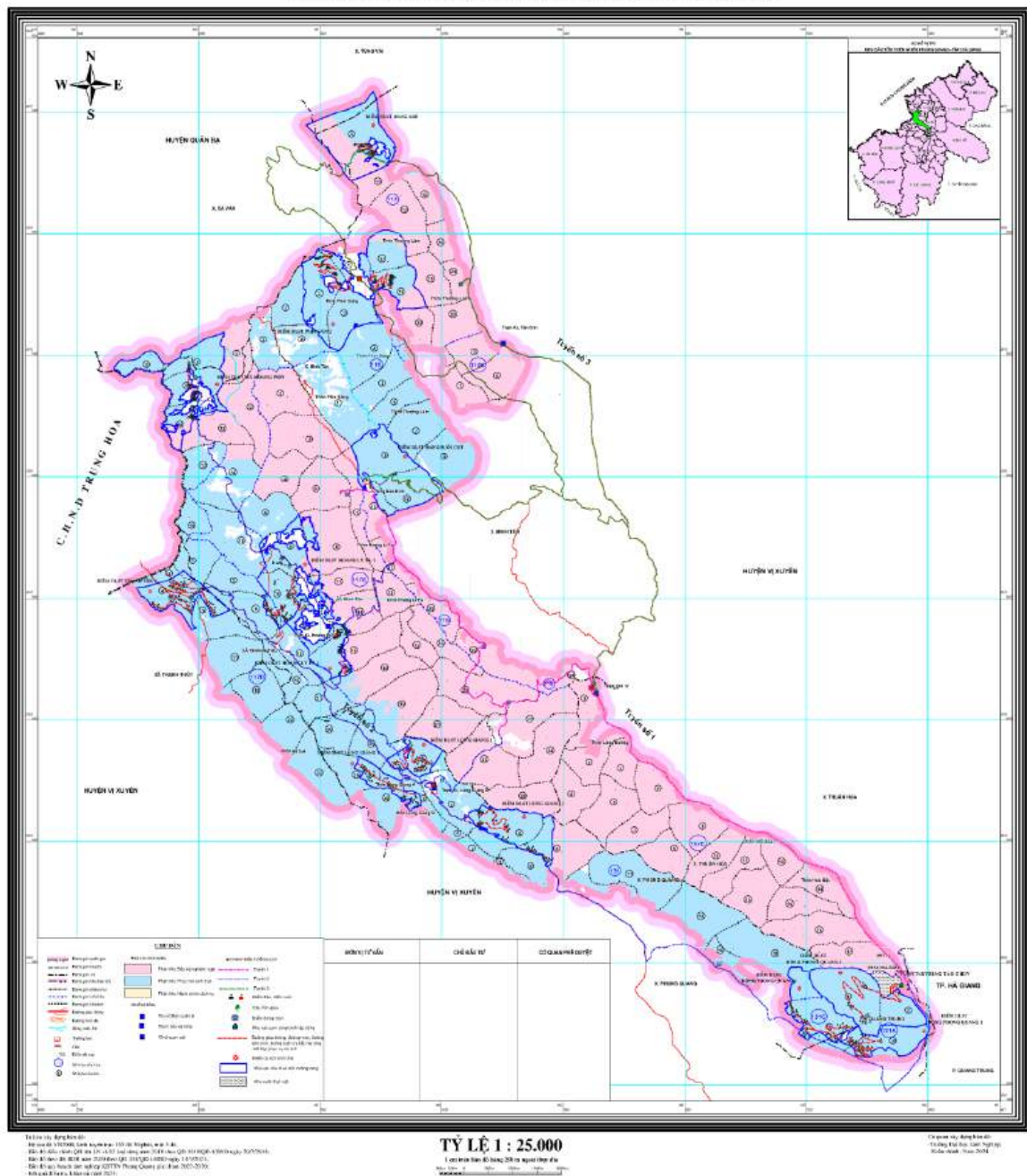
[illegible]

PHỤ LỤC 03: HỆ THỐNG BẢN ĐỒ

1. Bản đồ hiện trạng rừng



**BẢN ĐỒ TUYỂN, ĐIỂM DU LỊCH SINH THÁI, NGHỈ DƯỠNG, GIẢI TRÍ, TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC VÀ HẠ TẦNG DU LỊCH
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG, TỈNH HÀ GIANG**



**BẢN ĐỒ QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU VỰC DỰ KIẾN ĐẦU NỐI GIAO THÔNG,
ĐẦU NỐI CẤP ĐIỆN, CẤP NƯỚC, THOÁT NƯỚC, THÔNG TIN LIÊN LẠC, PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN PHONG QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

